

198 NGÀY 1-4-1968

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ chín

PHẠM LƯƠNG GIANG Việt Nam và « Hội nghị
nhân dân Đông Dương tại Phnom Penh, tháng
3-1965 * GIẢN CHI và NGUYỄN HIỂN LÊ Mạc Tử
Dương Tử và Lão Tử * NGUYỄN PHƯƠNG Lạc
Việt với các dân lân cận * VŨ BẢO hội nghị tháng
Ba của 19 đảng Cộng Sản tại Mạc Tư Khoa * TRÚC
Sĩ hai ngô nhận về Ô. Phan Khôi tham gia các
phong trào cách mạng * TƯỜNG LINH — THÀNH
TÔN hình ảnh khó quên — thâm tạ *
THANH TÂM TUYỀN cát lầy * DOÃN DÂN chỗ
của Huệ * **SINH HOẠT** : NGUYỄN NGU Í
ý thức hệ với văn
nghệ — phẩm luận về
văn chương Việt Nam



198

Thanh thoát

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NƯỚC HOA
NGÔI SAO

EAU
DE
COLOGNE
"L'ÉTOILE"



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^{TE} F^{ISC} DES DISTILLERIES DE L'ÉTOILE D.C.

DIC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIÀ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên đề dặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chánh gốc
nằm phía trong nắp vặn
đinh ốc còn nguyên vẹn.

DIC

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẶC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M.

SỐ THƯƠNG MẠI SAIGON : 157B

Q. G. D. B. : 55 - 826 - 21 - 001

C. C. P. SAIGON N° 27 - 04



TRỤ SỞ :

29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018

Điện-tín : FRANCIBANK

CHI NHÁNH :

Hành lang EDEN — SAIGON

Điện-thoại : 23.207



ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG

MỞ GÁC KHOẢN TÍN - DỤNG VỀ

XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG



ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ-GIỚI

*Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime*



SERVICE

DENIS FRERES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *American Express*
- *United States Line*

23, Ngô-Đức-Kế — Tél. 22.008 - 22.618

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

Siège Social : 74, Rue St-Lazare — PARIS

VIÊT NAM	SAIGON	AGENCE	:	32, Đại-lộ Hàm-Nghi—Tél. : 20.065, 20.066, 20.067.
		BUREAUX	:	178, 180, 182, Đường Lê-Thánh-Tôn (Marche central)—Tél.: 22.142.
		—	:	415, 417, Đường Hai Bà Trưng (Tân-Định) — Tél. : 25.172.
	CHOLON	: AGENCE	:	386, Đại-lộ Đồng-Khánh (Cholon)— Tél. : 39.105.
	KHANH-HUNG	: AGENCE	:	23, Đường Hoàng-Diêu.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER.

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM.

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE.

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH - KHOA

THỜI ĐẠI

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Dinh-Phung

Đ.T. 25.539 — H.T. 339

SAIGON

-:-

PHIẾU MUA DÀI HẠN

Phương danh độc giả _____

Địa chỉ _____

Thời hạn mua (1) _____ bắt đầu từ _____

Thẻ thức trả tiền (2) _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm 196 _____

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

Một năm : 200\$

6 tháng : 100\$

Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

— Trả trước 200\$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60\$ (22 số thường 220\$ + 2 số đặc biệt vào số Tết 40\$ = 60\$).

— Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một mồi trang nhã trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chỉ phiếu (đề tên Ô. Lê-Ngô-Châu) hoặc bưu-phiếu hay chỉ phiếu gửi cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại, Trương mục 27-46 Chánh Trung Khu chỉ phiếu Saigon (xin tạ các Bưu cuộc thiếp phiếu mẫu số C4. 1418).

BÁCH KHOA

THỜI ĐẠI *trong số này*

Số 198 ngày 1 - 4 - 1965

PHẠM LƯƠNG GIANG	Việt Nam và « Hội Nghị Nhân dân Đông Dương » tại Phom penh, tháng 3-1965	3
GIẢN CHI và NGUYỄN HIỂN LÊ	Mặc Tử — Dương Tử và Lão Tử	17
NGUYỄN PHƯƠNG	Lạc Việt với các dân lân cận	23
VŨ BẢO	Hội nghị tháng Ba của 19 đảng Cộng Sản tại Mạc Tư Khoa	31
TRÚC SĨ	hai ngọ nhận về Ông Phan Khôi trong các phong trào cách mạng	39
TƯỜNG LINH	những hình ảnh khó quên (thơ)	53
THANH TÂM TUYỀN	cát lầy (truyện dài)	54
THÀNH TÔN	thâm tạ (thơ)	62
DOÃN DÂN	chỗ của Huệ (truyện 2 kỳ)	63
SINH HOẠT		
NGUYỄN NGU Í	Ý thức hệ với văn nghệ — phẩm luận về văn chương Việt Nam	80
THẾ NHÂN	thời cuộc trong 15 ngày qua	89

BÁCH-KHOA

THỜI-ĐẠI *trong những số tới*

Vấn đề bảo thủ các báu vật lịch sử

PHẠM TRỌNG NHÂN

*Người da đen và đạo luật công quyền
tại Hoa-kỳ*

VŨ-BẢO

Nhà trường : Trung tâm văn hóa dân tộc

NGUYỄN-GIA-TƯỜNG

Uy quyền quốc gia

LÊ-THIỆN-DÂN

Winston Churchill, cuộc đời và sự nghiệp

ĐOÀN-THÊM

Trăm hoa đua nở

GIẢN CHI và
NGUYỄN-HIỀN-LÊ

Anh hùng Lạc Việt

NGUYỄN-PHƯƠNG

*Đọc cuốn « Hiệu-Chú Bích-Câu-Kỳ-
Ngộ » của Ô. Hoàng-Xuân-Hãn*

TẠ-TRỌNG-HIỆP

Nhạc Jazz

TRẦN-VĂN-KHÊ

Đời sống ngày mai

VÕ-QUANG-YẾN

Sống và viết với Lê-Ngọc-Trụ

NGUYỄN-NGU-Í

Đọc « Tìm Đẹp » của Đoàn Thêm

TRẦN-THÁI-ĐÌNH

*Điềm sách « Đêm trắng mùa hạ »
của Lưu Nghi*

Cô PHƯƠNG-THẢO

Một ngày của Ivan (Dịch A. Soljénitsyne)

NGUYỄN-MINH-HOÀNG

Đường về (truyện ngắn)

Y-UYÊN

Tóc mai nghìn xưa (truyện ngắn)

TÚY-HỒNG

VIỆT-NAM

và Hội-Nghị Nhân-Dân Đông-Dương tại Phnom-Penh, tháng 3-1965

PHẠM-LƯƠNG-GIANG

I.

V Ở I rất nhiều kèn trống và cờ quạt, «Hội Nghị Nhân Dân Đông Dương» đã được ông Hoàng Norodom Sihanouk xức dầu Tháp khai sanh. Khai sanh tương đối bất ngờ, vì không quá chú trọng tới thời kỳ thai nghén chuẩn bị, mặc dù là thụ thai theo ý muốn !

Cứ kể ra, ta không thể hiểu « Hội Nghị Nhân Dân Đông Dương », nếu không ráng ngược giòng thời gian, nhìn qua bản cờ thế giới từ 10 năm về trước. Hội nghị Á-Phi (1) năm 1955 họp tại Bandoeng, đã là một lời cảnh cáo của các dân tộc da màu nguyên bị trị bởi toàn thể các dân-tộc da trắng nguyên thống trị. Ông Hoàng Norodom Sihanouk từ trước không được dư luận quốc tế

biết tới, thì nhân dịp Hội nghị này đã được hân hạnh họp mặt, bắt tay, hội ý... với các bậc đàn anh trên thế giới : Nehru, Chu-Ân-Lai, Sokarnoe. Một sự kiện như vậy là một khúc rẽ trong cuộc đời chánh trị của ông. Và ông liên tưởng tới 15 năm trước nữa, khi còn du học tại Saigon, trường trung học Chasseloup Laubat (2).

Mặc dù là con giòng cháu giống, ông được các nhà đương-cuộc Pháp gửi du-học với tư cách lưu trú học sinh. Một nhân-viên hạ - đẳng Pháp ngạch Thương-chánh liên-bang được chỉ định trông nom săn sóc. Và như vậy cho đến năm 1941, các nhà đương cuộc Pháp muốn tìm một vị Hoàng tử trẻ tuổi để

(1) Xin coi Bách khoa số 197

(2) Nay đổi tên là J.J. Rousseau.

để uốn nắn, đã tìm tới ông, đặt lên ngôi cửu-ngũ, trị-vì dân tộc bảo hộ Khmer.

Chính nhân dịp Hội nghị Bandoeng, lại ôn lại những kỷ niệm chua-cay thời còn là lưu-trú học sinh, và sau này thủ vai trò vua chúa trên sân khấu một nước bị trị, ông Hoàng Norodom Sihanouk đã khám-phá ý-nghĩa nhiệm-mầu của phẩm-từ trung-lập về chánh-trị. Ông suy ngẫm về trường hợp độc-lập của Thái-Lan nhờ ở vị trí địa dư cũng như chánh trị : Thái-Lan đứng ở giữa, một bên là Đông-Pháp, do Pháp làm chủ ; một bên là Ấn-Độ, do Anh làm chủ. Bên này giữ bên kia, phía kia gồm phía nọ, khiến Thái-Lan không ai dám đụng tới. Gặp cơ hội thuận tiện, Cambodge tất cũng sẽ tạo điều kiện như vậy, để bảo vệ độc lập.

Do đó, sau hội-nghị Bandoeng, ông Norodom Sihanouk sốt sắng tuyên truyền lý-thuyết « Chung sống », « Hòa-Bình », (tiếng Khmer kêu là « Pancha Sila »). Và ông áp-dụng chách sách *trung lập* cho đất nước ông : làm bạn với hết thảy các quốc gia, và lần lần nếu cần đến, sẽ mang Nga, Trung Cộng đề đối phó với Mỹ, và ngược lại.

Cứ kể ra, lý luận như vậy thật xác đáng, nhưng chỉ tương đối, và nếu ta chỉ quan sát về bề mặt. Trong thực tế, là bạn của hết thảy mọi người còn có thể đồng nghĩa với không là bạn của một ai ! Và *trung-lập hóa một nước chỉ có hiệu quả* nếu các nước xung quanh đều tôn trọng nền trung lập đó. Điều này không thể thực hiện trong một tình trạng như ngày nay : Cộng-Sản không từ một thủ-đoạn

nào để đạt mục đích mong muốn, kể cả hứa hẹn rồi lại xâm nhập, du kích, hay lợi dụng tình thế của quốc-gia trung lập, đề-tuyên truyền, xuyên tạc, thông-quá, hay tấn-công trực hay gián-tiếp... Mà nói cho đúng, thì trong lịch sử cận-kim, kinh nghiệm đã chứng-tỏ mặc dù có thiện chí và ý chí tôn-trọng nền trung-lập của một quốc-gia, một số quốc gia khác vẫn sẵn sàng xâm phạm vì lẽ sống còn của mình hay vì trường hợp bất khả-kháng, tùy nhu-cầu và nhân tuyến ! Chúng ta không thể quên lời tâm sự của một chánh-khách Lục-Xâm-Bảo sau trận thế-chiến thứ hai : « Nước Lục-Xâm-Bảo chúng tôi thật chẳng khác nào một mệnh phụ đoan trang, nhưng đã bị xúc phạm tiết hạnh tới hai lần ! »

Quan niệm trung lập là một chánh sách lý tưởng cho đất nước mình, ông Hoàng Norodom Sihanouk còn quan niệm chánh-sách ấy cũng là lý tưởng đối với các lân-bang, trong số đó có Việt-Nam mà ông cho như một quốc-gia thù địch truyền kiếp ! Ông muốn rằng hội nghị Genève phải được tái triệu tập, trong khi chờ đợi Việt-Nam rồi đây cũng sẽ trung lập như Cambodge ! Nhưng ông quên hẳn những yếu tố đã khiến Việt-Nam ở trong một tình-trạng tối đặc biệt : lãnh thổ bị phân chia, Việt-Cộng luôn luôn xâm nhập và phá-hoại, nhiều khi còn lợi-dụng ranh giới chung giữa Việt-nam/Cambodge để gây mầm ngộ-nhận và xung khắc giữa hai nước...

Ý-niệm trung-lập hóa miền Nam

(1). — Một công-quốc (duché) nhỏ ở giữa hai nước Pháp Đức. Dân số lối nửa triệu người.

Việt-Nam ông Hoàng Norodom Sihanouk thường đề cập đến luôn, nhân các buổi hội-đàm hay tiếp đãi, ngoại giao đoàn hay các tân khách ngoại quốc. Và ngày 9-11-1964 — nhân dịp lễ Quốc khánh Cambodge lần thứ XI — trong một bài diễn-văn tràng giang đại hải (1) đọc trước khán-đài danh dự, ông Norodom Sihanouk nhắc lại ý kiến này đã quá quen, nhất là đối với những ai theo dõi chánh cuộc Cambodge biến chuyển từ 11 năm nay.

Lần này có yếu tố mới lạ, là có nhiều phái đoàn các nước bạn của Cambodge tới dự buổi lễ long trọng này, trong số có Trung-Cộng, Nam-Dương, Việt-Cộng, Pháp và nhiều nước khác. Ông Norodom Sihanouk hô-hào triệu-tập «Hội-Nghị Nhân-dân Đông-Dương» gồm những phong trào, mặt trận, khuynh hướng, mà ông tạm gán cho cái danh hiệu là «quốc gia», thuộc các nước trong liên-bang Đông-Dương trước đây. «Hội nghị» này nhằm ủng-hộ giải pháp trung lập hóa miền Nam Việt-Nam mà tướng De Gaulle không hề ngớt đề nghị từ non một năm nay. Lời nói của Norodom Sihanouk được Việt-Cộng và Pathet Lào vội vàng và sốt sắng hưởng-ứng, khiến Norodom Sihanouk đã ném lao, phải theo lao cho trọn.

II.

Ta hãy nghe ông Hoàng Norodom Sihanouk hô hào. Bài diễn văn dài, tóm tắt cũng còn 10 trang giấy đánh máy, trong có những đoạn thật rõ rệt và «lý-thú» :

« . . . tuyên bố trung lập hóa miền Nam Việt-Nam với sự bảo-đảm và kiểm

soát của cả hai khối Đông và Tây. Nếu điều đó được thực hiện, ấy là hòa bình sẽ tức khắc trở lại. Và bài toán Cambodge tự nhiên sẽ được giải quyết».

«Đoàn-thề « Sangkum Reastr Niyum» (2) gồm 99% dân-tộc Khmer đề nghị với các chánh đảng, phong-trào ái quốc tại Bắc Việt-Nam, Nam Việt Nam và Lào, cùng hội họp tại Cambodge trong khuôn khổ «Hội-nghị Nhân - dân Đông-Dương» đề lên tiếng với thế giới, yêu-sách hòa-bình phải được tái-lập. Nền hòa-bình này đã bị Hoa-Kỳ xâm-phạm vì Hoa-Kỳ quá coi thường Hiệp định Genève ».

« Tôi nghĩ rằng chỉ như vậy mới khả-di cưỡng-bách Hoa-Kỳ chấp-nhận một giải pháp hòa bình tại vùng này, nghĩa là chấm dứt chiến tranh tại miền Nam Việt-Nam . . . »

Hai ngày sau, 11-11-1964, báo « Nhân - dân » tại Hà nội đáp lời hưởng ứng, đồng thời còn mượn dịp đả kích Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa. Rồi hai ngày sau nữa, 13-11-1964, có tin từ Khang - Khai là đài bá - âm âm Pathet Lào tán-thành sáng-kiến của Norodom Sihanouk, và « dân tộc Lào mong mỗi hội nghị sẽ được triệu tập sớm chừng nào hay chừng ấy ! Vì đề nghị này thật thiết thực, và phản chiếu một quan-điểm thật xác đáng về tình-trạng hiện-tại ở Đông Dương ! »

Lẽ tất nhiên là sau đó, đài bá-âm một vài nước Cộng-sản khác cũng lên

(1) Ông Hoàng Norodom Sihanouk rất hùng biện. Thường khi nói chuyện lâu tới hơn hai giờ mà không biết mệt.

(2) Đoàn thề chánh-trị do Norodom Sihanouk lãnh đạo.

tiếng ủng-hộ, cùng là khen ngợi sáng kiến của Norodom Sihanouk.

Về phần V.N.C.H, dĩ-nhiên thái-độ là cương-quyết phản đối một đề-nghị phi lý như vậy. Bản tuyên-cáo của chánh phủ Việt-Nam vào dịp này đã thẳng-thắn nhấn mạnh rằng «những đoàn thể mệnh danh là «phong trào ái-quốc» chỉ có thể là đảng Cộng-sản Bắc-Việt và «Mặt trận giải-phóng miền Nam»... Những đảng đó không có danh nghĩa gì để thay mặt dân tộc Việt-Nam, chớ đừng nói gì tới cam-kết cả tương lai của dân tộc đó.. Thái-độ của Hoàng tử Norodom Sihanouk thật mâu thuẫn với lời tuyên bố của ông mong muốn tái lập nền bang-giao giữa hai quốc-gia, nếu quả thật ông mong muốn như vậy.

Song song với đề nghị triệu tập «Hội nghị nhân dân Đông Dương», Cambodge còn gửi phái-đoàn tiếp-xúc với chánh quyền Hà nội, *nhưng tại Bắc Kinh*, để đàm-luận về các vấn-đề giữa Việt-Nam và Cambodge!

III.

Sau Việt-Cộng và Lào-Cộng, đến lượt một số đoàn thể khác, khuynh hướng thiên tả, cũng lên tiếng hưởng-ứng: Mặt trận giải-phóng, Phong trào tồ-quốc.. Nhưng cũng có một vài phong trào hoặc đoàn thể khác, chánh trị hay tôn-giáo, lên tiếng: Phật-giáo, Cao-dài... (nhưng đều là từ Hà Nội), và «ủy ban Hòa-Bình và Chấn-Hưng miền Nam Việt nam» do cựu Thủ-tướng Trần-văn-Hữu lưu vong tại Pháp lãnh đạo, cùng là Liên-hiệp Việt-Kiểu trung-lập tại Cambodge...

Đó có thể coi như một lợi-điểm cho người đã có sáng-kiến triệu tập hội nghị, vì dư-luận có thể hiểu lầm là không riêng các phái-đoàn Cộng-Sản tham dự, mà còn cả các đoàn khác có khuynh hướng «quốc-gia». Nhưng xét cho kỹ, cựu Thủ-tướng Trần-Văn-Hữu có Pháp tịch, không có liên lạc với đất nước và xa quê hương đã trên hơn 10 năm trời, sẽ không đại diện cho ai, ngoại trừ cho quyền-lợi cá-nhân của chính ông còn để lại Việt-Nam. Còn các đoàn-thể Việt kiều sống nhờ trên đất vương-quốc Cambodge, hãy thử hỏi họ có thể làm gì hơn một khi chánh-quyền địa-phương muốn họ tham dự và... ủng hộ?

Và sau nhiều trì-hoãn, hội nghị đã chào đời, hoạt động chia làm hai phần như sau:

- Hội-nghị trù-bị, và
- Hội-nghị chánh-thức.

IV.

Hội nghị trù bị khai mạc ngày 14-4-1965, nhằm mục-dịch phác-họa chương trình nghị sự và ấn-định thành phần các phái đoàn sẽ tham-dự Hội-nghị chánh-thức.

Có 7 phái đoàn tham-dự Hội-nghị trù-bị:

- Sangkum Reastr Niyum (Cambodge) (1).
- Neo Lao Haksat (Lào)
- Lực lượng Trung lập ái quốc Lào (2)

(1). Đoàn thể chánh-trị do Ô. Norodom Sihanouk lãnh đạo.

(2). Vì trường hợp bất khả kháng, phái đoàn đã không tới được.

— Mặt trận Tồ-quốc (Việt Cộng)
Trưởng phái đoàn : Hoàng-minh-Giám.

— Mặt trận giải phóng miền Nam
(Việt Cộng), Trưởng phái-đoàn :
Trần-Bửu-Kiểm.

— Ủy ban Hòa bình và Chấn-hưng
miền Nam Việt-Nam, Trưởng phái
đoàn : Trần-văn-Hữu

— Mặt trận chiến-dấu Miền Hạ
Trưởng phái đoàn : Thạch Prom
Vireak

Sau 4 ngày bàn-luận, Hội nghị trù-
bị đã đi đến các quyết định như sau :

1') Hội nghị chánh-thức sẽ nhóm
ngày 25-2-1965, và diễn trong một
tuần-lễ.

2') Chương-trình nghị sự sẽ gồm có
các mục :

— Vấn đề Việt-Nam (Nam và Bắc) :
Tôn trọng và thi-hành hiệp định Genève
1954 ; vấn hồi hòa-bình ; quân đội Mỹ
rút khỏi Nam Việt-Nam ; chấm dứt các
hành động Mỹ xâm phạm Bắc Việt.

— Vấn đề Cambodge : công nhận và
tôn-trọng nền trung-lập và lãnh - thổ
Cambodge ; Mỹ và Việt Nam chấm dứt
xâm phạm lãnh-thổ Cambodge.

— Vấn-đề Lào : tôn-trọng hiệp-định
Genève 1962 về Lào ; tôn-trọng trung-lập
và độc-lập Lào.

— Dự-định thiết-lập một văn phòng
liên lạc thường-trực để phát - động
công-cuộc hợp tác chặt chẽ giữa các dân
tộc Đông-Dương.

Căn cứ vào thông cáo chung của
Hội nghị trù bị, thì sẽ có lối 40 tổ chức

hoặc đoàn thể phong trào, chánh-trị,
tôn giáo, tham dự Hội-nghị chánh-thức,
đại loại chia như dưới đây :

— Cambodge : 4 đoàn-thể

— Lào : 5 —

— Việt-Cộng : 11 — , và

— Các đoàn-thể chánh-trị hay tôn-
giáo, lấy miền Nam Việt-Nam làm cứ-
diềm hay đối-tượng : 20.

Các đoàn-thể chánh-trị hay tôn-giáo
này nhiều khi đã từng hoạt-động ; nhiều
khi khác mới thành lập với mục-đích để
được tham dự hội-nghị .. Nghĩa là thành
tích so sánh thật sai-biệt và uyên-chuyên :
Hội đoàn-kết các sư sãi yêu nước miền
Tây Nam-bộ, Ủy-ban bảo-vệ Phật-giáo
chống chế-độ Ngô-Đình-Diệm, Ủy-ban
Mặt trận Giải-phóng Miền-Hạ, Ủy-ban
Giải-phóng Cao-nguyên Chàm, Ủy-ban
Hòa-bình và Chấn-Hưng miền Nam
Việt-Nam, Mặt Trận Giải-phóng Miền
Nam, Phong-trào Trung-lập Việt-Nam,
vv... Kinh có, Thượng có, Cộng có, mà
mệnh-danh "quốc-gia" hay "trung-lập"
cũng có ; ngoài ra còn các đoàn thể do
những phần-tử Việt-kiều sống nhờ đất
người, có thể là vì muốn làm hài lòng
chánh-phủ người, mà cũng có thể là vì
bị áp lực của người mà miễn-cưỡng
phải hoạt động..

Ngày 17-3-1965, Hội-nghị trù-bị bế
mạc, và các phái đoàn chia tay hẹn ngày
tái-ngộ, cùng là gặp gỡ các phái đoàn
khác nữa, với Hội-nghị chánh-thức dự
định sẽ khai-mạc vào ngày 5-3-95.

Các phái-đoàn đều hân-hoan, và người
hân hoan nhất tất nhiên phải là ông
Hoàng Norodom Sihanouk, cha đẻ của
Hội-nghị.

Ông đã có dịp đề xác-nhận « tài đạo diễn » của mình, đề tin tưởng sẽ tạo cơ-hội khai-thác Hội-nghị chánh-thức rồi đây hậu-thuần cho kế-hoạch của ông nhằm trung-lập hóa miền Nam Việt-Nam. Hơn thế nữa, trừ các phái đoàn Cambodge đối với ông đều là « con cháu trong nhà » (1), còn thì rất có thể theo sự hiểu biết của một số người, các phái-đoàn khác tới nơi có khác gì tranh-dua đàm-luận về một vấn-đề sinh-tử liên-quan đến nội-bộ của nước mình, dưới quyền chủ-tọa và với sự trọng tài của Quốc-trưởng Norodom Sihanouk.

Bản thông cáo của VNCH ngày 30-1-1965 cũng đã long trọng nhấn mạnh là chủ-trương này của ông Hoàng Norodom Sihanouk có tánh cách « xen vào nội bộ Việt-Nam », điều mà chánh-phủ cũng như dân-tộc Việt-Nam không tha thứ (2), cùng là ông Hoàng Norodom Sihanouk phải lãnh hoàn toàn trách-nhiệm trước lịch-sử và hai dân tộc Cambodge-Việt-Nam.

Mặt khác, dư luận không phải là không đề ý tới đặc-tính của ông Hoàng này, thích lên tiếng, thích tuyên bố, thích chủ-tọa, thích làm trọng-tài, nói tóm lại, thích được thế-nhân biết đến ông và nước Cambodge của ông.

Ký-giả Georges Chaffard (3) trong báo Le Monde Diplomatique số tháng 1, 1965, đã viết như sau: « Những đại-diện Việt-kiểu tại Pháp, tại Lào có sẽ tham dự không? Mong rằng điều này có thể thực hiện, nhưng không nên để sự-kiện biến thành một vụ huynh-đệ tương-tranh dưới sự quan sát mỉa mai của Cambodge! » (4)

V.

Tuy ai nấy lạc quan trước khi tạm chia tay ngày 17-2-1965, mà các mâu-thuần đã sớm bắt đầu nảy nở. Đáng lẽ Hội-nghị chánh-thức khai-mạc ngày 25-2-1965, thì mọi hoạt động đã phải đình-trệ (5).

Vì các phái đoàn Cộng Sản muốn hạn-chế hoặc loại trừ những nhóm Trung-lập ra khỏi Hội-nghị. Ngoài ra, các đoàn thể đó còn muốn xét lại đối tượng của Hội-nghị. Tại Hội-nghị trừ-bị đối tượng được xác nhận bằng khẩu hiệu « Hòa-Bình-Độc-lập-Đoàn kết »; nhưng nay các phái đoàn Cộng-Sản lại muốn nhấn mạnh về điểm « đoàn-kết chống Đế quốc Mỹ » và

(1) Ông Hoàng Norodom Sihanouk vẫn gọi thần dân là « con cháu ». Và thần dân của ông cũng kêu ông là « Samdech Euv ». Nghĩa là: « Cựu vương cha đẻ »

(2) «... toutes résolutions ou décisions, de quelque nature que ce soit, concernant directement ou indirectement le Vietnam et qui auraient été adoptées ou prises par la conférence, ne sauraient engager ni le Gouvernement de la République du Vietnam, ni le peuple Vietnamien.

«... En créant une aggravation de la tension dans cette partie du monde par ses ingérences plus qu'injustifiées dans les affaires internes, Vietnamiennes aussi bien que par ses ambitions territoriales, le Prince Norodom Sihanouk aura à en porter l'entière responsabilité devant les deux peuples Cambodgien et Vietnamien »

(3) Ký-giả Pháp có tên tuổi, tác-giả nhiều bài bình luận trong nhật báo Le Monde và Viễn-đông và Đông-Nam-Á.

(4) « D'autres représentants des Vietnamiens de France ou du Laos participeront-ils à la rencontre? Cela est évidemment souhaitable, sous la réserve qu'ils n'aillent pas offrir à l'ironie Khmère le spectacle de luttes intestines »

(5) Sau, Hội-nghị hoãn mãi tới 1-3-65 mới khai mạc.

hạ khẩu hiệu « Hoà-bình » xuống hàng nhì. Nhưng các phái đoàn đó đã thất bại, vì vấp phải sự chống đối cương-quyết của các phái đoàn khác. Nhưng dù sao ý niệm « đoàn-kết » đã bị thương tổn ngay từ khi còn trúng nước !

Một chương-ngại nữa có vẻ thuộc về hình-thức, nhưng chính ra là thuộc về nội-dung và ngay trọng-tâm của vấn-đề. Một số phái-đoàn phủ-nhận tánh-cách đại-diện của một số phái-đoàn khác, cùng là công kích thủ-tục các phái-đoàn trong Hội-nghị trù-bị luân-phiên chủ-tọa các buổi họp của Hội nghị chánh-thức. Vì trong thực-tế, tùy thành phần Hội-nghị và tùy thủ-tục điều-động cùng là chủ-tọa các buổi hội, kết-quả của Hội-nghị có thể không giống như ông Hoàng Norodom Sihanouk hằng mong muốn.

Ông Hoàng Norodom Sihanouk mong muốn trung-lập hóa miền Nam Việt-Nam. « Phong-trào trung-lập Việt-Nam » do một số Việt-kiều sống tại Cambodge chủ-trương làm hậu-thuấn cho ý-kiến đó của Norodom Sihanouk. Phong-trào vừa cho xuất-bản tại Phnom-Penh một tờ báo (1) lấy tên là « Thuần-túy Trung-lập », đề ủng-hộ đường lối như của Cambodge vẫn đề cao. Những bài của báo « Thuần túy Trung-lập » không gây tiếng vang trong thời-gian Hội-nghị trù-bị nhóm họp. Nhưng rồi sau, các phái đoàn tả đòi trực-xuất « Phong-trào Trung-lập Việt-Nam », và ban tổ-chức phải dụng công dàn-xếp cho tình-hình đỡ căng thẳng, và « Phong-trào » được tham-dự Hội-nghị.

Nhưng tại sao các phái-đoàn tả đã tán-thành chấp-nhận những quyết-nghị

trong Hội-nghị trù-bị, nay lại bỗng dưng có thái-độ cứng rắn ?

Ngày 23-2-1965, (nghĩa là 2 ngày trước ngày dự-định khai-mạc Hội-nghị chánh-thức), Chu-Ân-Lai gửi điện-văn chào mừng Hội-nghị. Lời lẽ thật nồng-hậu, nhưng nội-dung thật cứng rắn, yêu sách Mỹ phải *tức khắc rút lui quân-đội ra khỏi vùng này*, bằng không thì mọi cố gắng sẽ coi như vô hiệu-quả (2).

Ngày 24-2-1965, Hoàng-Quốc-Việt (3) từ Hà-nội qua Phnom Penh thay thế Hoàng - Minh - Giám trong chức - vụ Trưởng Phái-đoàn « Mặt trận Tò-quốc ». Hoàng-Quốc-Việt tới Phnom Penh buổi sáng, thì ngay buổi chiều được Norodom

(1) Số ra mắt ngày 13-2-1965

(2) « Les faits ont prouvé que l'impérialisme américain est la source de tous les désastres dont souffrent les peuples d'Indochine. Tant que cette source ne sera pas extirpée, l'Indochine ne connaîtra pas de tranquillité. Sans le retrait des agresseurs américains de cette région, tout accord international, visant à résoudre la question Indochinoise se verra, comme les accords de Genève de 1954 et 1962, violé et foulé aux pieds par l'impérialisme américain. **Les États-Unis et leurs acolytes doivent retirer complètement, immédiatement et sans aucune condition leurs forces militaires de l'Indochine.** C'est seulement ainsi que la paix en Indochine sera garantie et que les peuples des pays Indochinois seront en état de résoudre leurs problèmes respectifs à l'abri de l'intervention étrangère ».

Norodom Sihanouk vẫn ca ngợi Trung Cộng là « người bạn vĩ đại ». Nay, do sự khuyến-khích, hay đúng ra, tuân hành chỉ thị của Trung-Cộng, các phần tử Việt-Cộng đã khuynh đảo cả hội-nghị và làm lạc hướng chương-trình của Norodom Sihanouk...

(3) Nhân-viên chánh-trị quan-trọng, 1 trong số 10 nhân-vật có uy tín nhất ở vùng Việt cộng.

Sihanouk tiếp kiến. Và buổi tối thì có tin Hội-nghị đáng lẽ khai-mạc sáng hôm sau, sẽ phải hoãn tới một ngày chưa nhất định!

Nói tóm lại, trước đây Norodom Sihanouk chủ trương và hy vọng Hội-nghị chánh thức sẽ mở đường cho một Hội-nghị Quốc tế để nghiên cứu các điều kiện chánh trị và kỹ thuật cho công cuộc triệt thoái quân lực Hoa-kỳ khỏi vùng này, thì các phái đoàn Cộng sản tuân hành huấn thị của Trung-cộng, lại đặt vấn đề Hoa-kỳ triệt thoái quân lực của mình thành *điều kiện tiên quyết cho một Hội nghị quốc tế sẽ được triệu tập*.

Và Norodom Sihanouk không đủ sức đương đầu, đã đành nhân nhượng, thương lượng, hầu soa dịu một số mâu thuẫn để Hội nghị chánh thức có thể khai mạc ngày 1-3-1965.

Ngày 1-3-1965 : Hội nghị khai mạc.
Đề sẽ bế mạc ngày 9-3-1965.

Trước hết Norodom Sihanouk nhượng bộ đến mức không đọc bài diễn văn tràng giọng mà ông đã soạn trước rất công phu, dài tới 25 trang đánh máy! Thay cho bài diễn văn vĩ đại đó, ông đành nuốt hận đọc một bài diễn văn ngắn vừa một trang giấy, không lớn tiếng về chánh sách này hay lý thuyết nọ, mà chỉ đơm màu xã giao thông thường; chào mừng và chúc hội nghị thành công. Đó là một hy sinh phỉ thường của ông, nếu chúng ta biết tình ông Hoàng Norodom Sihanouk.

Và chúng ta hãy so sánh hai bài diễn văn của ông : bài đáng lẽ được đọc, mà sau chỉ đem phát làm tài liệu lịch sử,

và bài được chánh thức đọc để khai mạc Hội nghị chánh thức này.

Bài thứ nhất vừa dài, vừa chứa nhiều quan niệm và nhận xét chính trị, cùng là các đề nghị mà một số phái đoàn có ảnh hưởng đã phản đối. Trong bài này ông Hoàng Norodom Sihanouk đã kích chánh sách đế quốc Mỹ (1) và Anh; đề cao Cam bodge, ca ngợi những quan niệm chánh trị sáng suốt và tiền tiến của tướng De Gaulle, mà ông cho là « vị Quốc-trưởng đáng kính nhất trong hàng ngũ thế giới « tự do » và là nhà lãnh đạo Âu-tây duy nhất xứng đáng với danh từ ấy ».

Nhưng ông Hoàng Norodom Sihanouk cũng không quên chính ông, với « tư cách là một công dân Đông Dương mà từ một phần tư thế kỷ nay, định mệnh đã giao phó những trách nhiệm quốc gia và quốc tế, nặng nề và khác biệt », để phát biểu một vài ý kiến cùng là đưa ra một vài đề nghị. Những ý kiến và đề nghị đó, chúng ta đã biết đại cương nay chỉ ghi lại những điểm chánh yếu hoặc từ trước chưa từng đề cập tới:

— Triệu tập một Hội nghị Quốc tế để thăm cứu về vấn đề Đông-Dương yêu sách Hiệp định Genève 1954 và 1962 phải được tôn trọng. Bảo đảm của cả hai khối Đông và Tây.

— Trung lập hóa Việt-nam.

(1) «... il faut que notre conférence parvienne à obtenir le soutien de l'opinion internationale, afin que celle-ci exerce une telle pression sur les U. S. A. qu'ils acceptent de mettre fin à la guerre et d'apporter avec notre collaboration, une salution pacifique au problème de l'indépendance indochinoise dont le noeud se trouve au sud Vietnam. »

— Đoàn-kết và cộng tác giữa ba quốc gia, để có thể ăn nói trên diễn-đàn quốc-tế.

— Sau Hội-nghị chánh-thức, nền-tảng đoàn-kết và cộng tác một khi đã được thực-hiện, sẽ thành-lập một « Tòa tổng thư ký Thường-trực các dân-tộc Đông dương » (Secrétariat permanent des Peuples Indochinois), hay « Tòa Tổng thư ký thường-trực Đoàn-kết Đông dương » (...de la Solidarité Indochinoise). Cơ quan này sẽ « duy trì và củng cố sự đoàn kết và cộng tác » giữa ba dân tộc. Rồi ông đi xa hơn đề sau này hy vọng sẽ tới một Liên Hiệp Quốc gia Đông Dương « Organisation des Nations Indochinoises, Ligue des Nations ou des Etats Indochinois... » với sự tham dự của hết thảy các quốc gia địa thế ở giữa Trung-Hoa đỏ và Ấn-độ... Sẽ có những cuộc họp mặt bàn tròn có định kỳ, để trao đổi ý kiến và phác họa các chương trình về Kinh tế, Ngoại giao, Kế hoạch dân sinh và Tài chánh v.v.

Còn bài mà ông Hoàng Norodom Sihanouk đọc thực sự, thì thực nhũn nhặn, lễ độ ; hơn thế nữa, rất đắn đo và cân nhắc, chỉ nặng về phần xã giao và nghi lễ, ông còn nhấn mạnh là sẽ « không ảnh hưởng tới quyết nghị tối hậu của Hội nghị », và « các quyết nghị đó sẽ được thảo theo sự lựa chọn của các phái đoàn » (1).

Có lẽ chẳng, vì mỗi hận lòng thấm thía đó, mà mấy ngày sau — ngày 5-3-1965 — trong bài diễn văn đọc nhân buổi lễ kỷ niệm 10 năm trường Võ bị Hoàng gia Cambodge, Ông Hoàng Norodom Sihanouk đã không ngại ngừng tâm

sự : « Sau khi quân Mỹ rút lui, chúng ta sẽ phải đương đầu với loại Cộng sản đe dọa nhất : ấy là Cộng sản Việt-Nam ! » (1)

VII.

Trong khi Hội nghị nhóm họp, Trưởng phái đoàn Sangkum (Cambodge) là Ô. Son Sann (2), có trở lại một số những quan điểm đã ghi trong bài diễn văn không được đọc của ông Hoàng Norodom Sihanouk. Tức thì Huỳnh-Tấn Phát đại diện « Mặt Trận giải phóng miền Nam » và Hoàng quốc Việt đại diện « Mặt Trận Tộc Quốc », giơ tay phản đối ; rồi tuyên bố : « Không chấp nhận một Hội nghị Quốc tế, mà yêu sách quân Mỹ phải rút lui ngay không điều kiện ! »

Tuy vậy, ngày cuối cùng, 9-3-1965, sau 8 ngày thảo luận gay go, Hội nghị đi tới một bản quyết nghị ít khi có trong lịch sử. Ngoài phần tổng quát, chung cho cả Hội nghị, là phần *quyết nghị riêng cho từng nước Việt, Miên, Lào*. Như vậy, làm sao có thể nói tới đồng tình, và đoàn kết !

Phần về Việt Nam có hai đoạn :

(1) — « ... il ne m'appartient pas de présider à l'élaboration des résolutions finales de notre conférence. Les résolutions seront conçues dans les termes que vous aurez vous même, choisis »

(1) Nous n'ignorons pas qu'après le départ des Américains, nous serons face à face avec le communisme et pire que tout pour nous, : le communisme Vietnamien ! C'est évidemment pour nous le pire des communismes ».

(2) Ô. Son Sann, Thống đốc Ngân-Hàng Quốc gia Cambodge, Cố vấn riêng của Ô. Norodom Sihanouk.

a) « Dân Chủ Cộng Hòa Việt Nam :

— « Đòi hỏi đế quốc Mỹ tức khắc đình chỉ những hành động khiêu khích và xâm lược đối với Dân chủ Cộng Hòa Việt Nam ; tôn trọng địa phận, không phận và hải phận Dân chủ Cộng hòa Việt nam ».

b) « Nam Việt Nam :

— « Yêu sách chiến tranh Mỹ xâm lược phải được chấm dứt.

— « Đòi hỏi thoả triệt quân lực, nhân viên và vũ khí Hoa kỳ và đồng minh ; thanh toán các căn cứ quân sự và tái lập hòa bình.

— « Tán thành nguyên tắc người Nam Việt Nam giải quyết lấy các vấn đề của mình trên căn bản Độc lập, Dân chủ, Hòa bình và Trung lập... »

Chúng ta nhận thấy quan điểm tối hậu đã trở nên hòa dịu hơn trước rất nhiều : không yêu sách quân lực Hoa kỳ phải tức khắc rút lui không điều kiện, mà chỉ yêu sách đình chỉ khiêu khích, tôn trọng địa phận, không phận và hải phận, và rồi sẽ rút lui khỏi Nam Việt-Nam.

Lễ bế mạc được cử hành trọng thể ngày 9-3-1965 tại Vận động trường Phnom-Penk.

Trong một bài diễn văn rất « trung dung », tế nhị, dài 7 trang giấy, ông Hoàng Norodom Sihanouk đã không ngần ngại lớn tiếng ca ngợi là *Hội nghị thành công*, cùng là tiếng nói của Hội nghị sẽ vang dội trên khắp nẻo đường thế giới. Vì đây không phải là tiếng nói

SÁCH BÁO MỚI

— **Truyện hay các nước** của Nguyễn-Minh-Hoàng và Tràng-Thiên do Thời-Mới xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 110 trang gồm 4 truyện dịch. Bản đặc biệt không đề giá.

— **Mẹ Việt-Nam**, Trường ca của Phạm-Duy, do phủ Đặc ủy Chiêu hồi ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 125 trang, trình bày rất mỹ thuật gồm bản trường ca « Mẹ Việt Nam » có nốt nhạc và các bản dịch ra Anh, Pháp ngữ, bìa do họa sĩ Duy Thanh vẽ. Không đề giá bán.

— **Sống Đẹp** Bản dịch cuốn « The importance of living » của Lâm - Ngữ - Đường ; người dịch Nguyễn-Hiến-Lê. Nhà xuất bản Tao Đàn, Sách dày 320 trang, giá 75đ.

— **Đêm cánh tay Thơ** Nguyễn-Minh-Hoàng, tựa của Nguyên-Sa lời bạt của Chu-Tử và Hoàng-Anh-Tuấn giới thiệu. Sách dày 104 trg 46 bài thơ, giá 50đ.

của riêng các dân tộc Đông Dương, mà là của Đoàn-thể Á-châu quật khởi. Rồi, trái với chương trình và nghi lễ đã định, ông nhường lời cho Huỳnh-Tấn-Phát tuyên đọc các quyết nghị của Hội nghị dài tới 9 trang giấy đánh máy chữ nhỏ, với mỗi đoạn cho mỗi quốc gia do mỗi nhóm thảo lấy, và một đoạn chót 15 giòng nói về « Đoàn kết » giữa các dân tộc Đông-Dương.

VIII.

Sự thực, « Hội nghị các dân tộc Đông-Dương » đã là một *thất bại*, một

thất vọng, một lo ngại, cho ông Hoàng Norodom Sihanouk.

1. Qua "Hội nghị các dân tộc Đông Dương", Norodom Sihanouk nhằm sẽ sớm muôn triệu tập một Hội nghị Quốc tế để trung lập hóa Việt, Miên, Lào. Tuân hành lệnh của Trung Cộng, Việt Cộng đã thao túng Hội nghị đến nỗi đánh lạc «HNCDTĐD» đi một hướng khác, ngày khai mạc phải trì hoãn, và Norodom Sihanouk không đọc được bài diễn văn khai mạc như ý muốn và đã thận trọng sửa soạn sẵn.

2. Norodom Sihanouk thường vẫn ca ngợi Trung Cộng là «người bạn vĩ đại», và đề cao Hồ Chí Minh. Nay, cả hai đã là nguyên ủy khiến Hội nghị thất bại, hay ít ra cũng không thành công như Norodom Sihanouk mong muốn. Norodom Sihanouk nghĩ gì về sự kiện không lường đó?

3. Hội nghị chứng tỏ là các ý kiến đã quá sai biệt, và tình «đoàn kết» không dễ dàng và thắm thiết như ông Hoàng Sihanouk thường tuyên bố.

4. Trung Cộng là quan thầy của Việt Cộng. Hãy hỏi: trước các biến cố gần đây, quân lực Hoa kỳ và Việt Nam Cộng hòa oanh tạc Bắc Việt để trả đũa và tự vệ, Trung Cộng ở ngay sát cạnh đã làm gì để che chở hữu hiệu cho Việt Cộng chưa? Cambodge sẽ trông cậy hữu hiệu tới mức nào vào Trung cộng, hay sẽ chỉ được ủng hộ bằng những lời tuyên bố, nếu chẳng may có các biến cố tương tự xảy ra cho Cambodge? Hơn nữa, tấn bi kịch xung đột chưa chấm dứt tại miền biên giới giữa hai

quốc gia «đồng chí» Trung Cộng và Ấn Độ: sự kiện luôn luôn còn là một bài học đắt đỏ và hùng hồn cho tất cả những ai — dù có hay không trung lập — đặt quá nhiều tin tưởng vào tình hữu nghị Mao, Chu... Chính cố Thủ tướng Ấn Độ J. Nehru, một trong số các vị cha đẻ của thuyết «Sống chung», «Hòa bình», cũng đã mang xuống tuyến đài mỗi hận ngàn đời, vì chót đánh giá quá cao tình bạn của Trung Cộng «vĩ đại và bất diệt»!

5. Thái độ của Trung Cộng và Việt Cộng cũng có một phần nào hiểu được. Bắc Việt bị oanh tạc, mà Việt Cộng không đủ sức đối phó, và Trung Cộng không đủ sức che chở: tình trạng thiếu phản ứng đó thực là «mất mặt»! Vì kế hoạch, vì chánh trị, vì uy tín, cả Trung lẫn Việt Cộng đành phải tìm một lối thoát, ngõ hầu vá víu chút thể diện đã bị nứt rạn trước dư luận quốc tế, và lấy lại lòng tin tưởng ở ngay trong hàng ngũ các «đồng chí», dù với những biện pháp và đề nghị mà chính họ cũng phải công nhận là thiếu thiết thực. Vì chúng ta không thể phủ nhận là yêu sách quân lực Hoa kỳ tức khắc rút lui không điều kiện, làm... điều kiện tiên quyết cho mọi cuộc thảo luận hay nghiên cứu, quả thực là một sự kiện viển vông, không thể nào thực hiện, ít nhất là trong giai đoạn hiện thời... Thái độ của cả Trung lẫn Việt Cộng có một tác dụng chính trị, tuyên truyền hơn là thực tế. Công cuộc này bất khả kháng được xây dựng trên lưng Norodom Sihanouk đã chứng tỏ hai điều: một là cả Trung lẫn Việt Cộng, khi cần đến hay có thể

được, đều không ngần ngại coi nhẹ Norodom Sihanouk ; hai là uy tín và ảnh hưởng của Norodom Sihanouk không nhiều và mạnh như ông tưởng...

IX Trên đây có nhắc lại lời tâm sự của một nhà ngoại-giao Lục-Xâm-Bảo. Qua hai trận thế chiến 14-18 và 39-45. quân đội các lân-bang lan đi tràn lại, đã khiến Lục-Xâm-Bảo chẳng khác nào một mệnh phụ đoan trang, nhưng vì thân cô thế quả, mà bị xúc phạm tiết hạnh tới hai lần.

Trên chánh-trường quốc-tế, chúng ta có thể ví ông Hoàng Norodom Sihanouk như một mệnh phụ đoan trang không ? Đó là một thắc mắc không mấy quan-trọng. Nhưng chúng ta có thể nêu câu hỏi : trong đời chánh-trị của ông, ông đã, và ông sẽ, bao nhiêu lần bị « xúc phạm tiết-hạnh », qua các vụ phiêu lưu về chánh trị ? Rồi do đó, có ảnh hưởng không hay tới các người khác ?

X Về phía Việt-Nam Cộng-Hòa, « Hội-nghị các dân-tộc Đông-Dương » không đạt được mục-đích trung-lập-hóa miền Nam Việt-Nam cũng là một bài học đáng cho chúng ta cùng chiêm-nghiệm. Norodom Sihanouk thua, nhưng chưa chắc như

SÁCH BẢO MỚI

— **Sinh viên** đặc san của Tổng hội sinh viên Việt-Nam tại Paris, số 1 và số 2 tháng 12-64 và tháng 1-65, Đặc san khổ 21x26 in ronéo cả 2 mặt, số thường 26 trang. Trụ sở tạm thời : 80 đường Monge, Paris (5è).

— **Tìm Đẹp** (Mỹ Học) của Đoàn Thêm do Nam Chi Tùng thư xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 150 trang, ấn loát mỹ thuật với rất nhiều hình ảnh. Giá bán thường 60đ.

vậy đã có nghĩa là Việt-Nam Cộng-Hòa thắng.

Có thể là Trung và Việt-Cộng đã đi một nước bài « tố » trong một canh bạc sắp đến giời tàn ; mà cũng rất có thể là Trung và Việt-Cộng có những « tẩy » gì khác, nghĩa là những thực-lực chưa muốn « trình làng », vì còn muốn « đi » cho đúng giá...

Nếu chẳng may như giả-thuyết thứ hai này là đúng, thì chúng ta cần phải dè chừng ! Những khó khăn có thể bắt-ưng đến với chúng ta, mà chúng ta chỉ có thể đối phó hữu hiệu nếu chúng ta không chia rẽ. Trong có ấm, thì ngoài mới êm : không lúc nào lời nói giản dị của cổ nhân lại đượm nhiều ý nghĩ sâu sắc bằng lúc này. Nếu những ngày sắp tới lại giống những ngày đã qua, 8 đảo-chánh, 4 nội-các, trong vòng 15 tháng, thì chúng ta chỉ còn đánh, chờ đón

ĐÃ IN XONG

TÌM ĐẸP

(MỸ HỌC)

của ĐOÀN-THÊM

TÁC GIẢ TÌM HIỂU HỘI - HÒA
do NAM-CHI TÙNG-THƯ ấn hành

● thư và tiền nong xin gửi về :

KIM - LAI ẤN - QUÁN

3, Nguyễn-Siêu — SAIGON

đề gặt bão do chính chúng ta gieo gió, đào hố đề tự chôn, hay không còn đất đề chôn, chớ còn nói chi đến đất đề đứng và đề sống !...

Sau vụ đảo-chánh hụt hạ-tuần tháng 2-1965, chính Thủ-tướng chánh-phủ đã tuyên-cáo quốc-dân : « trật-tự đã văn-hồi, nhưng uy tín quốc-gia đã bị thương tổn trước dư-luận quốc-tế ». Không phải chỉ riêng uy tín bị thương tổn, mà tiềm lực chống Cộng cũng do đó mà suy giảm...

Từ Đài-Bắc, một chánh-khách Trung Hoa Dân-quốc, bạn thân của chúng ta,

đã thông-cảm, bình-luận về vụ đảo-chánh hụt kể trên :

« Chúng tôi mong rằng đây là vị tướng lãnh cuối cùng được gửi ra ngoại-quốc làm Đại-sứ. Bằng không, chúng tôi e ngại nếu cứ đà này mà tiến, thì một ngày rất gần đây, Việt-Nam Cộng-Hòa sẽ không còn gì đề mà đại-diện ở ngoại-quốc nữa ! »

Ngẫm mà chua xót ! Nhưng chúng ta hãy can đảm và sáng suốt, đề cùng nhìn vào thực-tế của những bài học lịch sử...

PHẠM-LƯƠNG-GIANG

3 - 1965

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN

TẠI NẠN GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT-LĂNG
Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TẠI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG - TY BẢO - HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

Vốn : 8.750.000.000 Phật Lăng

Assurance Franco Asiatique

Assurance Toutes Branches

Capital : 288 750 000.000 F.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG
LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

GIẤY NÓI : 21.253 — 23.913

ĂN PHẪM THỨ 16 CỦA NHÀ XUẤT BẢN PHÙ - SA

M Á I N H Æ T H O'

Tập truyện của **LÊ-VĨNH-HÒA**

Đã có bán khắp các hiệu sách

Giá phổ thông

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6è

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha it hei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

VÀI NÉT SƠ LƯỢC VỀ SỰ phát triển của Triết-học Trung-Hoa trong thời đại Tiên-Tân

MẶC - TỬ

Có lẽ vào khoảng Khổng-Tử mất (năm 479 tr. Tây lịch) thì Mặc Tử, triết gia cách-mạng đầu tiên của Trung-quốc, ra đời. Sử không chép Mặc Tử có theo học Khổng-giáo không, nhưng ông sinh ở Lỗ thì chắc chịu ảnh hưởng của Khổng. Ông làm quan ở Tống lâu năm, chắc cũng chịu ảnh hưởng của Tống nữa. Nước Tống thời đó đã có thuyết kiêm ái và phi công (phản đối chiến tranh), và hình như Tống-Tương Công là người theo thuyết đó (coi Phùng Hữu-Lan — sách đã dẫn, thiên I, chương V). Trang-Tử phê bình Mặc-Tử « cái sáng suốt của Mặc người ta có thể theo được, cái ngu của ông thì không ai theo được », cũng là nhận Mặc-Tử chịu ảnh hưởng nhiều của Tống. Vì người Tống bị người các nước khác chê là ngu; như Mạnh-Tử bảo nước Tống có

kẻ thấy mạ chặm cao, mà nhóm nó lên; Hàn-Phi-Tử thì kẻ rằng nước Tống có kẻ ôm cây mà chờ thỏ.

Ông con nhà bình dân, không có cảm-tình với bọn quý tộc và không tán thành chế độ quý tộc của nhà Chu; rất có nhiệt tâm, có tài biện luận, cực đoan cứu thế, không thủ cựu, ôn hòa như Khổng-Tử. Nhiều triết gia thời sau bài xích thuyết của ông nhưng đều phải nhận rằng ông hết lòng với xã hội, « mòn trán lỏng gót » lo việc thiên hạ (Mạnh-Tử) thực là một « người tốt ở gầm trời, muốn tìm cũng không thể được » (Trang - Tử). Đời Tiên-Tân mà cả những đời sau nữa quả không có được người thứ hai như ông.

Về vũ trụ quan, ông không phát minh được gì, ông rất tin Trời, tin quỷ thần, (có lẽ cũng là chịu ảnh hưởng của Tống).

Với ông, Trời là đấng chúa tể, quản lĩnh mọi việc trên thế gian, ai thuận ý Trời thì phải yêu khắp mọi người vì Trời muốn cho loài người được sung sướng. Quỷ thần, theo Mặc-Tử, cũng sáng suốt và có lòng nhân, nên người phải thờ Trời và thờ cả quỷ thần nữa.

Ông muốn dựng một tôn giáo trên tín ngưỡng đó, nhưng không đặt ra những lễ nghi như các tôn giáo khác (Ki-Tô giáo, Hồi hồi giáo chẳng hạn). Không rõ ông cùng môn đệ có tụng niệm không, chứ biết chắc rằng ông không hề khẩn vái đề cầu phúc cho mình. Có lần ông đau, một người hỏi ông: « Ông cho rằng quỷ thần sáng suốt, thường kẻ thiện phạt kẻ ác; thế thì hiền đức như ông mà sao lại đau? Hay là ông đã làm điều ác? Hay là quỷ thần không sáng suốt? Ông đáp rằng đau là do nhiều lẽ, do thời tiết, do lao khổ..., quỷ thần mà liên quan gì đến việc đó ».

Về sau, Mặc gia được tổ chức thành đoàn thể rất chặt chẽ. Người có tài đức được cử làm « cự tử » (tức như thủ lĩnh) và các người trong đoàn thể hễ làm quan có lộc, phải nộp cự tử một phần để chi dùng cho đoàn thể, bất kì lớn nhỏ phải tuân lời cự tử, dù chết cũng không dám cãi. Một lần, ở Dương thành 83 đệ tử cùng chết theo một cự tử tên là Mạnh-Thắng, lần khác, người con trai của 1 cự tử tên là Phúc-Thôn giết người, Tần-Huệ-Vương thương Phúc-Thôn tuổi đã già mà có mỗi 1 người con, tha tội cho nó. Phúc-Thôn không chịu, tâu: « Cái phép của đạo Mặc, giết người thì phải tội chết, đả thương người thì bị tội hình, như vậy là để cấm giết người

và đả thương người; cấm giết người, cấm đả thương là đại nghĩa của thiên hạ. Mặc dầu nhà vua tha tội không giết nó, nhưng Phúc-Thôn tôi không thể không thi hành phép của đạo Mặc » Rồi người cha đó giết con. Trong lịch sử Trung Hoa chưa bao giờ mà sự mâu thuẫn giữa gia đình và xã-hội đưa tới một bi kịch ghê gớm như vậy, cũng chưa bao giờ có một đảng mà kỷ luật nghiêm đến như vậy. Thực trái hẳn chủ trương dung hòa của Khổng.

Về tri thức luận, Mặc-Tử phát minh ra phép « ba biểu ». Nói thì phải có « gốc »—căn cứ vào việc xem xét bản thủy, có cái làm « nguyên »—căn cứ vào việc quan sát sự cố—có chỗ « ứng »—căn cứ vào kết quả ứng dụng. « Gốc » ở việc đời xưa; « nguyên » là việc trước tai mắt mọi người đem ra mà chứng thực; « dùng » ở chỗ phù hợp với quyền của mọi người. Gốc, nguyên, dùng gọi là ba biểu. Phương pháp đó mở đầu cho môn đệ Mặc gia sau này lập nên nền tảng tri thức luận của Trung-Quốc.

Về nhân sinh, Mặc-Tử chủ trương công lợi, theo quy tắc thứ ba của phép « ba biểu ». Làm việc gì cũng phải nghĩ xem lợi hại lớn hay nhỏ; lợi cho số đông, lợi lâu dài là lợi lớn.

Đặc biệt nhất là ông đề cao đức kiêm ái, coi mọi người như mình, phải thương yêu giúp đỡ mọi người như người thân của mình, như bản thân của mình. Nếu ai cũng theo đạo kiêm ái được thì thiên hạ sẽ trị, sẽ không còn sự tranh cướp lẫn nhau, không còn những kẻ già nua bị bỏ đói bỏ khát, kẻ nhỏ yếu mồ côi

không chỗ nương tựa. Có người nghĩ rằng ông muốn làm đại biểu cho giai cấp cần lao. Chưa chắc đã như vậy ; tất nhiên là ông bênh vực họ, nhưng ông đã kiêm ái, thì đâu lại còn phân biệt giai cấp.

Nhưng kiêm ái có phải là bình đẳng không ? Ờ cũng không nữa. Yêu thì yêu mọi người như nhau, nhưng xã hội theo ông vẫn phải có một trật tự. Ông chủ trương phải tán đồng ngược lên (thượng đồng) nghĩa là cái gì người trên cho phải thì người dưới cũng phải nhận là phải cái gì người trên cho là trái thì người dưới cũng phải nhận là trái ; tóm lại là phải thống nhất tư tưởng. Lý trường thuận chính lệnh của thiên tử mà thống nhất lẽ phải trong xóm mình, hương trưởng lại thống nhất lẽ phải trong làng mà tán đồng ngược lên với thiên tử ; thiên tử lại tán đồng ngược lên với Thượng-đế. Như vậy từng cấp một, dưới phải nghe trên, mà Thiên tử vừa là một vị quân chủ, vừa là một vị giáo hoàng Kiêm ái và thượng đồng là hai điểm chủ yếu trong học thuyết của họ Mặc. Có kiêm ái thì thượng đồng mới không đưa tới độc tài, có thượng đồng, thì kiêm ái mới không sinh ra loạn. Kiêm ái của Mặc cũng như nhận của Khổng mà thượng đồng cũng như tôn ti của Khổng.

Vậy về chính trị, ông vẫn giữ chế độ phong kiến, rất trọng người hiền. Cũng

thân như Khổng-Tử, ông cho rằng nhà cầm quyền phải có đức hạnh cao, phải kiêm ái, phải quý nghĩa. Ông còn phản đối chiến tranh hơn Khổng-Tử nữa, mặc dầu vẫn bênh vực sự tự vệ ; ông khác Khổng Tử ở chỗ không trọng lễ, không trọng nhạc, vì cho những cái đó là xa xỉ, làm tốn tiền, mất thì giờ của dân chúng. Ông muốn tiết dụng ngay cả trong việc tang vì điều ông lo nhất là làm sao cho mọi người đủ ăn, đủ mặc đã. Tuân-Tử chê ông là bị cái « dụng » che lấp mà không biết đến cái « văn vẻ », không biết đến mỹ thuật. Nhưng theo Lưu-Hương trong sách *Thuyết Uyển*, thì ông có nói với Cầm-Tử đại ý rằng trong năm đói kém, lúa gạo quý hơn châu báu : « Phải được thường ăn no rồi mới cầu cái đẹp, phải được thường mặc ấm rồi mới cầu cái xa xỉ, phải được thường ở yên rồi mới cầu cái vui, như vậy mới lâu bền được, tóm lại là phải trọng cái chất trước hết rồi mới nghĩ đến cái văn, việc của thánh nhân là thế. » (*Thực tất thường bão, nhiên hậu cầu mỹ : y tất thường noãn, nhiên hậu cầu lệ : cư tất thường an, nhiên hậu cầu lạc : vi khả trường, hành khả cửu : tiên chất nhi hậu văn, thứ thánh nhân chi vụ*) (Thiên Phán chất). Nếu lời đó đúng thì Mặc-Tử không phải là chê hẳn mỹ thuật, mà chỉ cho nó là phụ thôi.

• •

DƯƠNG-TỬ — LÃO-TỬ

Đồng thời với Khổng-Tử, có một số ần giả, thấy xã-hội loạn li quá, không thể cứu được nữa, sinh ra bi quan, chỉ muốn « độc thiện kỳ thân », (giữ cho riêng

mình được trong sạch) không tham dự việc đời. Kẻ thì phê bình Khổng-Tử là « biết rằng không thể làm được mà cứ làm » (*tri kì bất khả như vi chi*) (Luận

ngữ — Hiên-vấn) ; kẻ thì khuyên rằng « Uà uà như nước chảy một chiều, thiên hạ đều thế cả, ai theo mình để sửa đổi việc loạn ra trị » (*Thao thao giả, thiên hạ giai thị dã, nhi thủy dĩ dịch chi*) (Luận — ngữ-Vi tử).

Khi Mặc-Tử mất, trong nhóm ăn giả đến sau có một người xuất sắc lập được một thuyết để phản đối thuyết hữu vi của Khổng-Tử và cực hữu vi của Mặc Tử. Triết gia đó là Dương-Tử (440-380) Ông không viết sách, môn đệ ông, nếu có cũng không chép lời dạy bảo của ông, nên học thuyết của ông chỉ còn thấy rải rác vài câu trong tác phẩm của các triết gia khác. Đại ý Dương-Chu chủ trương khinh vật mà quý thân — chứ vật ở đây trở tất cả những cái gì ngoài cái thân của mình, nghĩa là cả vạn vật lẫn người khác, cả vũ trụ và xã hội. Chỉ Mất một cái lông chân của ông mà làm lợi cho thiên hạ ông cũng không chịu. Thực trái hẳn với Mặc Tử, người « mòn trán lông gót » vì thiên hạ.

Cơ hồ ông rất vị kỷ (vị kỷ không đồng nghĩa với ích kỷ) nhưng ông cho rằng có vậy mới cứu đời được ; nếu người nào cũng chỉ nghĩ tới mình thôi, khinh thường mọi vật, mọi người, thì làm gì còn có sự tranh giành nhau nữa, làm gì còn loạn nữa. Cá nhân chủ nghĩa đó rất thịnh hành ở đương thời, ngang với Khổng giáo và Mặc giáo ; và mở đường cho Lão giáo

LÀO TỬ sinh sau Mặc Tử, khoảng nửa thế kỷ, tên thật là Lý Nhĩ* người nước Sở. Nước này ở phương Nam (lưu vực Trường Giang) mới phát lên, văn hóa chưa được cao, không chịu nhiều ảnh hưởng của nhà Chu, nhờ vậy mà nhiều

người có tư tưởng mới. Khí hậu ẩm áp đất đai phì nhiêu, người ta ít phải gắng sức, thường thích hưởng nhàn, ăn dật. Theo *Luận ngữ* thì Khổng Tử gặp các ăn giả, chính là ở Sở.

Lão-Tử có nhiều ý kiến rất mới mẻ, sâu sắc cùng với Khổng và Mặc giữ cái thể chân vạc trong lịch sử triết học Trung Hoa thời đó.

Ông là người khởi xướng *vũ trụ luận* ở Trung-Hoa, nên địa vị của ông rất quan trọng. Khổng và Mặc đều tin Trời, Lão thì cho rằng trước khi có Trời, còn có cái gì nữa, cái đó mới thật là nguyên thủy của Trời, đất, vạn vật, ông gọi nó là Đạo. Đạo vừa lớn vừa trống không, đứng một mình mà không biến đổi, trôi đi khắp nơi mà không ngừng. (*Tịch hễ liêu hễ, độc lập nhi bất cải, chu hành nhi bất đại*) (*Đạo đức kinh*)

« Đạo sinh ra một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh ra vạn vật ».

Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật ».

Câu này mỗi nhà giải thích một khác ; nhưng căn cứ vào câu : *Thiên địa vạn vật sinh ư hữu, hữu sinh ư vô*. (Trời đất vạn vật từ cái « Có » mà sinh ra, cái « Có » sinh ra từ cái « Không ») và câu *Vạn vật phụ dương nhi bảo âm, trùng khí dĩ vi hòa* vạn vật đều « công » âm mà « ôm » dương, điều hòa bằng khí « taùng hư » ; thì có thể rằng Lão Tử cho « nhất » là hữu, « nhị » là âm và dương,

* Tên theo Sử Ký. — xin xem phần phụ lục : Tiểu sử các Triết gia

Trước kia người ta cho Lão đồng thời với Khổng, nhưng nhiều học giả ngày nay ngờ thuyết đó sai.

và « tam » là khi trùng hư (*). Khi vi hình thì Đạo là vô ; hiển hiện dưới hình thức rồi thì Đạo là Hữu. Hữu, Vô là hai phương diện của Đạo.

Ông không trọng *tri thức*, cho rằng dân khó trị là bởi nhiều trí. Tri thức khiến người ta phân biệt cái hay cái dở mà sự phân biệt đó không phải là điều tốt lành, vì biết phân biệt cái hay cái dở thì phải tìm sự khoái lạc cho mình, như vậy mà sinh hại. « Năm sắc khiến cho người ta mờ mắt, năm âm khiến cho người ta điếc tai, năm vị khiến cho người ta mất cảm giác của miệng ».

Nhưng ông rất trọng sự quan sát thiên nhiên, thấy được luật mâu thuẫn bề ngoài của vạn vật (Cái nặng là gốc của cái nhẹ, cái yên tĩnh là chủ của cái táo bạo, cái quý lấy cái tiện làm gốc, cái cao lấy cái thấp làm gốc ; cái gì thực đầy thì giống như trống không, con người thật khéo thì giống như vụng...), và luật phản phục trong vũ trụ (vật gì phát đến cực điểm thì phản lại, hễ tăng rồi thì phải tồn : trắng tròn rồi khuyết, hết đông sang xuân..)

Do đó ông sáng lập một *nhân sinh* quan đặc biệt, trọng « tồn » và « tĩnh ». Tồn là đừng mong sự phát đạt đến cực điểm, hễ hơi quá thì phải rút đi ngay. Tĩnh là vô vi, cứ theo tự nhiên, đừng ra tay tạo thời thế, chuyển cơ trời làm gì vô ích.

Ông khuyên người ta khiêm tốn, nhún nhường, nhu nhược như nước. « Nước làm lợi cho vạn vật mà không tranh giành, ở chỗ mà mọi người không thích tức chỗ thấp) cho nên gần được như

Đạo » (*Thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng nhân chi sở ố, cổ cơ ư đạo*). Trong thiên hạ không có gì nhu nhược như nước, nhưng dùng để công phá cái chắc mạnh thì không gì hơn được nó. » (*Thiên hạ mạc nhu nhược ư thủy, nhi công kiên cường giả, mạc chi năng thắng*).

Về *chính trị*, ông cũng chủ trương vô vi, chống Khổng và Mặc. Theo ông, càng hữu vi, tức càng can thiệp vào việc dân bao nhiêu thì càng tai hại bấy nhiêu. Cho nên ông bỏ người hiền, bỏ vật quý, không làm gì cả. « Không chuộng người hiền cho dân khỏi sinh tranh giành, không quý những vật khó được cho dân khỏi làm kẻ trộm. Không thấy cái gì đáng ham, cho lòng dân khỏi loạn... » Bỏ cả trí, bỏ cả nhân, nghĩa. Cứ theo luật tự nhiên mà hành động, làm sao cho dân no bụng, ấm thân là đủ rồi : « *rỗng, cái lòng* » (nghĩa là không tham dục), đầy cái bụng, yếu cái chí (nghĩa là không tranh đoạt), mạnh cái xương, thường khiến cho dân không tri thức, không ham muốn », như vậy là đủ rồi. (*Thánh nhân chi tri, hư kỳ tâm, thực kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt : thường sử dân vô tri vô dục*).

Ông rất ghét chiến tranh : (*duy binh giả, bất tường chi khí* « (Việc binh là đồ chẳng lành) ; nếu có bị tấn công thì nhường nhịn đi ; « nước lớn mà hạ mình trước nước nhỏ thì tất được nước nhỏ thần phục ; nước nhỏ mà hạ mình

(*) Giải thích như vậy cũng có lý : « Nhất » là Hữu là Thái cực, « Nhị » là âm dương, « Tam » là âm dương và khí trùng hư.

trước nước lớn thì tất được nước lớn che chở «*Đại quốc dĩ hạ tiểu quốc tắc thủ tiểu quốc ; tiểu quốc dĩ hạ đại quốc tắc thủ đại quốc*» (29).

Quốc gia lý tưởng của ông là một nước nhỏ, dân chúng chất phác, có xe thuyền, gươm giáo mà không dùng, ai ở yên nhà người nấy, đủ ăn đủ mặc. Đại văn minh mà giống như dã man là thế.

Vậy ,thuyết vô vi của ông hơi khác thuyết vị kỷ của Dương-Chu, ông lại khác Dương ở chỗ không «*Quý sinh*», coi đời sống chỉ là một sự tự nhiên ; cứ bình tĩnh, vô ưu, vô dục, chẳng cầu lợi cho mình ; ông không hề chịu ảnh hưởng của Dương, tự dựng riêng một môn phái.

Tới đây ta đã biết qua chủ trương của ba nhà sáng lập ra triết học Trung Quốc : Khổng, Mặc, Lão (ảnh hưởng của Dương sau này không đáng kể) ; và chúng ta bước từ thời kỳ bình minh qua thời kỳ trăm hoa đua nở đời Tiên Tần. Thực ra hai thời kỳ đó liên tiếp nhau, không thể lựa một khoảng nào để cấm ranh được ; chúng tôi phân biệt như vậy chỉ để độc giả nhận thấy điều này là học thuyết của ba nhà đó đã đâm nhiều bông, và những bông này tranh hương sắc với nhiều bông khác cho tới cuối đời Chiến-Quốc.

GIÀN-CHI và NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Kỳ tới : Trăm hoa đua nở.

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn — Hỏa Hoạn — Hàng Hải — Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
— Hongkong Tananarive — Tamatave Addijan Bouala

lịch - sử

LẠC-VIỆT

(Xin xem B.K.T.Đ. từ số 196)

IV.— LẠC-VIỆT VỚI CÁC DÂN LÂN-CẬN

ĐỊA điểm của dân Lạc Việt đã thấy rõ, đó là vùng Giao-Chi. Dân Lạc-Việt cũng đã được lịch sử chứng tỏ là có, bằng những sử liệu chắc chắn, và đã được tổ chức ít nhiều. Nay thử xem cuộc sống của họ như thế nào.

1.— « Thục-Vương tử » với dân Lạc Việt.

Qua lịch sử văn vôi của họ, dân Lạc Việt đã chung đụng với các dân tộc lân cận về phía Bắc, trước hết là bộ đội của « Thục-vương tử », rồi với Triệu Đà và cuối cùng với Mã-Viện nhà Hán.

Trong cùng một đoạn văn nói về dân Lạc-Việt, các quyển *Giao châu ngoại vực ký* và *Quảng châu ký* đã giới thiệu một

nhân vật hết sức khó hiểu dưới danh từ « Thục vương tử » (Con vua Thục). Sách trước chép :

« Về sau con vua Thục dẫn ba vạn quân đánh phá Lạc vương, Lạc hầu, bắt phục hết Lạc tướng. Nhân đó, con vua Thục xưng là An-Dương vương. Rồi Nam-Việt vương là Ủy-Đà cất quân đánh phá An-Dương vương ». (Hậu Thục vương tử tương binh tam vạn lai thảo Lạc vương, Lạc hầu, phục chư Lạc tướng. Thục Vương tử nhân xưng vi An-Dương vương. Hậu, Nam Việt vương Ủy-Đà cử chúng công phá An-Dương vương).

Để có thể so sánh và tìm hiểu, nên đọc thêm đoạn văn của *Quảng-châu ký* nói về cùng một vấn đề :

« Về sau, con vua Thục đem quân đánh Lạc hầu, tự xưng là An Dương vương, cai trị huyện Phong Khê. Rồi vua Nam-Việt là Ủy-Đà đánh phá An Dương vương, sai hai sứ giả đến coi sóc hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân, đó là Âu lạc vậy ». (Hậu Thục Vương tử tương binh phạt Lạc hầu, tự xưng An Dương vương, trị Phong-Khê huyện. Hậu Nam Việt vương Ủy-Đà công phá An-Dương vương lập nhị sứ điền chủ Giao Chỉ, Cửu Chân, nhị quận tức Âu lạc đã).

Đây cũng như trên kia, khi nói về dân Lạc Việt, hai đoạn văn giống nhau và ở đây càng thấy được rõ hơn rằng đoạn văn sau phát tích từ đoạn văn trước. *Quảng châu ký* đã lấy lại của *Giao châu ngoại vực ký*. và giải thích thêm. Cả câu « lập nhị sứ điền chủ Giao Chỉ Cửu Chân nhị quận » cũng là của *Giao châu ngoại vực ký*.

Phân tích mà coi, chúng ta nhận được trong đoạn văn trước sự kiện chính :

— Thục Vương tử thắng dân Lạc Việt, tự xưng là An-Dương vương.

— Triệu-Đà thắng An-Dương vương và cai trị Lạc-Việt.

Đoạn văn sau, chẳng những có cả hai sự kiện đó mà còn thêm :

— An-Dương vương đóng đô ở Phong-Khê.

— Giao Chỉ Cửu Chân do sứ của Đà cai trị gọi Âu lạc.

Để tìm hiểu mối liên lạc giữa Lạc

vương và An-Dương, trước hết nên đặt câu hỏi : Có An-Dương vương hay không đã.

Theo tập truyền các học giả Việt nam, từ đầu cho đến hạ bán thế kỷ 19, An-Dương vương đã được mặc nhiên công nhận là có. Lê-Tắc, trong *An nam chí lược* (q 1, tờ 5a), tác giả *Việt lược sử* (q. 1, 1b), Lý-Tế-Xương trong *Việt điện u linh tập* (ở chuyện Cao Lỗ, hay Quả Nghị lương chính Uy Huệ vương), Trần Thế Pháp trong *Lĩnh nam trích quái* (ở chuyện Kim qui), Ngô-Si-Liên trong *Đại Việt sử ký Toàn thư* (q. 1, 6-10ab), sử quán triều Nguyễn trong *Cương mục* (Tiền biên, q. 1, 8a-10a) chẳng những không thắc mắc gì về tính cách lịch sử của An Dương vương, mà còn tô điểm thêm cho nhân vật đó, không nhiều thì ít, bằng những nét kỳ quái, nào là được Cao Lỗ giúp, được thần Kim qui ủng hộ, nào là xây thành Cồ loa lạ thường.

Nhưng bỗng trong đám hòa nhạc này, có một vài nghịch thanh nổi lên, đó là lời của các ông Nguyễn-Văn-Siêu, Henri Maspero. Maspero nhất thiết chối rằng An-Dương vương không phải là một nhân vật lịch sử. Thái độ dứt khoát của ông, tưởng cũng có thể phê bình một cách dứt khoát. Trong *Thông báo* (số 23, xuất bản năm 1924, trang 273-303) ông đã nêu ra một lý luận quá ư đơn giản. Ông nói :

« Chuyện hoang đường An Dương vương dựa trên một đề tài quen biết : vị anh hùng bị con gái và con rể lừa gạt lấy mất bùa thiêng rồi giết đi, và

bùa thiêng đó đã giữ ông bất khả xâm phạm từ trước đến giờ ».

Nhưng xét thế, có thể nói được là xét quá vội. Người ta xét một cây cỏ thụ, không phải chỉ nhìn vào cành lá của nó mà thôi, mà phải nhìn vào gốc. Những chi tiết thần thiêng trong chuyện An-Dương vương chỉ mới được trùm phủ vào bởi các sách ma quái như *Việt điện U linh tập* và *Lĩnh nam trích quái*, chứ nếu xét đến các nguồn tài liệu như *Giao châu ngoại vực ký* hoặc *Quảng Châu ký* thì An-Dương vương đâu có được tô vẽ. Cho nên, không thể vì bộ áo mã bề ngoài mà nói rằng không có người thật ở trong.

Ông Nguyễn-Văn-Siêu (1789-1872) thắc mắc về những điều quan hệ hơn. Ông đánh dấu hỏi vào trên « thành vua Thục », trên tên Phong-Khê. Ý ông đã được ông thu gọn vào trong bài ngũ ngôn sau đây :

*Long thú di cung tại
Loa thành cồ lữ oanh
Như hà Giao Chỉ địa
Khước hữu Thục vương thành ?
Bách việt Tần sơ hiệu
Phong Khê Hán hậu danh,
Sử biên truyền trích quái
Tự điển hương thủy minh ?*

Ngô Tất Tố đã dịch :

*Cung xưa đóng đầu rồng
Lữ xưa quanh ruột ốc
Làm sao đất Giao Chỉ
Lại có thành vua Thục ?*

*Bách-Việt Tần quen gọi
Phong-Khê Hán đặt ra
Sử theo lời trích quái
Ai tỏ sự sai ngoa ?*

Ở đây, tác giả *Phương đình mạn hứng* đã dựa vào địa lý và lịch sử để lập luận. Ông than phiền rất đúng về sự « Sử biên truyền trích quái », vì *Đại Việt sử ký toàn thư*, ở các thiên Hồng Bàng thị kỷ, và Thục kỷ, hầu hết đã chấp nối những gì có thể lược được nơi tác phẩm của Trần Thế Pháp. Nhưng hỏi chúng ta có thể đồng ý hoàn toàn với Nguyễn-Văn-Siêu về các điểm khác không ?

Kề ra, ông đã theo sát lịch sử khi ông viết « Phong Khê Hán hậu danh ». Thật vậy, *Hậu Hán thư* nói rõ là năm 43, khi Mã-Viên đã thắng hai bà Trưng ông đã tâu về Hán triều xin chia huyện Tây Vu ra làm hai là Phong-Khê và Vọng Hải, (*Nhị Thập Ngũ Sử*, tập I, 747/3). Như thế, tên Phong-Khê chưa có trước thế kỷ thứ I. Nhưng lại cũng có thể xảy ra rằng sử gia khi chép chuyện thời trước, đã dùng danh từ địa lý thông dụng trong thời họ để chỉ cùng một địa điểm. Nói cách khác, vào thế kỷ thứ IV, tác giả của *Quảng châu ký*, vì phải chép cho người của thế kỷ ông đọc, mà trong thế kỷ ông, chỗ An-Dương Vương đóng đô xưa, hiện mang tên là Phong Khê, nên đã dùng địa danh Phong-Khê để trình bày. Ngày nay, cũng có khi chúng ta nghe những câu « dân Lạc-Việt xưa sống ở vùng Bắc-Việt » và chúng ta không cho đó là sai lầm, mặc dầu ai cũng biết rằng thời Lạc-Việt chắc chắn

tên Bắc Việt chưa xuất hiện. Bởi đó, nếu chỉ dựa vào tiếng Phong-Khê mà bác bỏ chuyện An-Dương Vương, thiết tưởng chưa đủ lý.

Thắc mắc về « thành Vua Thục » xét ra có căn cứ hơn.

Như hà Giao chỉ địa

Khước hữu Thục vương thành ?

Câu hỏi đó, Nguyễn-Văn-Siêu đã đặt cho tất cả các học giả về sau, vì không ai đọc đến câu chuyện vua Thục trong *Toàn thư* mà không khỏi thắc mắc. Người ta vừa thắc mắc về tiếng Thục vương, vừa về tiếng thành, vì thành đây, như ông Siêu hiểu và tất cả mọi người đều hiểu, là thành Cồ loa (Loa thành cồ lũy oanh).

Về thành Cồ loa, giải đáp có thể không khó khăn lắm. Ở địa điểm mà *Toàn thư* nói là An Dương Vương đã xây thành Cồ Loa thì sử gia Việt-nam cũng nói là Ngô-Quyền đã chọn để đóng đô. (Chí thị, tru Kiều công Tiên, tự lập vi Vương, đô Loa thành. q. 5, 20b). Loa thành, như thế, là một địa danh xuất hiện trong lịch sử với Lê-Văn-Hưu, vào thế kỷ thứ 13. Hỏi địa danh đó thực sự chỉ một địa điểm tại đó có một thành gọi là Cồ Loa, hay chỉ là một địa danh sông, theo kiểu ngày nay người ta gọi núi Vọng phu chẳng hạn ? Có lẽ chỉ là một địa danh sông, và rồi người ta bịa ra chuyện này chuyện khác để cắt nghĩa.

Nhưng sao người ta lại dùng chuyện Thục vương để cho đi đôi với Cồ Loa ? Cồ Loa, theo như trên, thì ở Giao Chỉ,

vậy sao vua Thục lại làm chủ nó ? Vua Thục đó là ai ? Ở đâu mà tới ?

Theo Ngô-Si-Liên, tiếng Thục đây phải hiểu là Ba Thục ở Trung quốc. Như thế, hỏi vua Thục làm sao lại có được một thành ở Giao Chỉ ? Chỗ bắt đầu này đã được *Cương mục* nêu ra và giải đáp. Sách đó nói :

« Nước Thục, từ năm thứ năm hiệu Thân Tinh nhà Chu (316 B.C) đã bị nhà Tần hủy diệt, lẽ nào còn có thể có vua ? Huống hồ, lại bị cách bởi các nước Kiện Vi (nay thuộc Vân nam) Dạ Lang, Cùng Tạc, Nhiễm Bàng (trước là Tây nam di, nay thuộc Vân Nam) trên một quãng đường dài hai ba vạn dặm, hỏi xa như thế, làm sao vua Thục bằng được các nước kia để đến thôn tính Văn Lang ? Sử cũ chép, cháu vua Thục là Phán, lại nói An-Dương Vương họ là Thục, húy là Phán, người đất Ba Thục như thế, có lẽ là ở vùng Tây Bắc gần biên giới Văn Lang có một người họ Thục, và người ta cho đó là vua Thục chăng ? Điều này chưa ai biết. Nhưng nói rằng vua Thục, lại nói người nước Ba Thục, thì không có (1) ».

(1) Thục tự Chu Thân tinh vương ngũ niên dĩ vi Tần sở diệt, an đắc phục hữu vương giả ? Huống thượng hữu Kiện vi (kim thuộc Vân Nam), Dạ Lang, Cùng Tạc, Nhiễm Bàng (cổ Tây nam di kim thuộc Vân Nam) tương cách nhị tam vạn lý, Thục An đắc viên khóa chư quốc nhi tính Văn Lang hồ ? Cựu sử tải Thục vương tôn Phán, hựu vân An Dương Vương tính Thục húy Phán, Ba Thục nhân dã. Hoặc giả Tây bắc biên ngoại Văn Lang lân hữu tính Thục giả, toại dĩ vi Thục vương ? Diệc vị khả tri. Nhược vị Thục vương, hựu Ba Thục nhân, tặc phi hữu. (Tiền biên, q. 1, 8a)

Nhận xét của *Cương mục* rất hợp lý. Sử quán triều Nguyễn đã đồ cái sai cho Cựu sử, nghĩa là Đại Việt sử ký Toàn thư của Ngô Sĩ Liên, nhưng tỏ ra họ cũng đã nhìn vào *Lĩnh nam trích quái*. Chi tiết «Thục vương tôn» không có trong *Toàn thư*, mà chỉ có thể ngụ hàm trong chuyện Thần Kim Qui của Trần Thế Pháp. Bắt đầu chuyện đó, văn gia họ Trần đã chép:

«Ấu lạc quốc An-Dương Vương, Ba Thục nhân, tính Thục, danh Phán. Nhân tiên tổ cầu Hùng vương chi nữ My nương vi hôn bất đắc...»

Chính chữ tiên tổ trong câu đó đã khiến *Cương mục* nói An-Dương Vương là cháu của Thục vương. Nhưng khi sử quán triều Nguyễn nói thế, họ cho ta biết rằng họ không đọc đến *Giao châu ngoại vực ký* hay *Quảng Châu ký*, tức là những sử liệu giá trị về vấn đề Thục vương.

Bởi các sách sử Việt-Nam dựa vào *Lĩnh nam trích quái*, mà sách này là là một sáng tác văn chương, nên thiết tưởng không nên quá quan trọng hóa những chi tiết nó nói đến. Nó có thể dùng một danh từ lịch sử nào đó để làm gia vị cho câu chuyện nó thuật, nhưng danh từ lịch sử đó liền bị hoang đường hóa một cách hết sức tự do bởi những tự do sáng tạo. Trong chuyện Thần Kim Qui, danh từ lịch sử là An-Dương Vương, nhưng ngoài tên đó ra, tất cả là tô điểm là đầu voi đuôi chuột.

Nhận xét như vậy rồi, chúng ta hãy phân biệt rõ hơn về vấn đề An-Dương Vương. a) An-Dương Vương, trước

tiên, là một nhân vật lịch sử, vì cách thuật lại của các sách *Giao châu ngoại vực ký* và *Quảng châu ký* không có vẻ gì là tô vẽ, bịa đặt. b) Vì chuyện An-Dương Vương đã được các sách đó thuật vào trong cùng một loạt với các nhân vật lịch sử, như Lạc-vương, Triệu-Đà.

An-Dương Vương ở đâu mà đến? Ông là con vua Thục, nhưng Thục này không phải là Ba Thục, mà là tên họ của một vua cai trị lân cận với Lạc vương.

An-Dương Vương đã có liên lạc gì với Lạc vương? Ông đã đem quân đến đánh Lạc vương. Ba vạn quân? Không chắc gì, nhưng số quân phải khá nhiều. Ông đã thắng Lạc vương rồi thay thế để cai trị Lạc Việt với danh hiệu An-Dương Vương (trước chỉ là con vua Thục), bỏ Lạc hầu, nhưng duy trì các Lạc tướng.

An-Dương vương đã cai trị Lạc Việt bao giờ? Không ai biết được «con vua Thục» đã thôn tính Lạc Việt tự bao giờ, nhưng biết rằng ông cai trị đất đó cho đến khi bị Triệu-Đà đánh bại.

Một điểm nữa nên bàn đến, đó là quốc hiệu Ấu lạc. Phải chăng An-Dương vương đã đặt tên cho nước Lạc Việt là Ấu lạc? Một điều chắc chắn là không hề có một sử liệu nào nói đến việc đó, trừ *Lĩnh nam trích quái*. Vì vậy, nếu *Lĩnh nam trích quái* là sáng tổ của tập truyền quốc hiệu Ấu lạc, và nếu đồng thời, những sử liệu thật sự lại nói khác thì kết luận là chẳng những phải hoài

nghi, mà còn phải loại bỏ tập truyền đó ra khỏi lịch sử. *Trích quái* nói quốc hiệu của An-Dương vương là Âu lạc, cũng một cách như nói Thần Kim qui cho An-Dương vương cái móng thần để làm bùa! Còn *Quảng Châu ký* thì nói « Ủy Đà công phá An-Dương vương, lập nhị sứ diên chủ Giao Chỉ, Cửu Chân nhị quận, tức Âu lạc dã ». Cứ lời này, Âu lạc phải là một danh từ địa lý chép cho các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, trong trường hợp hai quận đó có các sứ giả của Triệu-Đà đến cai trị, chứ không phải là một quốc hiệu dưới thời An-Dương vương.

2.— Triệu Đà với dân Lạc-Việt.

Sử liệu nói về sự Triệu-Đà có liên lạc với dân Lạc Việt, chỉ có hai quyển *Giao châu ngoại vực ký* và *Quảng châu ký* như đã trích dẫn trên. Theo đó, Triệu-Đà đã đánh thắng An-Dương vương và cho sứ đến cai trị Lạc Việt. *Thủy kinh chú* (37, 6a), về sau, khi nói đến các sứ giả Nam Việt vương, đã gọi họ là Thái thú, nhưng thiết tưởng sự xưng hô này không làm giảm giá trị cách lịch sử của sự việc, vì Lê Đào Nguyên (tác giả *Thủy kinh chú*) có thể dùng danh từ chỉ chức vụ của một thời sau (thế kỷ VI) để nói về một chức vụ tương đương trong một thời trước. Về sự các sách *Giao châu ngoại vực ký* và *Quảng châu ký* gọi vùng dân Lạc Việt ở là Giao Chỉ, Cửu Chân, cũng có thể giải thích theo lối đó.

Các địa danh Giao-Chỉ, Cửu-Chân chỉ mới xuất hiện trong thời Hán, thời Triệu-Đà chưa có, nhưng khi tác giả các sách kia chép chuyện, các danh từ

đó đã được thông dụng rồi, và họ dùng các danh từ đó cho người đồng thời để hiểu.

Nơi đây, có một vấn đề xét cần phải bàn đến nữa, đó là nước Âu Lạc ở phía tây Nam Việt: Hỏi Âu Lạc này có phải Lạc-Việt, như tác giả *Quảng Châu ký* nghi không? Nếu phải, thì chúng ta còn có một chứng nữa về dây liên lạc giữa dân Lạc-Việt và Triệu-Đà, vì thời Triệu Đà, *Sử ký* của Tư Mã Thiên có nhắc đến tên đó và chỉ nhắc đến tên đó mà thôi.

Nguyên, Hán đế trách Triệu-Đà sao không còn thần phục Trung quốc nữa, mà lại tự xưng là đế. Để tỏ tình thần hòa giải và kính phục, Nam Việt vương nói sớ di mình xưng đế là vì chung quanh mình nhiều vua không ra gì mà cũng đã xưng vương. Lời Triệu Đà:

« Về phía Đông, Mân Việt chỉ có nghìn người mà cũng xưng vương, về phía Tây, Âu lạc là một nước dân ở trường, mà cũng xưng vương. Lão thần trộm xưng đế là để tự tìm chút vui cho mình thôi, chứ đâu có dám đề cho Thiên Vương nghe ».

(Kỳ Đông, Mân Việt thiên nhân chúng hiệu xưng vương, kỳ Tây Âu lạc khỏa quốc diệc xưng vương. Lão thần vọng thiết đế hiệu liêu dĩ tự ngu, khỉ cảm dĩ văn Thiên vương.

Đây chúng ta chẳng những có chữ lạc trong tiếng Âu lạc để bắt chúng ta liên-tưởng đến Lạc Việt, mà còn có một hướng hơi đúng đối với Phiên Ngung kinh đô Nam Việt, vì Giao Chỉ vẫn tọa

lạc về hướng Tây Nam Nam-Việt. Không may, *Tiền Hán thư* không cho chúng ta nghĩ thế. Thuật lại cùng một việc như đoạn *Sử ký* nói trên, Ban-Cổ chép :

« Phía Tây có Tây Âu, dân một nửa ở trường, cũng quay mặt về Nam mà xưng vương ; phía Đông có Mân Việt, dân chỉ có mấy nghìn người, cũng xưng vương ; phía Tây Bắc có Trường Sa, dân còn chưa văn minh gì, cũng xưng vương ; vì vậy lão phu mới dám xưng đế, là để tự tìm chút vui cho mình. »

(Tây hữu Tây Âu, kỳ chúng bán ky, Nam diện xưng vương ; Đông hữu Mân Việt, kỳ chúng sô thiên nhân, diệc xưng vương, Tây Bắc hữu Trường Sa, kỳ bán man di, diệc xưng vương ; lão phu cố cảm vọng thiết đế hiệu liêu dĩ tự ngu).

Giả sử nước Âu lạc nói trong *Sử ký* là nước Lạc Việt, thì chữ Lạc phải là chữ quan trọng, và khi *Tiền Hán thư* lặp lại, chữ đó phải được nói ra. Đáng này, trong *Tiền Hán thư*, người ta chỉ thấy tên nước là Tây Âu, và chữ Lạc đã rụng mất như một chữ không đáng kể. Đó là lý do bắt chúng ta không được kể Âu lạc như là Lạc Việt.

3.— Lạc Việt với nhà Hán.

Thứ người đã chung đụng với dân Lạc Việt rõ hơn và nhiều hơn cả, đó là người Trung quốc. Triệu-Đà đã buộc số phận Lạc-Việt với Nam-Việt, nên khi Nam Việt rơi vào tay nhà Hán, Lạc Việt cũng rơi theo.

Quả thế, một thời, Nam Việt là một nước phản loạn đối với Trung quốc. Nhà Tần đặt Triệu Đà làm quan ở Nam Hải,

nhưng khi nhà Tần suy yếu, Triệu Đà đã tự tiện đứng dậy, xưng vương, xưng đế. Thời nhà Hán, Nam Việt vương đã nhường bộ ít nhiều, nhưng vẫn giữ một nước riêng. Triệu Đà mất rồi, nhà Hán tính việc sát nhập Nam-Việt lại với Trung quốc, bèn gửi một tình nhân cũ của Thái hậu lúc bấy giờ đến Phiên Ngung, tên là An quốc Thiếu Quý. Thiếu Quý được Thái hậu ủng hộ. Nhưng Tề tướng Nam Việt là Lữ Gia phản đối. Ông này cất quân, giết Hán sứ, giết Thái hậu, giết Ai vương rồi đặt Kiến Đức (Vệ-Dương vương) lên thay. Trung quốc sai Hàn Thiên Thu sang cứu viện Thiếu Quý, Thiên Thu cũng bị hại. Bấy giờ, Hán để cử danh tướng Lộ Bác Đức, ban cho chức Phục Ba tướng quân để cùng với Lâu Thuyền tướng quân Dương Bộc và nhiều tướng khác sang đánh Phiên Ngung. *Sử ký* chép :

« Lâu Thuyền chọn một chỗ tiện lợi để đóng quân ở mặt Đông Nam, Phục-Ba đóng ở mặt Tây Bắc. Gặp lúc trời tối, Lâu Thuyền thắng người Việt, phóng lửa đốt thành... Phục-Ba dựng dinh, sai sứ giả chiêu mộ đầu hàng... Sáng hôm sau, trong thành đều hàng Phục-Ba... Ban đêm Lữ Gia và Kiến Đức đã cùng với mấy trăm thuộc hạ bỏ trốn bằng thuyền đi về hướng Tây... Hiệu úy Tư Mã Tô bắt được Kiến Đức..., viên Lang người Việt bắt được Lữ Gia... Thế là Nam Việt đã bị dẹp yên bèn lập ra chín quận ».

Chín quận đó là Nam-Hải, Thương Ngô, Uất-Lâm, Hợp-Phổ, Châu-Nhai,

Đạm-Nhĩ, Giao-Chỉ, Cửu-Chân, Nhật Nam. Trong số các quận đó, ba quận cuối thuộc về đất cổ Việt. Dân Lạc Việt nếu không định cư ở cả ba quận, thì ít ra cũng chiếm hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân.

Nhưng, nhà Hán đã tổ chức quận huyện ngay sau khi thắng Nam Việt, hay là đề một thời gian đã mới làm? Theo *Hậu Hán thư* thì việc tổ chức hành chánh đã bắt đầu từ năm Canh Ngọ năm thứ 6 hiệu Nguyên Đĩnh (111 trước K.N.) Đứng đầu cả chín quận có một thứ sử, và mỗi quận có một thái thú.

trường lại là người Trung quốc; nhưng tổ chức Lạc tướng vẫn còn được duy trì. *Thủy kinh chú* (37, 62a) nói hai bà Trưng là con gái của Lạc tướng, mà hai bà Trưng sống gần một thế kỷ rưỡi sau khi nhà Hán tổ chức lại đất Lạc Việt. Chẳng những các Lạc tướng còn tồn tại lâu, mà chừng như dân Lạc Việt cũng được sống tự do đời sống bán khai của họ, không mấy bị gò bó bởi luật pháp, lệ tục Trung-quốc cho đến mãi sau cuộc nổi dậy của hai Bà.

NGUYỄN-PHƯƠNG

Ở đất Lạc-Việt, thái thú và các

Kỳ tới : V.— Anh hùng Lạc-Việt

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DẶNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÂM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

31, Đường Nguyễn-Sửu — Téléphone 20.821 — SAIGON



VŨ-BẢO

Hội-nghị tháng 3 của 19 đảng Cộng-sản tại Mạc-Tư-Khoa

Số phận cái Hội nghị này thật là long đong ! Người có ý kiến triệu tập hội nghị là Krouchtchev, nhưng những người đứng ra triệu tập hội nghị lại là những người đã lật đổ Krouchtchev. Trước đây Hội nghị định nhóm vào 15 tháng 12 năm 1964 nhưng dùng đảng mãi tới mồng 1 tháng 3 năm 1965 mới triệu tập nổi. Kể đi họp cũng chẳng thiết tha mà cả đến chủ nhà cũng không buồn che dấu vẻ miễn cưỡng. Quan niệm và nội dung của Hội nghị cũng đã bị thay đổi. Chưa bao giờ trong lịch sử Cộng sản thế giới lại có một hội nghị tế nhát đến như vậy. Còn đâu là sự tung bừng của những năm trước đây mà những phái đoàn đi phó hội Mạc-Tư-Khoa cảm thấy trong lòng mình sự hân hoan của kẻ tín đồ trở về nơi đất thánh được uống giáo-lý ngay từ nguồn trong mát nhất.

Trước khi nói tới hội nghị vừa nhóm họp, tưởng cũng nên nhắc qua lại vì những lý do nào những nhà lãnh đạo Nga-sô đã thấy cần triệu tập Hội nghị này.

Cái nhọt bọc nhức nhối từ 8 năm nay.

Tạp chí Bách khoa đã nhiều lần phân tích sự tranh chấp giữa Nga-sô và Trung cộng, âm ỉ từ 1957, công khai bộc lộ từ 1961 và sang tới năm 1964 đã bước hẳn vào một giai đoạn buộc tội nhau không tiếc lời và thoá mạ nhau đến mức bỉ ổi. (1).

(1) Xin coi B. K. 184 : Một giai đoạn mới trong cuộc tranh chấp Bắc Kinh — Mạc-Tư-Khoa

B. K. 189 : Vụ Krouchtchev ở Liên-xô.

B. K. 190 : Chúc thư chính trị của Togliatti.

Giọt nước làm tràn ly đã là những bức thư ngày 27 và 29 tháng 2 năm 1964 của Trung Ương Cộng sản Trung Hoa gửi cho Trung Ương Cộng sản Liên-sô.

Các đồng chí Trung-Hoa đã thân ái tặng các đồng chí Nga xô danh từ «những đồ ăn cắp mà còn chơi cái trò la làng sau khi bị bắt quả tang với những bằng chứng không thể chối cãi được là đang hoạt động phân ly và chia rẽ».

Cũng trong thư ngày 29 tháng 2, 1964 Trung Ương Cộng sản Trung Hoa đã đề cập tới một số vấn đề tranh chấp.

1) Vấn đề biên giới :

Theo đảng Cộng sản Trung-Hoa thì chỉ có Nga-sô và bọn quốc gia phản động Ấn độ, là hay gây rắc rối về biên giới với Trung-Hoa, Nga-sô lại còn tệ hơn vì đã súi dục hàng chục ngàn dân thiểu số Trung Hoa di cư sang khu vực Liên-sô. Giữa các quốc-gia với nhau, điều đó cũng không thể tha thứ được chứ đừng nói là giữa hai nước huynh đệ thuộc xã hội chủ nghĩa.

2. Vấn đề viện trợ.

Trung-Cộng tố giác Nga-sô lúc nào cũng lên mặt kẻ ban ơn tác phúc, lúc nào cũng rêu rao trên tờ Pravda và Izvestia những sự giúp đỡ « không vụ lợi » cho Trung-Hoa. Nga-sô quên rằng Trung Hoa giúp đỡ Nga-sô cũng không ít. Chỉ cần nêu ra vài con số : Tới cuối năm 1962, Trung-Hoa đã giúp Nga-sô 2 tỷ 100 triệu roubles thực phẩm trong đó có 5.760.000 tấn đậu nành, 2.940.000 tấn gạo, 1.090.000 tấn dầu ăn, 900.000 tấn thịt. Ấy là chưa kể 1 tỷ 400 triệu roubles khoáng-chất trong đó có nhiều

nguyên liệu để giúp cho Nga-sô chế tạo hỏa tiễn và vũ khí nguyên tử.

3. Vấn đề các chuyên viên Nga xô.

Nga-sô đã trở mặt rút về một lúc 1.390 chuyên viên, xé bỏ 343 hợp đồng, ném vào sọt giấy 257 dự án hợp tác khoa học và kỹ thuật, để cho bao nhiêu công trình khảo cứu của Trung-Hoa bị lỗ dở. Nga-sô đã làm như vậy giữa lúc mà Trung-Hoa đang gặp những thiên tai mất mùa, nghĩa là đã hành động ngược lại với nền « luân lý » xã hội Cộng sản.

4. Vấn đề thương mại giữa 2 nước.

Nga-sô chỉ gửi sang bán những món Trung-Hoa không cần, món nào cần thì lại giao hàng rất là bủn xỉn, dùng thương mại để làm áp lực chính trị.

Ngay trong năm 1964, Trung-Hoa đề nghị xuất cảng sang Nga-sô 420 triệu roubles hàng hóa và nhập cảng 220 triệu nhưng Nga xô cứ lần lữa không thi hành (2).

Nga-sô đã không muốn cho các nước anh em kỹ nghệ hóa mau chóng, buộc họ đóng vai bán nguyên liệu và mua chế phẩm.

Giữa các nước xã hội chủ nghĩa, Nga xô đã áp dụng « luật rừng xanh », mạnh được yếu thua của bọn tư bản.

5. Vấn đề chấm dứt cuộc tranh luận công khai.

Nga-sô muốn Trung Hoa chấm dứt đả kích nhưng chính Nga xô thì cứ mở

(2) Ghi chú của tác giả : Xuất cảng nhiều gấp đôi số nhập cảng mà cứ đòi người ta sốt sắng thi hành !

rộng cuộc tấn công Trung-Cộng giữa các nước anh em, gọi đảng Cộng sản Trung Hoa bằng những danh từ không chút mỹ miều như bọn « phiêu lưu cực tả », cách mạng giả hiệu, « trốt kít nấu lại », « tôn chủng bài ngoại », « ám ảnh chiến tranh » v., v.. trong khi Nga sô cứ ve vãn đế quốc Hoa kỳ. Cứ xử như vậy mà Nga-sô còn muốn cấm đoán Trung Hoa cả tới quyền trả lời hay sao ?

oOo

Krouchtchev không phải là người đề cho Trung Hoa lắng mạ như vậy. Ông ta quyết định triệu tập vào khoảng tháng 7 năm 1964 một hội nghị 26 đảng Cộng sản, đề chuẩn bị cho một Đại hội quốc tế Cộng sản gồm chừng 80 đảng, mỗ cho tan cái nhọc bực nhức nhối đã 8 năm nay. Trong quan niệm của Krouchtchev thì Đại hội này sẽ như là một thứ tòa án nhân dân xử trường hợp Trung Hoa hay nói một cách khác như là một thứ giáo nghị hội toàn những chức sắc cao cấp Cộng sản quốc tế họp xét bọn phá môn phản đạo, buộc chúng phải ăn năn hối lỗi nếu không thì trục xuất ra khỏi thánh đường mác xít.

Việc bầu cử Tổng-Thống Hoa-Kỳ vào tháng 11 năm 1964 đã khiến cho Krouchtchev phải dời hội-nghị 26 đảng tới tháng Chạp, vì rủi mà ứng cử viên quá khích Goldwater thắng phiếu thì cả chủ trương sống chung hòa bình với Hoa-Kỳ cũng phải xem lại nói chi tới chuyện tranh uậ n về diềm đó với Trung-Hoa.

Nhưng cái mộng xử tội Trung-Hoa chưa thành thì ngày 13 tháng 10 năm 1964 Krouchtchev đã bị hạ bệ.

Tiến Thoái lưỡng nan.

Những người kế vị Krouchtchev thật đã ở một tình thế khó xử.

Bỏ hẳn việc triệu tập hội-nghị đi, cho đó là dự định của Krouchtchev, trút hết cho kẻ thất thế cái trách nhiệm đã làm hư mối tương quan Bắc-Kinh — Mạc-tư-Khoa, có lẽ là một giải pháp tiện lợi nhất.

Nhưng làm như vậy đâu có xong. Nếu chỉ vì Trung-Hoa phản đối, mà không dám nhóm họp thì cái uy tín đã bị tổn thương của Nga-Sô sẽ còn sút mẻ thêm nữa, thứ nhứt là với trái bom nguyên tử đầu tiên Trung-Hoa lại vừa tìm thấy một bộ mặt chững chạc hơn trên thế giới.

Vả lại mục tiêu chiến lược của Trung Hoa trong cuộc tranh chấp là dành với Nga-Sô vai trò lãnh-đạo quốc-tế Cộng-sản. Nga-Sô bây giờ dù có chịu mất mặt lùi đi, bỏ hẳn việc triệu tập hội nghị cũng không giải quyết gì đến căn-bản mối tương tranh và vấn đề cũng vẫn còn nguyên vẹn trong những ngày sắp tới.

Nhóm hội nghị thì lại lo nhiều nước không tới dự vì một số lớn các đảng Cộng-Sản tuy không tán thành thái độ lăng loàn của Trung-Hoa, cũng không muốn bị xô đẩy tới cái thế chân tường phải chọn lựa giữa Trung-Hoa và Nga-Sô. Vì liên kết với phe nào cũng là từ bỏ sự độc-lập của chính mình trong khi cả một khuynh hướng tự chủ đang nảy nở giữa các nước Cộng sản.

Thành ra đối với Brejnev và Kossyguine chỉ còn có một cách là triệu-tập

hội nghị để giữ thể diện đàn anh, nhưng một mặt khác biến tính hội nghị đi để cho các đàn em khỏi thắc mắc và tới dự cho đông đủ, chẳng khác gì người uống liều thuốc đắng nghĩ cách bọc đường cho dễ nuốt.

Hỏi thăm mưa nắng.

Nếu Krouchtchev còn tại vị, có thể cục diện sẽ khác. Krouchtchev tính chuyện ăn thua đủ với Mao-Trạch Đông đã ném hết uy tín của mình vào cuộc đấu và nhiều đảng Cộng-sản có cảm tình riêng với Krouchtchev có thể làm cho cán cân nghiêng hẳn về Nga-sô.

Nhưng đối với tập đoàn Brejnev-Kossyguine tương đối lu mờ, tưởng không có cách gì làm khác.

Việc đầu tiên là Nga-Sô đổi tên hội-nghị. Không còn phải là một thứ tòa án nhân dân như Krouchtchev quan niệm nữa, chỉ còn là một « hội-nghị tham khảo ý kiến », một tên gọi khiêm cung không có ràng buộc chút nào đối với người tới họp.

Hơn nữa trước ngày họp, Nga cũng phải cho các phái đoàn sẽ phó hội biết là hội nghị sẽ chẳng lên án ai mà chỉ nhằm tăng cường sự thống nhất của phong-trào Cộng-sản quốc-tế. Cái giáo-nghị-hội xử kẻ phá-môn nay chỉ còn là buổi họp mặt nói chuyện mưa nắng, thăm hỏi hàn-huyên mà thôi.

Tuy đã hạ mức xuống như vậy các phái đoàn cũng không tới đủ, 26 đảng Cộng-sản đã được mời. Đó là những đảng đã có chân trong Ủy Ban soạn thảo các quyết nghị và tài-liệu của Đại-Hội Mạc-Tư-Khoa năm 1960.

Chỉ có 19 đảng tới dự: Bảo, Hung, Đông-Đức, Tây-Đức, Cuba, Mông-Cô, Ba-Lan, Tiệp, Pháp, Ý, Anh, Phần-Lan, Argentine, Brésil, Syrie, Ấn, Hoa-Kỳ, Úc và lẽ tất nhiên Nga-Sô.

Các đảng không tới dự thì ngoài Trung-Cộng còn có Albanie, Bắc-Việt, Lỗ-ma-ni, Cao-Ly, Nam-Dương, Nhật-Bản.

Nga hơi buồn về sự vắng mặt của Lỗ-Ma-Ni vì đảng này hiện nay dẫn đầu các đảng Cộng-sản Trung-Âu trong khuynh hướng độc lập. Nếu có một đảng như vậy tán trợ thì cái thế của Nga-sô sẽ mạnh hơn. Trong cuộc tranh chấp Nga-Hoa phải nhận rằng Lỗ-Ma Ni có thiện cảm với Nga hơn, nhưng Lỗ đã nhiều lần tuyên bố là nếu hai bên còn tiếp tục phôi bày công khai mỗi bất hòa, chưa chịu giải quyết vấn đề đoàn kết thì Lỗ sẽ không đứng vào phe nào cả.

Ngược lại Nga cũng có vài sự an ủi vào giờ chót: đó là sự tham dự của đảng Cộng-sản Anh và Cuba. Trước đây Anh khẳng khẳng cho rằng một hội nghị Cộng-sản quốc-tế không có Trung-Hoa là một điều vô nghĩa, nên không chịu đi họp, cuối cùng đã cử một phái đoàn phó hội còn đảng Cộng-sản Cuba đã gửi em của Fidel Castro đi Mạc Tư Khoa.

Tất cả 19 phái đoàn gồm 50 người, toàn là những chức sắc hạng nhì và ngày 1 tháng 3 vừa qua họ đã kéo nhau lên họp tại Công-quán tiếp-tân trên ngọn đồi Lénine. Khi hai cánh cửa sắt sơn màu xanh của công-quán được khép lại thì thế giới bên ngoài không còn biết họ đã bàn cãi ra sao, nhưng cũng có thể dự đoán rằng trên cương vị của họ cũng

chẳng có quyết định được điều chi quan trọng.

Bản Thông cáo chung

Dự đoán trên đây đã tỏ ra đúng khi người ta được đọc bản thông cáo của hội-nghị. Bản thông cáo này đã ị ạch lắm mới ra đời nổi và chỉ được công bố vài ngày sau khi hội-nghị đã kết thúc. Nó cho người ta cái cảm tưởng là các phái đoàn đã tuyên bố lấy lệ một vài quyết nghị mơ hồ và đã cố ý lẩn tránh các giải pháp cụ thể cho một vấn-đề vượt sức họ.

Về hình thức bản thông cáo, người ta ghi nhận những lời lẽ ôn hòa nhân nhượng, phảng phất cái dáng dấp của một người cất những bước đi thận trọng trên một lối hẹp giữa hai hàng bát đĩa mà chỉ sợ ý một chút là khó tránh tan vỡ.

Về nội dung bản thông cáo, có 2 điểm đáng chú ý:

1) Trước hết « hội nghị tham khảo ý kiến » cho rằng nên có một đại-hội quốc tế của tất cả các đảng Cộng-sản trên thế giới nhưng đã thận trọng không nói rõ phải họp vào ngày tháng nào. Chỉ phát biểu ý kiến là đại hội phải sửa soạn thật kỹ lưỡng.

Như vậy là đường lối cũ đã vạch ra nay vẫn giữ nguyên để giữ thể diện cho Nga-Sô, nhưng đại-hội triển kỳ tới một thời gian vô hạn định có thể hiểu ngầm được rằng chỉ có đại hội khi nào tình thế cho phép Trung Hoa và các đảng thân Trung Hoa cùng tham dự.

2) Sau đó « hội nghị tham khảo ý » sắc nhận lại nhiệm vụ khẩn cấp của

quốc tế cộng sản là chống đế quốc, thực dân, và ủng hộ những cuộc chiến tranh giải phóng.

Rõ ràng là hội nghị đã muốn nhân nhượng Trung Hoa ngay cả về mặt lý thuyết vì khi công nhận như trên nhiệm vụ của khối Cộng sản trong lúc này thì đâu còn có điều chi khác biệt giữa phe « cực đoan » và phe « xét lại » ?

Người ta nghĩ rằng với một thông cáo như trên, hội nghị đã làm tất cả những điều gì có thể làm được để theo một đường lối nước đôi chẳng mất lòng ai.

Nhưng Trung Hoa và phe thân Trung Hoa đã không nghĩ như vậy và hội nghị tháng ba tại Mạc Tư Khoa đã là một cơ để cho chiến dịch đả kích Nga xô lại nổi bùng lên dữ dội.

Lửa cũ thêm dầu mới

Đảng Cộng sản Albanie đã tỏ ra bảo hoàng hơn vua. Khi nhận được bản thông cáo về hội nghị do Trung Ương Cộng sản Liên xô gửi tới, Albanie đã không thèm dờ ra xem, để nguyên phong bì dán kín gửi trả lại. Còn Trung Hoa thì đã phẫn nộ hơn ai hết. Trong khi hội nghị khai mạc, Tân Hoa xã, cơ quan thông tấn của Trung cộng đã có một bài dữ dội đả kích Nga xô về « luận điệu tội tở của Krouchtchev » và khi có bản thông cáo thì tờ Nhân dân nhật báo ở Bắc kinh đã dành hẳn 4 trang trong số 6 trang của mình để đăng lại những bài của đảng Cộng sản Nhật bản thóa mạ thái độ xét lại của Nga xô.

Một sự kiện mới bên ngoài Hội nghị lại làm cho cuộc tranh chấp Nga-Hoa

bốc lên tới một cao độ chưa từng thấy : đó là vụ Mỹ ném bom Bắc Việt. Vụ này đã cho Nga nhiều ưu thế hơn vì nhiều lẽ :

Trước hết Kossyguine vừa viếng thăm Bắc Việt và hứa giúp về mặt phòng không. Khi về tới Mạc Tư Khoa, Kossyguine lại đã cảnh cáo Mỹ rằng Nga sẽ không ngồi yên để Mỹ mặc tình thao túng ở Đông Dương. Do đó Nga thật sự đã tỏ ý chí muốn có một mặt trận thống nhất của cộng sản quốc tế chống đế quốc Mỹ. Hơn nữa Nga lại có phương tiện để mà đương đầu với Mỹ còn Trung Hoa thì chưa phải là địch thủ của Mỹ.

Ngoài ra Bắc Việt tự nhiên đứng vào thế của một người có mặc cảm tội lỗi đối với Nga sô, vì giữa lúc Bắc Việt cần sự giúp đỡ của Nga sô để chống lại những cuộc oanh tạc của Mỹ, giữa lúc mà Trung Hoa không giúp ích gì được cho Bắc Việt thì Bắc-Việt đã chịu cái sức kìm kẹp của Trung Hoa mà từ chối không đi dự Hội nghị tháng ba tại Mạc tư Khoa. Điều này khó tha thứ hơn nữa ở chỗ Kossyguine khi viếng thăm Hà-nội chắc hẳn có ngỏ lời mời mà không dặt.

Chính vì Nga sô có ưu thế đó mà Trung Hoa càng phải nắm lấy vụ ném bom Bắc Việt để dùng làm một đề tài đả phá Nga sô.

Chắc hẳn đã có bàn tay của Trung Hoa trong vụ biểu tình trước tòa đại sứ Mỹ của các sinh viên Á-Phi tòng học tại trường Đại học Patrice Lumumba, vào ngày mồng 4 tháng 3 giữa lúc mà 19 phái đoàn dự " Hội nghị

tham khảo ý kiến » đang thai nghén một cách khó nhọc bản thông cáo chung.

Cảnh sát và quân đội Nga đã phải tán đám biểu tình và đó là một dịp bằng vàng cho Trung Cộng dựng lên một chiến dịch tuyên truyền với chủ đề sau đây :

« Đề bảo vệ quyền lợi của Mỹ quân thù của quốc tế cộng sản, Nga đã đàn áp những sinh viên chỉ mắc có mỗi một tội là đã tán thành trên nguyên tắc chủ trương của Chánh phủ chống đế quốc mỹ ».

Không còn một phương tiện nào là không được sử dụng để khai thác đề tài trên.

Đại sứ Trung cộng tại Mạc Tư Khoa trao cho Gromyko một bức thư phản đối trong đó có đoạn viết như sau : « Chúng tôi không thể hiểu tại sao cảnh sát và quân đội một nước cộng sản lại đàn áp sinh viên biểu tình chống Mỹ. Hành động ngược với nguyên tắc Mác Lê này làm cho chúng tôi nhục nhã và xấu hổ » lời lẽ bức thư làm cho người ta nhớ lại bài tường thuật về cuộc biểu tình của phóng viên đài BBC tại Mạc Tư Khoa. Phóng viên kể lại đã chứng kiến một sinh viên Trung Cộng hét lớn lên vào mặt mấy người Nga qua đường : « Chỉ có chúng tôi mới theo con đường chân chính của Mác Lê ». Và những người Nga kia đã nhìn sinh nọ bằng cặp mắt hết sức khinh bỉ.

Còn báo chí và đài phát thanh Trung Cộng đã hết sức thổi phồng sự việc, hay cho đăng lớn những hình ảnh về cuộc đàn áp.

Tân Hoa Xã thông báo 7 sinh viên Trung Hoa bị thương trong cuộc biểu tình đã bị tổng khur một cách tàn nhẫn ra khỏi bệnh viện (trong khi các phóng viên ngoại quốc cho rằng các sinh viên này đã được săn sóc đầy đủ). 4 người trong số đó đã được Trung Hoa đưa về Bắc Kinh để kể cho các sinh viên học sinh trong nước biết rõ họ đã bị ngược đãi như thế nào.

Cả các bà cũng được huy động nhẩy vào vòng chiến. Ngày mùng 8 tháng 3 vừa qua, bà Chervonenko vợ đại sứ Nga tại Bắc Kinh cùng tất cả các bà vợ các nhân viên phái đoàn ngoại giao Nga đã lầy chay không tới dự Ngày Phụ Nữ Quốc tế do Trung Cộng tổ chức vì cách đó 3 ngày các bà khách Trung Hoa đã bỏ dở một bữa tiếp tân của bà Chervonenko, và kéo nhau ra về để phản đối thái độ Nga sô trong vụ Bắc Việt.

Cuộc xung đột Nga Hoa đã lan sang cả các hội nghị quốc tế. Và mới đây Trung Cộng đã làm đủ cách để ngăn không cho Nga sô được tham dự Hội nghị Hồi Giáo Á Phi nhóm tại Indonésia nhưng sau cùng Nga sô vẫn được công nhận là phái đoàn chính thức. Chuyện này thật là hy hữu nếu người ta nhớ rằng từ trước đến nay trong tất cả các hội nghị quốc tế, ngay ở phiên nhóm khai mạc bao giờ Nga cũng phủ nhận sự có mặt của phái đoàn Trung Hoa Dân quốc Đài Loan và đòi phải cho Trung Cộng dự họp. Nga bây giờ chắc phải lấy làm chua chát khi thấy Trung Cộng đòi gạt mình ra khỏi các hội nghị này. Tháng 6 tới đây với Hội Nghị các quốc gia Á Phi dự định nhóm tại Alger,

SÁCH BÁO MỚI

Bách Khoa đã nhận được :

— **Chạy trốn**, truyện của Thảo Trường do Nam Sơn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 88 trang giá 25đ.

— **Sáng** số 2 tháng 2-65, nguyệt san văn hóa xã hội nghệ thuật in ronéo, khổ 15x20, 66 trang, xuất bản tại Tuy Hòa, do ông Đặng Minh Chi chủ trương.

— **Vòng thời gian**, tập thơ của Phồ Đức, do Nhân Chứng xuất bản, tác giả gửi tặng. Gồm 41 bài thơ dày 70 trang giá bán 50đ.

— **Tạp bút** của Võ Phiến do Thời Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 90 trang gồm 11 bài tiểu luận, bản đặc biệt không đề giá.

Trân trọng cảm ơn các tác giả và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách Khoa.

chắc chắn người ta lại được chứng kiến Trung Cộng lớn tiếng yêu cầu phái đoàn Nga phải dời phòng họp vì Nga chẳng phải là Á mà càng không phải là Phi trong khi Trung Cộng đã là Á lại còn tìm thấy ở Phi một mảnh đất phì nhiêu để gây rộng ảnh hưởng.

Nói tóm lại cuộc tranh chấp Nga Hoa còn hứa hẹn nhiều pha sôi nổi và như nhiều quan sát viên đã nhận xét, Hội nghị tham khảo ý kiến nhóm tại Mạc Tư Khoa không phải là để tìm cách cứu vãn sự rạn vỡ mà để ghi nhận rằng sự rạn vỡ của khối Cộng sản đã hết phương cứu vãn.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala Lumpur : *14 Ampang Street.*

• TRÚC-SĨ

hai ngộ nhận về

Ô. PHAN-KHÔI THAM-GIA

CÁC PHONG-TRÀO CÁCH-MẠNG

L.T.S.— Trên Tạp-chí Văn, giai-phẩm Xuân Ất-Tý, ký giả Hồng-Tiêu và nhà văn Nguyễn-Mạnh-Côn đã do ký ức hay suy luận mà trình bày với độc giả những nhận xét khác biệt về nhà văn Phan-Khôi. Trúc-Sĩ, nhà văn có trường hợp may mắn được sống trong thời kỳ Nhân văn giai phẩm tại Hà nội và sau đó lại trốn khỏi được đất Bắc, lại góp thêm những nhận xét mới mẻ nữa về văn hào đất Quảng, với những tài liệu mà ông nhận lãnh trách nhiệm. Thực đúng như ký giả Hồng Tiêu đã viết : « Sự ghi chép về ông (Phan-Khôi) không sao nhất trí được » vì tùy thuộc ở « sự thấy, nghe, hiểu biết » về ông, mà về điểm này thì thực quả « không ai giống ai ». Bách Khoa đăng bài sau đây của nhà văn Trúc-Sĩ để độc giả rộng đường tìm hiểu.

Trong báo VĂN, số Xuân Ất Tý, hai tác giả Hồng-Tiêu và Nguyễn-Mạnh-Côn có viết về Ô. Phan-Khôi, nhân dịp kỷ niệm ngày văn hào quá cố.

Cả hai ông đã đưa ra một Phan-Khôi chiến sĩ cách mạng, một tâm hồn bất khuất đã chiến đấu cho chính nghĩa, bất chấp mọi gian lao nguy hiểm (?). Rất có

thề hai ông đã vì tình đồng nghiệp, muốn lưu niệm một bạn văn tiền bối với hậu ý đáng quý.

Tuy nhiên vì thiếu yếu tố sự kiện lịch sử hai ông lại chỉ căn cứ vào dư âm và thành tích nổi bên ngoài, nên chỉ đưa ra được những giả thuyết mà chúng ta cần phải nghiên cứu lại

Theo Ô. Hồng-Tiêu, Ô Phan-Khôi đã tham gia các phong trào cách mạng dưới đây chia làm hai thời kỳ :

1) Thời trung niên, ông đã đứng trong hàng ngũ Văn thân của Vua Duy-Tân (1916), sau đó tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa-Thục, và phong trào tỉnh Quảng-Nam ;

2) Thời văn cuộc, ông tham gia phong trào chống Đảng trong Nhóm Nhân-Văn Giai-Phẩm tại Hà-nội (1957-58).

Về thời kỳ trước của Ô. Phan-Khôi, tác giả Hồng-Tiêu chỉ căn cứ vào dư luận mà viết ra, chứ cũng không phải là nhân chứng thời đại hoặc dựa vào tài liệu cụ thể nào có thể minh chứng được sự kiện. Còn về thời kỳ sau, ông đã lập luận xuôi chiều theo các văn thơ của nhà văn lão thành, được sưu tầm bởi cơ cấu chống Cộng mệnh danh « Mặt trận bảo vệ tự do văn hóa », in lại trong tập « Trăm hoa đua nở tại miền Bắc ».

Tác-giả Nguyễn-Mạnh-Côn cũng vậy : thiếu dữ kiện lịch sử, ông đã căn cứ



PHI-CƠ PHẤN-LỰC

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG



SAIGON-HONGKONG
SAIGON-PHNOHPEH-BANGKOK

}

3 chuyến mỗi tuần

bằng *Caravelle*

PHI-CƠ PHẤN-LỰC TRĂNG-LỆ NHÚT THỀ-GIÓ

★ NHANH-CHÓNG

★ ÊM-ÁI

★ TIỆN-NGHI

VIỆT-NAM



HÀNG-KHÔNG

vào bài văn của ông Hồng-Tiêu đề nêu lên một giả thuyết bệnh vực Ô. Phan-Khôi về thời Văn-Thân khởi nghĩa, cũng như căn cứ vào tài liệu của Mặt trận bảo vệ tự do Văn hóa, đề lập luận về giai đoạn Nhân-Văn Giai-Phẩm tại miền Bắc.

Ô. Hồng-Tiêu viết :

— (Về thời trung niên của ô. Phan-Khôi) :

— Trong cuộc khởi nghĩa của Đức Vua Duy-Tân, ô. Phan-Khôi cũng giữ một vai tưởng trọng yếu. Việc toàn quốc thì do hai ông Thái-Phến và Trần Cao-Vân xếp đặt, mà việc Quảng-Nam (sinh quán họ Phan) thì do nhà lân học Lê-Đình-Dương và các sĩ phu khác chủ trì. Đến ngày Tam-Kỳ nổ phát súng đầu tiên, ô. Phan-Khôi cảm thấy trước thất bại, nên tới khuyên ô. Dương xuất thủ để bảo vệ sinh mạng của mình. Nhưng ô. Dương nhất định giữ lấy cái chết, không nghe lời. Túng quá, ô. Khôi phải tìm cách tự cứu lấy mình. Ông xuống thẳng Tòa Sứ, xin vào yết kiến viên Công-Sứ...

Chính mảnh giấy về sau này đã cứu cái đầu ô. Phan-Khôi, chính mảnh giấy này đã cắt đứt sợi giây liên lạc giữa ô. Phan-Khôi và đám sĩ phu tỉnh Quảng... (mảnh giấy ghi nhận có đến xin dẫn thủ, nhưng Công-Sứ đi vắng) (Văn, tr. 176).

— (Về thời văn cảnh)... Sống trong tay Cộng sản, ông khẳng khái đối đầu với cộng sản. Mà đối đầu với Cộng sản tức là tự ông đi tìm cái nhục, cái khổ cái chết ; dễ thương ông không biết trước những nguy cơ ấy nó đang chờ ông ? Ấy thế mà trong tập

« Trăm hoa đua nở », ông đã cho người ta thấy rõ cái khi tiết của ông như thế nào rồi... (tr. 173).

Tác giả Hồng-Tiêu đã trình bày khách quan về thời trung niên của ô. Phan-Khôi. Tuy nhiên ông đã tự mâu thuẫn khi ghi : « ...Ấy thế là vì cái tính sợ đầu sợ đuôi của ông trong vụ Duy-Tân khởi nghĩa năm 1916 (tr. 175)... »

Đã nhút nhát sợ đầu sợ đuôi, sao lại còn khẳng khái chiến đấu đến khinh gian nguy như ông đã nhận xét về giai đoạn sau, thời Việt Cộng được ?

Như vậy, thực sự ông Phan-Khôi đã tham gia phong trào như thế nào, tranh đấu ra sao ? Qua bài của ô. Hồng-Tiêu, thì vừa nghe tiếng súng nổ ở Tam-Kỳ, họ Phan liền ra đầu thú Pháp... Và do đó bị sĩ phu Nam Ngãi khinh rẻ, mà mãi đến 30 năm sau, chính tác giả Hồng-Tiêu còn bị ảnh hưởng lây (tr. 175).

Bạn Mạnh Côn đưa ra một giả thuyết như sau :

1) Thời kỳ vua Duy - Tân khởi nghĩa :

...Cụ khuyên bạn ra đầu thú, bạn không nghe, nên cụ đến thẳng Tòa Sứ tỉnh Quảng-Nam một mình... giới sĩ phu Nam Ngãi hồi bấy giờ coi cụ Phan như một người đào ngũ, vì tham sống sợ chết. Tôi (Mạnh-Côn) thiết tưởng dư luận còn có thể khắc nghiệt hơn. Một người có tham gia phong trào Đông-Kinh nghĩa thực, lúc phong trào này tan vỡ thì tránh được không bị bắt. Sau đó lại về Quảng-Nam, tham gia một

phong trào khác rồi lại thoát thân được, khi các bạn khác đều bị xử tử hay lưu đầy. Dư luận cứ xét như thế thôi, cũng đủ có nhiều kết luận ghê gớm lắm.

Nhưng đây là dư luận thời bấy giờ. Còn bây giờ, quay về quá khứ, tôi thiết tưởng có thể đặt ra một giả thuyết, ít nhất cũng hợp lý, rằng cụ Phan tham gia các phong trào cứu quốc vì có nhiệt tâm phụng sự Quốc-Gia. Nhưng cả hai lần, sau khi dừng vào tổ chức rồi, Cụ mới thấy các vị khởi xướng và lãnh đạo phong trào không có đường lối hoạt động một cách thực tế và hữu hiệu như Cụ chờ đợi. Cứ xét các văn phẩm của Cụ, và đặc biệt cứ xét các tài liệu có tính cách tranh luận của Cụ, người ta có thể nhận định Cụ Phan có tư tưởng « biện-chứng-pháp » — không phải biện chứng pháp duy vật, mà chỉ biện chứng lý luận không thôi —, đồng thời cũng có ý niệm về chiến lược, chiến thuật rất sớm. Cụ chắc chắn không phải là người đồng ý với lập trường « không thành công thì thành nhân » của liệt sĩ Nguyễn-Thái-Học. Con người đã biết sự nghèo khổ, đã có kiên trì phấn đấu suốt đời, hẳn nhiên có tinh thần gan góc của những chiến sĩ cách mạng tiến bộ nhất : nếu phải cúi đầu lui bước để được sống, để phục hận mai sau, thì sự nhục nhã chính là một thử thách khó khăn hơn cái chết.

Nếu giả thuyết trên đây là đúng, tôi không tin Cụ Phan đã chịu lấy sự đầu hàng « nửa vời » như thế làm hối hận. Cuộc đời của Cụ trong năm, sáu mươi năm sau đó, không cho ta thấy dấu hiệu nào tỏ ra cụ có mặc cảm phạm tội. Con người còn dám kiêu hãnh đến kiêu ngạo, cương trực đến nóng nảy, và (đôi khi) bất công, không phải là con người bị một quá khứ tội lỗi đầy vò... (tr. 182-183).

Ta thấy bạn Mạnh Côn đã :

a) về sự kiện : đặt thể chủ-dộng vào tay nhân vật, hoàn cảnh chỉ là bình phong, trong khi thực-tế, chính hoàn cảnh lôi cuốn nhân-vật. Tại sao không đặt vấn đề : Ô. Phan-Khôi, vì vị-trí nho sĩ của mình, đã bị lôi cuốn vào phong trào ngoài ý muốn ?

b) về tâm-lý : tự mâu thuẫn khi ý-niệm hai khía cạnh trái nghịch của tâm tình : sự cứng cỏi phi-liêm của con người có bản lãnh, ích kỷ (tạm lui để phục hận mai sau, lấy kết quả chứng minh phương tiện) với sự trong sạch, vị tha đầy lương tâm trách nhiệm (qua năm, sáu mươi năm vẫn không có mặc cảm tội lỗi).

Một điểm nhỏ này cũng đủ chứng-minh sự sai lầm của bạn : « Cái ta » bao giờ cũng sợ sự kém hèn, xấu xa đã trót mắc phải, nên luôn luôn quên và xóa bỏ thành tích bị đi mà mình trót phạm. Vậy nên thời gian càng xa bao nhiêu càng nhạt bấy nhiêu, đến khi thoảng nhớ lại ngờ là chiêm bao, đâu có phải mình ? Huống hồ cả một thời gian dài đằng đẳng, hơn nửa thế kỷ như đã nhận xét ? Sau nữa, việc làm của đương sự (đầu thú) chỉ là một sự tự vệ (bỏn phận đối với chính mình), đâu phải là phản bội ? (Nếu có phản bội, thì là mình tự phản-bội chiếc áo sĩ-phu của mình, phản bội tinh thần giới sĩ-phu, đâu có phải phản bội phong trào ?) Khi tưởng nhớ lại hành-vi cũ, chắc chắn ai cũng lập luận như thế, không thể khác, và do đó, sao có thể có mặc cảm phạm tội, khi sự việc đã qua cả năm, sáu chục năm ?

Chỗ này tôi chỉ muốn lưu ý bạn Côn về khía cạnh tâm-lý, trường hợp ô. Phan-Khôi là đề-tài.

Quay lại giả-thuyết về giai đoạn Văn-thân của Vua Duy-Tân : theo tôi, trước khi đưa ra một giả-thuyết, phải ý niệm rõ rệt sự kiện lịch-sử, khung cảnh xã hội trong đó nhân vật quấy lộn ra sao.

Trong vụ Vua Duy-Tân khởi nghĩa từ lúc gặp ông Trần Cao-Vân giao trọng trách, đến lúc tan rã phong trào, thời gian quá ngắn (khoảng 1 năm). Như vậy, tất nhiên phong trào rất yếu. Các chiến-sĩ chỉ bao gồm lớp sĩ phu, hào trưởng và thuộc hạ của họ. Đó là lực lượng ô-hợp, thiếu tiền bạc, phương-tiện, kế hoạch, tổ-chức, trong đó ô. Phan-Khôi đóng vai trò trọng yếu của tỉnh Quảng-Nam. Vai trò ấy là gì ? Chắc hẳn chỉ là viết văn, làm hịch, khích động tâm lý đề sách động nhân dân... chỉ có thể như vậy. Đây là tôi nói một Phan-Khôi tích cực, một Phan-Khôi thực-sự chiến-sĩ.

Nhưng chỉ là giả-tưởng, căn-cứ vào lời ô. Hồng Tiêu vốn cũng phong thanh viết ra, chứ chưa chắc đã đúng như vậy.

Bởi vì qua hành-động « đầu thú » của ô. Phan-Khôi, ta thấy ông không có tinh-thần trách-nhiệm, tinh-thần chiến-sĩ. Như thế tức là ông đã bị phong trào lôi cuốn ngoài ý muốn.

Thành phần của ông là một nho sinh xuất sắc, dòng dõi thế gia, cháu ngoại cụ Hoàng-Diệu, con quan Nghè, cha anh đều là thần tử nhà Nguyễn. Vậy khi phong-trào do chính Đức Vua đề xướng lan đến tỉnh, tên của Phan-Khôi chắc

chắc được ghi ngay vào đầu danh sách cùng các sĩ-phu khác, khỏi cần hỏi ý kiến đương nhân. Ô. Phan có thể đã « bị » tham gia phong-trào, tự biết như con bướm bị chết bởi cái mả của mình, chứ chắc đâu đã phải là chủ động tham gia vì tâm hồn yêu nước, như lời bạn Côn đã ghi.

Cũng do sự miễn cưỡng đó, nên vừa nghe tiếng súng nổ ở Tam - Kỳ (chưa tới Quảng Nam), ông đã vội vã tới khuyên bạn ra đầu thú, và khi bạn không nghe, ông tự đi đầu thú một mình vậy.

Nếu ông quả là chiến sĩ, mà cảm thấy thất bại, hẳn ông đã tới khuyên ô. Dương cùng di trốn, xuất ngoại theo cụ Phan-Bội-Châu chẳng hạn, hoặc tạm lẩn tránh đi nơi khác .. mà không tránh thoát thì đành chịu chết như ô. Dương. Bởi ông không tích-cực nên biết ra đầu thú là xong, không như trường hợp ô. Dương, đầu có đầu thú cũng chết vì « đã tích cực hoạt-động ». Nếu ông quả là chiến-sĩ, hẳn ông đã có tinh thần bất khuất của chiến-sĩ không bao giờ chịu nhục dưới mắt quân thù, và phải có tinh-thần trách-nhiệm : trách-nhiệm nhớn tiền đối với đồng-chí, lúc ấy hẳn đang chờ chỉ-thị hành-động, hoặc đánh, hoặc rút, trách-nhiệm đối với nhiệm-vụ, do lòng tin-nhiệm của thủ-lãnh, của Quân-vương. Ông quên sao được bài thơ đầy nước mắt của Vua Duy-Tân, biết bao cảm khái vì Non Sông, vì Tờ-Quốc :

*Chiều chiều, trước bến Vân-lâu.
Ai ngồi ai câu, ai sầu ai thảm
Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông,
Thuyền ai thấp thoáng bên sông
Đưa câu mái đầy dòng lững lờ nước non..*

Vua Duy-Tân với tâm sự ấy, đã trao trọng trách cho Thái-Phiên, Trần-Cao-Vân sách động sĩ-phu cứu quốc.

Nếu ô. Phan-Khôi quả là chiến-sĩ, tất nhiên ông đeo chung một u-hoài và như vậy, liệu ông có gan đào nhiệm đầu thú quân thù, quên hết cả bài thơ khởi-thủy đầy máu lệ trên, khi chính ông là một nhà thơ, hơn nữa một sĩ-phu?

Sau đến Phong trào Đông-kinh nghĩa-thục và phong-trào Quảng-Nam. Các phong-trào này còn yếu hơn phong-trào Văn-thân nữa. Như vậy phong-trào Đông-kinh nghĩa-thục bất quá chỉ là nuôi dưỡng âm mưu chống đối, kích-lệ Đông-du, phôi thai kích động tâm-lý-chiến, và phạm-vi hoạt-động mới bó hẹp trong vài ba tỉnh gần trung-tâm xuất-phát.

Ông Phan-Khôi chắc chắn chỉ là một biên-tập-viên, phổ biến tư tưởng cấp tiến của Lương-Khải-Siêu, viết văn làm thơ hoài cảm, chứ chắc chưa có công-tác gì rõ rệt nghiêng về chiến đấu. Do đó nên khi bị phát giác, người khác bị xử tử hay tù đầy, thì ông vẫn không sao.

Như vậy ta có thể đặt giả thuyết: ô. Phan-Khôi có tham-gia các phong trào cứu quốc chỉ là vì vị-trí thành phần của mình, không thể chối từ. Nhưng ông đã tham-gia kín đáo với tư cách văn-ngệ-sĩ không phải với tư-cách chiến-sĩ, để vừa khỏi bị nguy-hiểm, vừa khỏi bị mang tiếng với sĩ-phu.

Vì vậy, nên khi vỡ lở, ông ra đầu thú

và không bị tội. Cũng do đó, phát-giác ra sự khôn ngoan và tầm thường của mình nên ông mới bị giới sĩ-phu Nam Ngãi khinh-bĩ.

Về bài của bạn Nguyễn Mạnh-Côn, bạn cho rằng qua sự đầu thú có sự phản-bội phong-trào, và do đó ông Phan Khôi bị dư luận đương thời ác cảm với ông. Tôi thiết nghĩ, dư luận đương thời không coi thường ông ở điểm phản bội phong-trào (vì không có), nhưng coi thường ông ở điểm phản bội danh dự sĩ-phu; trước họ tưởng ông là con đại bàng trong giới sĩ-phu (trăm anh thế phiệt, tài cao, kiêu ngạo), ai ngờ cuối cùng là chỉ tham gia với cái vỏ, và đầu hàng kẻ thù, phản bội gia tiên và hàng ngũ văn-thân bởi tinh-thần bạc nhược.

Trong một xã-hội lấy trung hiếu làm đầu, về giai-đoạn ấy, về trường-hợp ấy (lời *luyết lệ* của Vua, và chính Đức Vua bị bắt và lưu đầy, hoàn cảnh thích hợp nhất cho dương sự, hơn cho bất cứ ai, để tận trung báo quốc...) vậy mà hành động như vậy, giới sĩ-phu không thể nghĩ khác về ông được, và theo tôi đó là một tư tưởng đúng, không có lý do gì bào chữa nổi.

Nếu bạn Mạnh-Côn lập luận rằng, đây là tư tưởng về thời bấy giờ, nhưng tâm-lý Phan-Khôi là *tâm-lý cấp tiến*, can trường chịu sự nhục để giữ mình làm một cái gì, báo phục sau và sự nhục ấy là một thử thách khó hơn cái chết, tôi thiết nghĩ cái tâm-lý mà người ta thường ngụ biện đề đầu hàng ấy, khi gặp gian nguy, ai cũng vẫn có, đề tự dối, và đã như vậy, sao còn cho là khảng khái?

2) Phong trào nhân văn giai phẩm tại miền Bắc.

Là nhân chứng được sống trong giai-đoạn ấy, ở Hà-nội, đồng hoàn cảnh xã hội với ô. Phan-Khôi, tôi được mục kích rõ rệt sự việc nên tôi có thể trình bày khách quan, đề qui vị độc-giả cùng nhận định.

Phong - trào ấy là gì ? Những ai tham gia, và ô. Phan-Khôi đã tham gia cách nào, chiến đấu ra sao, thành tích và hậu quả ? Đó là những điểm chúng ta cần biết.

Trước hết, cần phải hiểu qua tình hình xã hội miền Bắc, thời kỳ khủng bố trắng "Cải cách ruộng đất" 1955-56, và thời kỳ Sửa sai "Trăm hoa đua nở" 1957.

Việt-cộng sau khi tiếp quản xong miền Bắc, liền cho thi hành chính sách "Cải cách ruộng đất", tổ khổ nông dân, bắt chước của Trung-cộng. Mục đích nổi bên ngoài là : người cày có ruộng, bãi bỏ tư hữu bất công do Thực-Phong để lại, đề đi đến xã hội chủ-nghĩa.

Nhưng mục đích chính là : thanh toán phản-động, đề phòng chống đối, bần cùng hóa nông dân để dễ bề thống trị.

Đó là một chính sách cộng-sản, đơn thuần cộng-sản.

Tuy nhiên, ta lại phải ý niệm cao hơn nữa : miền Bắc bị ép giữa hai gọng kềm Nga-sô và Trung-cộng. Bởi thế nên, trên lãnh vực chiến lược, họ lại tự xé ra làm hai, một phần thân Nga, một phần thân Trung-cộng. Chính sách của họ phải tùy thời, khi nghiêng Nga, khi nghiêng Tàu cộng. Và trong số cán bộ cao cấp lãnh đạo

có kẻ vì chiến thuật chiến lược, được Đảng bộ chỉ định, đóng vai trò thần tử ấy, cũng có kẻ thực sự là tay sai của một phía. Thí-dụ : Trường-Chinh khi nghiêng Trung-cộng, khi nghiêng Nga-sô, đó là nhân vật nghiêng vì chiến lược. Hồ-Việt-Thắng, Lê-Văn-Lương, nghiêng hẳn Trung-cộng, đó là thần tử của Trung-cộng.

Trên tình hữu nghị Việt-Hoa (cộng sản) vẫn có hiểm nghi : Việt-cộng e sợ sự đồng hóa làm diệt chủng tộc, còn Trung-cộng mơn man, đề chờ ngày thuận tiện nuốt cả miền Đông-Nam-Á. Chính vì vậy, khoảng năm 1956, khi xảy ra vụ khởi nghĩa Quỳnh-Lưu (Nghệ-An), Mao-Trạch Đông, trong một cuộc hội đàm bí mật, có ý định trả lại Lưỡng-Quảng cho Việt-cộng, từ Quảng-Châu trở về Lạng-son, theo dự án của vua Quang-trung đòi Càn long nhà Thanh. Quảng-châu là kinh-đô Phiên-ngung xưa của Triệu-Đà. Việt-cộng từ chối. Bởi dân số của Lưỡng-Quảng là trên 30 triệu người, còn của Bắc-việt chỉ 14 triệu. Lúc ấy làm sao mà tránh được đồng hóa trên lãnh vực chủng tộc, tránh được lệ thuộc trên lãnh vực chính-trị, bị tràn ngập bởi một số thực khẩu di chủng, vô kỳ hạn, trước bao vấn đề xã-hội mà mình không thể nắm vững ?

Tưởng cũng không phải là vô ích khi tiết lộ, trước đây, họ Mao đã sén một phần đất đai thuộc phía tây bắc Cao-Bằng, Hà-Giang sáp nhập vào Trung Cộng. Có lẽ, Trung-cộng muốn dòm vào vùng Tinh-túc, nơi có nhiều mỏ quý như Wolfram, manganèse, than đá... và rất có thể có quặng Uranium.

Nay họ Mao ra điều nhượng nhặn, vừa đền lại cho phần đất kia, vừa chiều dãi Việt cộng, trả Phiên-Ngung về cho Giao-Chỉ. Nhưng thực tình nuôi mộng tràn lan về phương Nam phì nhiêu, đề với nhân số 50 triệu tràn ngập chẳng những Bắc-việt mà còn cả Nam-việt nữa.

Chính bởi cảnh giác như thế, nên sau khi họ Hồ đi công-du các nước Cộng sản về, tuyên bố nghiêng Tito, theo chủ trương đa-đầu-chế của lãnh-tụ Cộng-đảng Ý Togliatti (quốc-gia Cộng-sản, bình đẳng với Nga-sô).

Chu-Ân-Lai cấp tốc sang Bắc-Việt, tăng cường số chuyên-viên cố vấn, và có ý-định đưa Trường-Chinh lên thay già Hồ, đuổi Võ-Nguyên-Giáp ra khỏi quân đội. Cũng nên biết thêm rằng, số cố vấn của phe Cộng đưa giúp Bắc-Việt được quân phân như sau :

Nga-sô : chuyên-viên cơ-khí, điện-lực, hầm mỏ, cầu đường.

Trung-cộng : chuyên viên chính trị, quân sự.

Đông-đức : chuyên viên Y-tế, và hóa chất.

Tiếp-khắc : chuyên viên kỹ nghệ nhẹ, nhất là về gỗ dán, giấy, diêm và đồ xức.

Bốn nước trên viện - trợ chính cho V. C. Nhưng qua thành phần trên, ta thấy ảnh hưởng của Trung-cộng đi sâu vào nội bộ Việt-cộng, lũng đoạn nền tảng cơ cấu hành chánh, quân sự và kinh-tế miền Bắc.

Tên Hồ-Việt-Thắng, tay sai đắc lực Trung-cộng, đã thẳng tay giết hại nông-

dân, gây nên cảnh núi sương sông máu, oán khí ngút trời, trong suốt thời gian từ 1955 đến 1957.

Cũng may trong thời gian này, ở Đông-Âu, Hongrie khởi nghĩa, cả miền Uskraine phì nhiêu trong lãnh thổ Nga cũng nổi lên chống Đảng. Khối Cộng rung động từ Âu sang Á. Trung cộng sợ hãi, vội nói rộng dân chủ bằng phong trào : Bách hoa tề khai, bách gia tranh minh (trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng).

Phía Bắc-Việt, vùng Quỳnh-Lưu (Nghệ an), Ba làng khởi nghĩa.

Việt-cộng phải tuyên bố « sửa sai », và cũng bắt chước Tàu cộng, cho phát triển phong trào *Trăm hoa đua nở*. Đó là về cuối năm 1957, bước sang đầu năm 1958.

Trong phong trào này, chúng nói rộng kinh tế thương mại cho nhân dân, phục hồi quyền lợi cho nhiều nạn nhân, vụ « cải cách ruộng đất », nói rộng mọi tự do dân chủ, trong đó có tự do đi lại, mở báo, hội họp. Nhân đó, nảy ra phong-trào Nhân văn Giai phẩm.

a) *Nhân văn Giai phẩm thành lập như thế nào, những ai tham gia ?*

Mùa Thu năm 1957, Tổng hội sinh-viên Hà-nội do Bùi-Quang-Đoài thủ lãnh cho xuất bản một đặc san, mệnh danh Giai-phẩm mùa Thu. Ý-thức-hệ của nó là nêu những lỗi lầm về chính sách của Đảng, đề chỉ trích và tranh đấu đòi tự-do dân chủ.

Đặc san ra đời, được kỳ sửa sai, như cờ gặp gió. Nhóm chính trị gia, văn gia bất mãn, do một bàn tay bí mật điều

khiến, liền phát động một phong trào rộng lớn hơn, bằng cách dùng tâm-lý-chiến, sách động nhân dân « *xuống đường làm đảo chánh* », với mục đích đánh đổ ảnh Trung-cộng nghiêng hẳn về Nga-sô hay Tito. Nhóm này thoát đầu bắt nguồn từ nhà Minh-Đức Trần-Thiếu-Bảo, đường Phan-Bội-Châu, do chính Trần-Thiếu-Bảo và Nguyễn-Hữu-Đang khởi xướng. Nguyễn-Hữu-Đang là cựu Bộ-trưởng Thanh-niên Việt-Minh năm 1945, không vợ con, sống độc thân trên lầu hai nhà Thiếu-Bảo. Còn Minh-Đức Trần-Thiếu-Bảo là tay con buôn văn-nghệ, nổi tiếng Mạnh-Thường-Quân suốt trong thời gian kháng-chiến, cũng như sau này, khi trở về thủ-đô Hà-Nội.

Bề mặt thì như vậy, nhưng bề trong, nghe có bàn tay bí-mật chỉ-huy. Đó là Nguyễn-Phúc-Loan, y-khoa bác-sĩ mới ra trường ở Moscou về. Rất có thể anh ta là mật vụ Nga-sô đã được nhóm Hồ-Chí-Minh—Võ-Nguyên-Giáp đồng tình.

Bọn Thiếu-Bảo, Hữu-Đang cho triệu tập văn nghệ-sĩ tại hàng bánh ngọt Bodéga phố Tràng-tiền do một Ấn-kiểu quản lý cho Pháp. Hôm họp, vô tình tôi có vào nhà hàng, được trông thấy nhiều mặt quen thuộc, và anh chị em văn-nghệ sĩ kêu gọi, trong đó có nữ-sĩ Thụy-An. Nhưng vì lầm tưởng là đám cưới, tôi đã bỏ chạy.

Số họp quăng 200 người, ước lượng chi tiêu nửa triệu (quăng 20.000 đ. tiền miền Nam). Đó là một số tiền rất lớn, một tài sản, mà không cá nhân nào dám bỏ ra để thù tạc, nếu không có một mục đích tương xứng.

Sau mới rõ, đó là lúc khởi đầu của ngày thành lập nhóm Nhân văn.

Trong buổi họp này, có bầu ô. Phan-Khôi làm thủ lĩnh, nhưng ông này đang hướng dẫn phái đoàn sang hội ở Bắc-Kinh trong một dịp thân hữu gì đó. Bởi ông Phan-Khôi là chủ tịch Hội Việt - Hoa thân hữu.

Như vậy, ô. Phan-Khôi đã tham-gia vào *Nhân-Văn Giai Phẩm* ngoài ý định của ông, rất có thể hết như thời Văn-thân năm 1916 : người ta đã căn cứ vào vô ngoài « *văn hào tiền bối* » cũng như xưa kia căn cứ vào vị trí « *danh nho* » của ông trong tỉnh vậy. Rất có thể vì một thâm ý mà người ta đặt ông vào địa vị này (ông là chủ-tịch hội Việt-hoa hữu nghị, vậy đề ông làm thủ lĩnh phong-trào đã Trung-cộng, thì thật là kỳ thú).

Phong trào gồm các nhân vật sau này :

1) *lý thuyết gia* : Luật-sư Nguyễn-mạnh - Tường (*đảng Dân Chủ của Dương-Đức-Kiến*).

— Giáo sư thạc sĩ Trần-Đức-Thảo (*Cộng-sản*).

— Giáo sư Đại-học Trương-tửu (*Cộng sản đệ tứ*.)

— Giáo sư Nguyễn-Hữu-Đang (*cộng sản*).

— Sử-gia Đào-Duy-Anh (*đảng xã-hội của Phan-Tử-Nghĩa*).

2) *văn nghệ sĩ* : (*Quân đội*) Trần-Dần, Trần-Duy, Phùng-Quán, Tạ-Hữu-Thiện, Quang-Dũng, Phùng (?), Hoàng-Cầm, họa sĩ Sĩ-Ngọc.

— (Tự do) Hữu-Loan, Lê-Đại-Thanh, Nguyễn-Bính, nữ sĩ Thụy-An, Phan-Khôi kịch sĩ Phan-Tại, Chu-Ngọc...

Qua các thành phần trên, ta thấy nòng cốt là nhân vật cao cấp các đảng thiên Cộng, danh vị cỡ quốc-tể, và văn nghệ-sĩ trong quân đội.

Như vậy, mục-tiêu tranh đấu của họ, tuy chống Đảng mà vì Đảng, đâu phải đơn thuần chống Cộng.

Họ hẳn phải dựa vào một thực lực nào mạnh mẽ, mới dám công khai phát động phong trào, đâu có phải « khảng khái chiến đấu để mua lấy cái nhục, cái khổ, cái chết... » như chúng ta từng ý niệm về họ.

Thực lực đây chính là quân đội của Võ-Nguyên-Giáp, và hậu thuẫn Nga-sô vậy.

b) Mục tiêu nổi, mục tiêu chìm của Nhóm Nhân văn Giai phẩm :

Lẽ dĩ nhiên mục tiêu nổi là tranh đấu cho tự do dân chủ. Đối tượng là Đảng

Văn nghệ sĩ sẽ khai thác đề tài trong các lỗi lầm của Đảng, nhất là trong địa hạt khủng bố trắng qua Cải cách ruộng đất, qua các thói nát của cán bộ, qua tổ chức sơ hở của công quyền...

Còn mục tiêu chính nằm trong chính trị, chắc chắn chỉ rỉ tai mấy lý-thuyết gia, đủ tài năng... không cần phổ biến rộng rãi.

Do đó, quay về việc ô. Phan-Khôi, ta có thể kết luận ông chỉ là thủ lĩnh bù nhìn chưa chắc đã rõ lập trường chính của Nhóm.

Khi thành lập xong Nhân-văn thì sáp nhập luôn Giai phẩm của sinh-viên, lúc

ấy được tăng cường thêm bằng Giai phẩm mùa Đông. Bởi vậy gọi chung là Phong trào Nhân-văn Giai phẩm Nội dung Nhân-văn chia làm hai phần : lý-thuyết và văn-nghệ : Lý thuyết do các trí thức, chính-trị-gia phụ trách, còn văn nghệ do văn-nghệ sĩ, trong đó có ông Phan-Khôi.

3.— Thành tích của ông Phan-Khôi trong phong trào Nhân-văn Giai-phẩm

Trong Nhân-Văn, ô. Phan-Khôi viết hai bài, một bài đầu đề ông Bình vôi, một bài đầu đề : Ông Năm chuột.

Trong Giai-phẩm Mùa Thu ông Phan-Khôi viết một bài : Phê bình lãnh đạo văn nghệ.

Trong Giai phẩm Mùa Đông, một bài đầu đề : Tìm ưu điểm.

Cộng tất cả 4 bài. Mục tiêu chống đối của ông nhằm cái gì và đối tượng của ông là ai ?

Nếu không phân tách rõ ràng, thì làm sao mà định đoạt được giá trị, thành tích, đồng thời sẽ ngộ nhận như hai nhà văn Hồng-Tiêu và Mạnh-Côn đã nêu trên báo Văn.

Thiết nghĩ nên nhắc lại rằng, khi ông viết trong Giai-Phẩm mùa Thu, bài « Phê bình lãnh đạo Văn nghệ », lúc ấy chưa có phong trào Nhân văn như đã nói trên Ông đứng trên cương vị một văn-nghệ-sĩ viết bài cho báo Văn học. Bạn Mạnh-Côn đã viết như sau : *Bài báo cho ta thấy, dù đã nhiều tuổi. Cụ còn giữ được giọng văn rất chặt và lý luận rất chắc, (Tr, 184).* Theo tôi, bài văn ấy

rất yếu. Vì nó đứng trên lĩnh vực một kẻ dưới phê bình cấp trên, đầy vẻ tự ti. Đó là lời phân trần, đề trình bày một sự mâu thuẫn đã phát sinh, nhân vụ chấm thi văn phẩm, mà ô. Phan-Khôi là phúc-khảo-viên, còn bọn lãnh đạo văn nghệ kia là chủ khảo. Lẽ tất nhiên, lý lẽ nài ra phải là như vậy, nhưng cái văn khí, phải khách quan, điềm đạm mới đúng, không thể dùng giọng văn hằn học, bất mãn, bộc lộ mặc cảm tự ty. Nhất là tuổi đã cao, phải tự đặt địa vị bậc thầy, không thể cục mịch như thế được.

Bài « Tìm Ưu điểm » như sau :

Cóc vốn sù sì, xấu xa, ghê tởm mọi người. Vậy mà là cậu ông Trời, ai cũng e dè. Khi lên Thiên đình, các loài nhái ếch ương cùng Cóc dự thi xem ai tài, ai đẹp. Trước mặt Thượng-Đế, ai cũng khen Cóc nhất. Tuy nhiên, chúng sì sào với nhau : Cóc tởm quá chẳng rõ ưu điểm ở chỗ nào ?

Bài này đề ám chỉ bọn Lãnh đạo văn nghệ, cũng như bài Ông Bình vôi dưới đây :

Ở quê nhà xứ Quảng, có tục đem vôi cho đầy miệng bình và giữ gìn cho khỏi đổ (kiêng sợ sùi). Khi bình dùng lâu, lở lói, không dám vứt đi. Mang đi ra gốc đa, buộc lưng lẳng vào các rễ nòi, nhiều quá đeo hình thù quái gở như những đầu lâu. Người ta sợ, tôn lên là ông nên gọi Ông bình vôi, và được thờ phượng năm sỏi quả chuối.

Bình vôi tưởng mình giá trị, biết đâu thực chất vô giá trị, hơn nữa... « càng già càng tồi »...

Bài văn cốt cán, là bài « Ông Năm Chuột ». mà bạn Mạnh Côn không ngớt lời ca tụng, là có công dụng chống Cộng sâu xa, có ý định sách động quần chúng nổi loạn, truyền tiếp tư tưởng tự cường cho người vô sản làm cho Việt cộng nhận thấy là nguy hiểm, đến nỗi không biết làm gì khác hơn là bao vây kinh tế tác giả cho mỗi mòn mà chết. (Văn tr 186).

« Ông Năm Chuột » là bài tường thuật (récit), kể lại một câu truyện, trong đó tác giả đóng vai phụ.

Nội dung bài ấy như sau :

« Tác giả là dòng dõi danh gia thế phiệt, cha là Quan Nghè, anh là quan Nghè..., bản thân là Cậu Ấm, tú tài, tức địa vị cao sang. Vậy mà kết giao với một anh thợ bạc, tha phương không rõ từ đâu đến cư ngụ nhờ đất làng. Ai cũng khinh anh ta. Tú Khôi thương hại lân la, làm quen. Được biết y tên Năm Chuột, rất giỏi nghề thợ bạc. Lại nghe như có học vấn uyên bác, mà y còn dẫu.

Cảm tình tri ngộ (doái cổ của bậc công tử cao sang tới đám cỏ hèn, Năm Chuột thường tri kỷ với Tú, nhiều khi có những triết lý kiêu kỳ. Đại để, đương sự là kẻ vô liêm (cynique), nhiều bản lãnh. Một lần ăn cắp vàng của một khách hàng vốn là vợ lẽ yêu của một viên Đại thần. Sự ăn cắp rất tế nhị, vì đương sự đã vờ hỏi xem mẫu chiếc kiềng cũ (vàng thật), để làm chiếc kiềng mới, đã dùng một thủ đoạn là lột tay bằng 1 vuông nhiễu điều, ra điều trịnh trọng tránh sự va chạm của bàn tay hèn với bàn tay ngà ngọc, kỳ tình phía dưới đã che một chiếc kiềng giả làm

đúng mẫu y như hệt, chỉ khác là vàng giả. Khi đưa lại, đã lật ngược tay, chiếc kiềng thật đã tráo xong, ăn cắp không thể nghi ngờ...»

Bạn Côn có lẽ vì chỉ nghiên cứu khía cạnh chống đối của tác giả Phan - Khôi, nên liên tưởng rằng Đảng, là đối tượng của ông Năm Chuột là phương tiện, việc ăn cắp là ý thức hệ truyền cho nông dân lao động v. v... Không phải như vậy, ông Phan-Khôi không từng chống Cộng, chống Đảng, ông chỉ chống mấy cá nhân lãnh đạo văn nghệ.

Tức là đối tượng của ông không phải "Đảng", mà chỉ là bọn cán bộ Tổ-Hữu, Xuân-Diệu, Huy-Tường... mà ông đang hăm hực bị chúng chèn ép, trong vụ chấm giải văn chương đầu năm 1957. Mục tiêu của ông nhằm hạ bệ bọn lãnh đạo văn nghệ này, để thỏa mãn cá tính, một vấn đề sĩ diện. Mặt khác, ông cũng muốn đòi Văn nghệ trả về cho văn nghệ sĩ, với đề tài rộng rãi, sáng tác tự do... Thiết tưởng nên ghi thêm, trong thời gian từ trước đến khi Sửa Sai, tại miền Bắc không có chế độ kiểm duyệt, nhưng ngược lại các tác phẩm muốn xuất bản, phải được Văn Hóa Vụ cấp bông mua giấy. Muốn như vậy, tác phẩm phải trình đề nghiên cứu nội dung, có nơi nào vấp, cán bộ Văn hóa Vụ cho mời tác giả tới thảo luận, đề sửa chữa, theo đường lối Đảng. Sau đó được cấp bông mua giấy. Khi in xong, nếu vẫn bị coi là hồng (cũng có thể lúc ấy có biến chuyển gì làm cho sự phát hành chưa thuận tiện) tác phẩm vẫn bị thu, rất hại cho tác giả hay nhà xuất bản). Vì vậy,

sau đó ít lâu, họ chia văn-nghệ-sĩ ra thành nhóm, thí-dụ «Nhóm Hà-nội» do Lan-Sơn là Trưởng-Nhóm. Rồi lại chia ra từng tiểu ban, tiểu-tổ, luôn luôn hội-thảo, đi lần đến sáng-tác tập-thể. Và như vậy, đề tài thường do Văn-hóa-Vụ ra cho, và theo dõi sáng-tác. Văn-nghệ-sĩ cảm thấy mất tự do, nặng nề, bắt buộc, ngược với tâm hồn vốn nghệ-sĩ của mình.

Bởi thế, văn-nghệ-sĩ muốn thoát ly cảnh ấy, và đòi Văn-nghệ trả về cho văn - nghệ - sĩ, theo như nguyên - tắc «Ruộng đất trả về cho người có cày.»

Tất cả điều ô. Phan-Khôi muốn nói với Đảng, chỉ là câu này, lấy ngay lời ô. Năm Chuột nói với vai phụ Phan-Khôi :

— *Tui không nói chuyện văn chương với Thầy, cũng như Thầy đừng nói chuyện Thọ-bạc với tui.*

Đó, không khác gì một họa-sĩ tây-phương đã bảo anh thợ giầy khi phê bình tranh của ông ta : Chỉ cái chân thôi đấy nhé, đừng lên quá cái chân !

Như vậy, qua các bài Ô. Bình-với, Tìm ưu-điểm (chê-bai đả-kích bọn lãnh-đạo văn-nghệ) — bài Phê-bình lãnh-đạo văn-nghệ, (phân-trần, tranh-luận với chúng) — bài ô. Năm Chuột (đòi hỏi Đảng một đặc ân hợp lý) không thấy gì chứng tỏ đương sự đứng trên lãnh-vực đối đầu, kẻ địch, để dám chống lại Đảng, chống Cộng như đã nêu trên báo Văn.

Trong khi toàn thể thành phần Nhóm Nhân-Văn Giai-Phẩm chống Đảng, đòi

tự do dân chủ cho Nhân dân, hoàn toàn vị tha, thì riêng ô. Phan-Khôi chỉ nghĩ đến « cái ta », tranh đấu vì bất mãn cá nhân, và đối tượng là cán-bộ. Như vậy, mục tiêu của ông rất nhỏ. trách-nhiệm của ông rất bé, sự đương đầu dứt khoát coi như không có.

Tưởng cũng nên biết thêm, ông có hai con ở Hà-nội, một người làm Công-an cao cấp (cỡ Giám Đốc), một người làm giáo-sư. Ông lại được hưởng lương lão-phụ (120.000đ. mỗi tháng) có căn-vụ là chính vợ mình (lương 26.000đ.), cộng hai thứ tiền đó bằng 4.000đ. tiền ta. Ô. Vi-Văn-Định, cựu Tổng-Đốc Hà đông, năm 1957, khi đến hỏi thuê nhà đã cho tôi biết riêng có ông và ô. Phan-Khôi được coi là bậc lão-phụ, bạn với ô Hồ, nên được đặc ân hưởng lương ngang lương ô. Hồ, đủ đủ khả năng theo kháng-chiến, kể từ ngày ở bụng, và vẫn được giữ nguyên hiện trạng khi về thủ đô).

Như vậy, không có lý do gì để ô. Phan-Khôi chống Đảng, chống Cộng. Có thể nói, chính ông nghiêng về Cộng nữa, hơn cả người con giáo-sư, qua câu này, ông đã mắng y, khi y cũng chê bai Đảng :

— *Mày chỉ được cái bôi đen chế-độ !
Người con cười lớn : Nhưng bố ơi
chế độ đã như cái dít nổi rang rồi, còn
chỗ nào mà bôi nữa ?*

Không ai ở Hà-nội mà không rõ câu chuyện đó.

Ngoài Nhân-Văn, ô. Phan-Khôi còn viết lai rai trên các tuần báo Văn-ngệ tại Hà-nội, những thơ hoài cảm, đại loại như sau :

*... Nắng chiều còn chạng vạng
Nắng được vẫn cứ nắng !*

(Thơ Nắng chiều) tự hào tuy già nhưng còn kèn.

*... Hoa hường mặt cứ gai
(thơ : Hoa hường) : buồn.*

*... Chết trong tre cũng đủ
(thơ : Anh bán tre) : quân-tử.*

Tất cả đều chứa chất sự tự phụ, tiêu cực, bất mãn, đề cao « cái ta » vốn vô nghĩa trên lãnh-vực chiến đấu, vì vô hại... Do đó, ông đã tự phản bội khi đứng trong hàng ngũ nhóm Nhân-Văn Giai-Phẩm. Sự đóng góp của ông vào Nhân-Văn chỉ với mục-đích « có mặt » đủ già, đủ trẻ, để lấy thành-phần cho Nhóm, gây một tinh-thần hậu-thuần cho chính-trị, thế thôi, mặc dù ông là nhược điểm đề sau này, phe địch được lệnh phản công, chỉ còn trông thấy mỗi nơi ông là sơ hở, đã chia thẳng mũi dùi, đập thẳng, khỏi cần trá nguy văn-ngệ.

Tú Mỡ, nhân kỳ ông tự hoài mừng thượng thọ, đã họa thơ như sau :

— *Dở dối gì bay hỡi Tú Khôi
Thọ mi mi chúc, chờ gì ai ?
Sống lâu thêm uổng cơm trời đã
Chết quách cho xong khỏi nợ đời.*

Thật là phũ phàng. Cũng bởi ngoài đời, tính ông hay chơi nước thượng và hay nổi sùng, coi thường thể-nhân nên ít ai ưa. Người ta đã không ưa ông, lại thêm trên địa hạt văn-học, ông đã mất thế trong giới văn-ngệ-sĩ, vì ít sáng tác, tư tưởng không hợp trào lưu, anh em văn-ngệ-sĩ chỉ coi ông như bậc tiền-bối đáng mến (đồng-nghiep), và đáng thương (do lạc lõng từ thừa hồng hoang) dùng làm mục-tiêu để khuấy chọc, cho thỏa cơn sâu thế-hệ (!). Họ quên đi cho bao lỗi lầm, nhưng trong thâm tâm xếp vào loại đồ cổ đã đi vào phế thải kể từ ngày chiến-tranh Việt-Pháp. Chẳng ai nỡ làm chi, đâu phải như hai tác-giả Hồng-Tiêu và Nguyễn-Mạnh-Côn đã lầm tưởng, ông bị "bao vây kinh-tế đến mòn mỏi mà chết", hay "gặp nhiều gian lao nguy-hiêm..."

Chinh ông cũng biết vậy, nên đã viết 4 câu thơ bất tận dưới đây :

*Làm sao, cũng chẳng làm sao
Nếu có thể nào cũng chẳng làm chi
Làm chi cũng chẳng làm chi
Nếu có làm gì cũng chẳng làm sao...*

Bài cũng đã dài, thiết nghĩ về tâm lý ông, vốn không liên hệ nhiều đến bài này, xin để dành lại cho những ai có thẩm quyền nghiên cứu.

Tôi chỉ muốn trình bày trung-thực vấn đề Nhân-Văn Giai-phẩm mà tôi là nhân chứng, lương tâm bắt tôi phải lên tiếng trước một nghi-vấn đã nêu ra, mà ở đây e rằng ít người giải nổi. Ngoài kia, có thể vì một lý do gì xuyên tác hay im lặng, thời gian sẽ phủ dần một màn u-tối ; biết ai sẽ phân trình cùng Hậu-thế và cho Văn, Sử học ?

Tết Ất-Tỵ (1965)

TRÚC-SĨ

Đã phát-hành :

VÒNG THỜI GIAN

- thơ Phở Đức • Đinh Hùng vào đề • Vũ Hoàng Chương cảm đề
- Nguyễn Hiền phở nhạc • Duy Thanh bìa và minh họa • phụ bản
- Hoàng Hương Trang và Phạm Kim Khải •

NHÂN CHỨNG XUẤT BẢN

Những hình ảnh khó quên

Sáng hôm ấy, Sài-gòn trời trở lạnh
Đài loan tin bão rớt tự đêm qua
Gió vẫn thổi, mưa đều đều không tạnh
Người nhìn trời rét mướt ngại xông pha

Trường mở cửa, giờ đầu, thầy Hiệu trưởng
Giọng buồn buồn thầy nói : các em ơi
Đồng bào ta ngoài Trung lâm thảm nạn
Mười tỉnh đau thương, chết mấy ngàn người

Kẻ còn sống hiện không nhà không cửa
Không áo che thân run rẩy ngày đêm
Bao trẻ nhỏ không chiếu, mền, cơm, sữa
Nghĩa đồng bào, thầy kêu gọi các em...

Cả mấy lớp, học sinh đều huyên náo
Cùng đứng lên, vét túi góp tiền quà
Cởi áo rét dồn lên bàn thầy giáo
Cứu đồng bào đau khổ ở phương xa

Nhìn các em, thầy rưng rưng nước mắt
Lần đầu tiên thầy thấy các em sầu
Phút thương cảm, từ hai miền xa lắc
Bầy chim non nước Việt đến gần nhau.

Vị hòa thượng tay run lần chuỗi hạt
Áo cà sa đang khoác, cởi trao đi
Mình trần trụi như kim thân bồ tát
Chia lạnh cùng một cõi chịu gian nguy.

Ông cụ già nhiều con mà ít của
Dắt hai con giao chính phủ, yêu cầu :
— Xin xử dụng cả nhân công hai đứa
Giúp đồng bào ngoài ấy lắm thương đau.

Những bà mẹ như mọi ngày tới chợ
Bỗng ghen ngào vì tin dữ Miền Trung
Gom hết tiền bỏ vào thùng cứu trợ
Lệ chan hòa, xách giỏ trở về không.

Những bác xích lô, những cô làm mướn,
Những chị hàng rong khuya sớm tảo tần
Khác nghề nghiệp nhưng tình chung một hướng
Chung một lời : chị ngã có em nâng.

Anh ký giả gửi lòng lên mặt báo
Người ăn công xúc động sắp sai giòng
Những thi nhân khóc Miền-Trung-lụt-bão
Gác trọ nghèo thao thức ngọn đèn chong...

Kề sao hết bao nhiêu hình ảnh khác
Góp thương về xứ sở chịu lắm than
Miền Trung ơi ! mảnh quê nghèo xơ xác
Nhận tình người theo với nắng Xuân sang

Saigon 1965

TƯỜNG-LINH

Thanh - Tâm - Tuyển

TRUYỆN DÀI

(khởi đăng từ BK 193)

CÁT LÁY

PHẦN THỨ HAI

2 | Tôi biết những gì về tình yêu ? Tôi vẫn tự hỏi. Phải chăng không thể có được tình yêu, tình yêu, tình yêu đích thực, ít nhất là trong hiện tại, nơi tôi. Mà thế nào là tình yêu, đích thực ? Tôi không rõ, không sao tư trả lời. Tôi chỉ biết với mình điều mọi người gọi là tình yêu chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng nghèo túng, một thế giới ảo tưởng của những kẻ lừa gạt lẫn nhau trong một trò chơi kiêu bực mắt bắt dê, trốn chạy cuộc phiêu nản hằng ngày. Người tham dự che mắt, mò mẫm, sờ soạng, rượt bắt nhau, vấp ngã brou đầu sứt trán trong khi chính mình bất cứ lúc nào cũng có thể ngừng lại giựt tung tấm khăn bị mắt. Tôi không hiểu nổi sức mạnh say đắm thách đố cái chết của một mối tình bền bỉ, vĩ đại, hóa kiếp những kẻ tình nhân thành thần tượng không già, không sụp trước sức tàn phá của các giới hạn. Yêu nhau một đời, yêu nhau một kiếp, yêu nhau đời đời kiếp kiếp, tôi chẳng sao quan niệm nổi. Đối với tôi, tình yêu phát hiện như nổi bất lực thê thảm, như một dây vò ác độc, những hốt hoảng tủi thân của một bản ngã phân ly. Tình yêu đối với tôi là câu chuyện cổ tích được nghe lại khi lớn, bị lột hết sức huyền hoặc nhiệm mầu.

Khi tỉnh tự cùng Diệp, ghì nằng trong ngực, tôi nghe tôi phân hoá chói với như một cỏi hư vô giả dối. Tôi cần Diệp đó nhưng tôi đứng ngoài mối tình của nằng trao tặng. Không phải vì Thuận và Hiệp, trước cả lúc xuất hiện của hai người trong cuộc tình chúng tôi nữa. Tôi bảo Diệp : « Rồi một ngày chúng mình không còn muốn nhìn mặt nhau nữa. Lỗi chẳng phải ở ai. Sự thế nó như thế » « Tại sao thế anh ? Suốt đời em chỉ yêu mình anh » « Không phải. » « Anh không yêu em » « Anh không thể diễn được điều anh định nói » « Anh coi thường em. Đề em lấy chồng anh coi » Chúng tôi không nói chung một thứ ngôn ngữ. Lúc ấy tôi tự rửa : có sao mà không si mê như mọi người ? Cái gì giữa mà lại nơi ngưỡng cửa tình yêu ? Nhưng có thật chẳng, bước tới là vào một thế giới hiện hữu hay chỉ rớt xuống lòng vực không đáy ? Anh yêu em, anh yêu em. Tôi nói nhưng chẳng tin, trong tim tôi quay cuồng vực trống, nỗi cô độc hút sâu. Có lẽ tôi không biết lỗi, người khác từ bước tới nay vẫn tới được kia...

Vậy mà tôi đã cùng tự tử với Diệp. Tôi tìm đến cái chết nửa thức nửa ngủ như người mê hoảng. Một cơn bệnh mộng du. Tôi chẳng còn hiểu gì được nữa. Trong vài thời khắc quý báu, tôi như kề cận với tình yêu : những khi xuất hiện bóng dáng cỏi chết. Nhưng có thật tình yêu ở nơi đó chẳng ? Bị dắt đến thế ư ? khuôn mặt tình yêu chính là khuôn mặt của cái chết ? Tôi yêu Diệp, yêu Thuận hay yêu những nỗi chết ? Chẳng bao giờ tôi tự trả lời được với mình. Thật tình luôn luôn, tôi lượn xung quanh những ngày ấy như một hồn ma không xác nhập, tôi chẳng tình vào tình yêu chút nào.

Tôi nhớ lúc mới được Diệp yêu, tôi đã viết cho nằng một bức thư. Đêm đó tôi không ngủ. Nhà trọ chỉ còn mình tôi ở lại, hai tên cùng ở đã về dưới Lục tỉnh từ trưa thứ bảy và tới tối chủ nhật mới lên. Tự dưng tôi không muốn về thăm nhà, không muốn gặp Diệp. Diệp và tôi tuần trước gây lộn vì một cơ nhỏ nhặt không đâu, chúng tôi chỉ mới hẹn nhau hai ba lần gì đó. Tôi dạo phố buổi chiều một mình ngoài Saigon. Từ chín giờ tối mưa lớn, tôi không thể đi đâu cũng không thể làm việc. Ngoài nửa đêm, tôi ngồi viết thư xin lỗi Diệp. Xong tôi ra đứng ở ban công nhìn phố khuya. Rạp cải lương tối tăm buồn bã. Nhà ga tối thui với những toa than im lìm. Bến xe dơ rác rưởi trống trải. Cây xăng đèn sáng đầu ngã Sáu với gương kin và xi măng nhẵn trơn. Máy phố xa, đèn hiệu nê ông nhấp nháy. Mưa lại đổ xuống, tôi quay vô đóng hắt cửa phòng vẫn không ngủ nổi. Tôi đọc lại bức thư đã viết, xé bỏ. Tôi viết lại, lần này là một lá thư khác hẳn. Tôi viết vội vã, nóng nảy, xuất thần không kịp để cho ý nghĩ hiện hết. Tôi viết không dám nhìn lại những dòng trên với một cơn thịnh nộ ầm ỉ trong đầu như mưa xối ngoài đường. Lá thư dài, không gạch xóa, như lời kêu cứu thất thanh trong đêm khuya, làm tôi mệt nhừ, đau đớn trong ngực. Tôi viết những gì ngay lúc ấy, tôi cũng không nhớ hết. Chỉ mường tượng như một sự thúc hối mãnh liệt đang khuấy đục thần trí. Viết xong tôi nằm vật xuống ghế vải, thở rốc như một con thú bị thương, thấy thân mình trần trướng lạnh giá mà mồ hôi nhơm nhớp. Một hồi lâu tỉnh lại, tôi chỉ mặc chiếc

quần xà lỏn, lén xuống nhà mở cửa như tên ăn trộm băng qua con đường trơn ướt đã tạnh ném vội phong thư vào thùng bưu điện. Tôi sợ mai sớm thức dậy tôi không còn can đảm gửi đi.

Từ sau gặp lại Diệp, nàng ngó tôi bằng cặp mắt khiếp hãi. Còn tôi tự nhiên bình tĩnh. Tôi không nhớ một chút gì tôi đã viết trong lá thư. Diệp bảo : « Anh khủng hã ? ». Tôi cười ngất : « Không. Lúc ấy anh yêu em có thể giết chết ngay tức khắc nếu em ở đó. Xúc động của Diệp vì lá thư tay ngay. Diệp coi thường, Tôi chỉ còn nhớ tôi đã gửi lời cầu cứu đến Diệp và nàng không đáp ứng. Không khi nào tôi còn viết một chữ nào cho nàng nữa. Diệp không hiểu tôi, trước mắt nàng, tôi chỉ là đứa con trai kỳ khôi nhiều lúc làm nàng kinh hãi. Như vậy tại sao Diệp lại yêu tôi ? Tại sao ?

Diệp. Người tình trong cuộc phiêu lưu ngoài hạnh phúc. Diệp như ảo giác thuần khiết trinh trắng tôi xua đuổi. Bóng dáng nàng thanh tú, mắt sáng và mát như thoáng trời lạ bay trên chòm cây cao buổi sáng thức giấc một mối hoang mang ; màu sắc bị tan ngay vào trong ánh ngày phiến muộn. Nụ cười sẵn sàng tỏa trên nét mặt tươi vui bừng bình một cách nhu hòa, như giòng kinh trong kinh trong chiều hè giữa hàng dừa vàng như nắng. Diệp, trước sau vẫn chỉ là một ám ảnh quanh co không thành mộng.

Năm gặp nhau, Diệp mới mười bảy, tôi hai mươi. Hai mươi tuổi vào lúc tiếng súng im, đó cũng là mắt của định mệnh. Trong niềm phấn khởi của người xung quanh, tôi và chúng bạn nói với nhau : « Chúng ta phải kiến tạo lịch sử... ». Những đứa học trò mới lớn biết những gì về lịch sử ? Chúng tôi say mê những danh từ lớn : Cách mạng, Lịch Sử, Dân tộc, Xã Hội, nhân loại mai sau... Mỗi danh từ là tiếng kêu của một thế giới mới, một miền đất ngoài khơi. Hãy thức dậy, đi xa, đi thật xa ngoài quá khứ, ngoài hạnh phúc ngoài cuộc sống thường nhật. Lịch sử ở trong tay chúng tôi, ngày mai đang ca hát ngoài kia. Hai mươi tuổi và cuồng nhiệt khác vọng. Thời gian chật hẹp, sâu đục của giòng hiện hữu cụ thể tan nhòa, người ta được đẩy lên vùng biến động tuyệt đối — Tuyệt đối và đơn giản, Cả cuộc đời này rút gọn vào vài ý niệm — Trời cao rộng ngừng nhìn gần gũi như tương lai — Minh chính là một giấc mộng, mỗi nhịp thở đều cuốn lấy như một sợi ràng buộc với lý tưởng — Nỗi cô độc kiêu hãnh làm ngậy ngất xây xăm mây chặt — Chúng tôi chưa biết gì, nhưng chúng tôi đã trông suốt sự vật, chúng tôi nắm chắc được chân lý. Bây giờ tôi không hối tiếc, tôi chỉ tuyệt vọng. Một lần Hiệp nói : « Nhìn cậu tôi thấy lại tôi mười năm về trước. Giống hệt như vậy. Không ai giác ngộ nỗi cho mình, trừ mình ra — Cậu hiểu tại sao tôi tránh tranh luận với cậu — Cậu đang ở cái giai đoạn văn chương nghĩa là tin nhiệm vào hiệu lực, khả năng của ngôn ngữ. Tôi đã trải qua rồi. »

Diệp và tôi gặp nhau trong bót Catinat, trước đó tuy cùng ở một tỉnh chúng tôi không biết nhau. Diệp cũng bị bắt cùng một toán học sinh khác mưu tính ra khu tập kết.

Nhà giam không mái tường cao ngất. Đang trong mùa mưa, mưa rỉ rả suốt đêm, trời xám ngoét. Trên xa ngôi nhà lâu năm từng vài khung cửa sổ lớn mở không. Đâu đó ánh điện ảm. tiếng nói, âm nhạc, tiếng động thanh tao ảm trong phòng. Bốn ngọn đèn chụp thiếc trong bốn góc là những con mắt thức trắng soi mói. Sự nín lặng lúc nhúc. Cả hơn trăm người nằm ngồi dựa dẫm, lờn nhón, phơi trần trên nền trắng xi măng lẹp nhẹp. Bên kia hàng chấn song chạy suốt một mặt, hành lang vàng khé, Diệp nổi hiện như một vết trắng muốt trong giấc ngủ vỡ vụn. Sự thúc đẩy, chèn ép dành một chỗ, mùi hôi hám ảm ướt đặc sệt. Những cơ nác mộng không thành hình của mình và của người khác. Bảy giờ là nỗi cô đơn cùng khốn trong đông đảo đến độ kinh khiếp đồng loại, không còn sự chia xớt san sẻ với nhau. Đồng loại bao vây như tấm gương soi nguyên rủa.

Người thiếu nữ bận bà ba trắng, tóc còn xõa, dựa vào tường, mắt nhắm hai chân duỗi thẳng. Chân mặt của nàng tra trong một vòng sắt của cái cùm công cộng thanh sắt dài với những vòng khóa ôm vừa cổ chân. Diệp ngồi giữa hai người đàn bà có mang gần tháng đẻ, mệt mỏi, tiểu tiện. Bàn chân nhỏ của nàng còn màu hồng lâu lâu ngọ nguậy. Nửa tháng liền, nằm sát bên hàng song, má áp lên nền nhám cứng, đầu gối co che ngực, tôi hé mắt nhìn vào người thiếu nữ không quen. Mái tóc như những ngọn gió mát, đường trán như lối dẫn về đồng cỏ. Cặp môi ngậm kín mơ mộng những lời êm ái tưởng tượng. Mặt Diệp như bản khắc trên gỗ, lững lờ như mơ ước. Tôi nhìn vào Diệp mỗi lần bị giật khỏi giấc ngủ và thực tại như một đám khói mù ngột thở. Trong cái thế giới bị chà đạp, dày xéo, tàn nhẫn, cái thế giới khốn nạn, hình bóng đàn bà yếu đuối nhập vào Diệp, như một bàn tay vẫy gọi tận chốn xa. Không bao giờ tới được, ngày từ buổi đầu tiên đã như vậy. Người thiếu nữ không quen, được ở trong hành lang tránh mưa nắng, đặc ân dành cho đàn bà sắp sinh nở và những kẻ gia đình thế lực. Tôi nằm giữ trời lẫn lộn giữa một bầu rách rưới hôi thối. Cùng thân phận nhưng vẫn chia cách, chúng tôi gặp nhau.

Ban ngày tôi bị xô lẫn dời lúc chỗ nào không hay, quanh hết góc này sang góc khác. Mưa nắng thay phiên dội xuống. Mặt mũi, tay chân chắt nặng cơn sốt ngấm bần thiêu. Thị giác tê mỏi vì bị chấn áp bởi các hình thù quái đản của các phần thân người. Cuộc đẩy dọ hủy phá nhân dạng. Những mặt nạ bằng thịt xương tong teo tro tro những vết khắc sâu chết của sợ hãi, bệnh hoạn, đau đớn. Những thân hình tả tơi, ghẻ lở, thương tích. Những cử động rối nùi. Hằng trăm ngày trong khoảng vuông, mỗi bề mười mười lăm thước, chồm hồm xếp hàng vào giờ cơm. Cơm đựng trong cang xể, thức ăn trong thùng, kéo lết trên đất. Áo mặc trên người được cời, túm lấy bốn góc hứng cơm. Những mảnh giấy, lá chuối khô, ống lon méo mó, đựng đồ ăn. Một vài miếng khô hoặc nước canh đen lờm lờm. Tên chà lai cầm roi bò canh trật tự. Mỗi bận hẳn nhào tới, những hàng phía trên nghiêng rạt sang hai bên xếp lớp nhường lối cho ngọn roi quất xuống tới hàng chót. Trên má tôi còn giữ vết sẹo trắng của ngọn roi hút lấy mặt như có điện. Sau giờ cơm đến giờ chùi rửa cầu tiêu đặt trong mấy kẻ ngạch hẹp đục trong

tường. Đám tù bị lửa rạt, đun cục trong các góc. Nước xối chảy lênh láng, phần nồm lẩn rồi bọt. Công việc chùi rửa xong người ta xô đầy túa chạy dành chiếm cái ngách trước chuồng tiêu. Thời trước nữa, người ta phải đứng chôn chân, ăn ngủ tiêu tiện tại chỗ, phân và nước tiêu ngập tới mắt cá.

Đêm đêm, tủi nhục hiện hình trong giấc ngủ ngồn ngang. Bệnh bốc lên ở khắp cả. Con mê sảng kêu ré, không rõ của ai. Tôi nằm trong cơn sốt trơ vơ, u hoài. Người thiếu nữ trong hành lan sạch sẽ, thơm mát, gia đình Diệp tiếp tế cho nàng đầy đủ. Diệp ở cao trên tầm mắt của tôi. Cảnh ngộ bao bọc không bắt được vào người nàng, còn tôi, tôi bị bóp nghẹt. Giữa đêm tiếng kêu khô khan một cái tên được lặp lại vài ba lần cùng với song sắt bị lay động dễ đánh thức. Những tiếng vang yếu ớt trong đám tù nhắc nhở như một ám ảnh, người ta nhắc lại như nhớ xem có phải là tên mình hay không. Một người cọ quậy động cả một khoảng đảo dắc sợ hãi xung quanh. Cửa sắt mở rít loảng xoảng. Một người bước đi chập choạng qua các thân không thành hàng lối như bước qua cơn mê hồn độn. Tôi bám chặt mắt vào Diệp. Mắt nàng ngơ ngác, đen mướt như đêm, môi hé mở như muốn kêu, ngực phập phồng như cánh trời vùn vụt. Người con ở đó, bất động, lung linh như một niềm hư ảo. Những nỗi đau đớn chết điếng, ngắt xiu cùng với những hồi rên rỉ ảm ức rót vào sự nín câm sâu hút của tuyệt vọng. Một vài phút cánh cửa sắt mở, tôi tưởng mình gần hơn người con gái lạ mặt.

Diệp được gia đình lãnh về trước tôi một tháng. Nhiều buổi tôi ngó nhìn chỗ trống của người thiếu nữ và đợi, thoát tiên tôi tưởng Diệp bị dẫn đi lấy cung như mọi bận, tôi thức trọn đêm đón nàng. Khi buổi mai lên nơi khung trời vuông trên đầu và cơn mưa lưng chừng sắp rớt, hơi nước lả tả trong không trung, khuôn mặt người thiếu nữ không quen đã nhập vào trong ánh sáng tàn nát nghẹn ngào cùng ý nghĩ chia lià chết chóc. Người ta khiêng ra ngoài bước ngang mặt tôi một xác người chết vì kiệt sức hồi đêm. Sự đợi chờ căng thẳng, trùng dần hóa thành mối đoái tưởng vu vơ. Nàng biến mất ? Nàng đã chết ? Tôi không hay biết một chút gì về người thiếu nữ ấy. Có thể như thế được không ? Tên nàng, tôi muốn biết tên nàng. Nàng là một ngôi sao băng đi trong vòm đêm vô cùng tôi dựng nên trong trí tưởng. Tôi còn trơ một mình và tôi khóc. Các bạn cùng nhóm với tôi không bị giữ cùng chỗ với tôi — Tôi khóc khiến cho đứa nằm bên phải bực mình và la tôi nín. Nó nói giọng Bắc dễ nghe. Nó hỏi tại sao tôi bị bắt, tôi đáp như vắn trả lời những người xung quanh tôi muốn ra Bắc. Nó cười sảng sặc và bảo : nếu thế anh là kẻ thù của tôi, tôi mới di cư — Tôi không hiểu lý do sự có mặt của nó ở trong nhà giam. Suốt mấy ngày sau, nó và tôi chỉ thảo luận chính trị, chúng tôi chơi với nhau và không chịu nhau. Nó là Minh. — Tôi không gặp lại là Minh. Tôi vẫn mong ước một ngày nào tôi gặp được nó ngoài đời như đã gặp lại được Diệp để nhận rõ hơn về mình.

Một buổi sáng, mưa tầm tã, người ta kêu tên tôi ngoài hành lang — Giữa đám tù nhân lẩn áp chen chúc tránh mưa một cách vô ích, tôi đang bốc cơn sốt mướt mát, phải dựa vào vách tường mới đứng vững — Tôi nghe và không động — Tại

tôi ừ điếc chộn rộn, hơi thở nóng như bề lò. Mình chống hai tay vào tường lấy thân làm hàng rào che chở cho tôi khỏi bị đám đông lấn và mưa tạt. Nó đưa tay thân ái vuốt hắt những giọt nước ròng ròng trên tóc, trán, mặt mũi của tôi.

— Đừng nghĩ gì khác. Anh hãy cố tưởng tượng đến người tình của anh.

— Không. Tôi không có

— Bất cứ người con gái nào.

— Không ai yêu tôi.

— Thế nào cũng có một người yêu anh mà anh không biết.

— Khát quá

— Uống nước lạnh bây giờ chết.

— Tôi thèm miếng nước lạnh.

— Không được

Người ta lại gọi tên tôi, nhưng tôi nghĩ không phải người ta gọi tên tôi. Tôi run lay bầy, Mình phải ôm lấy tôi cho tôi khỏi té xuống. Mưa dội mạnh thêm. Tất cả đứng ngay một chỗ chịu trận.

— Để cho tôi nằm

— Không được. Nước ngập.

« Có người xiú » tiếng la như kẻ lữ nhĩ khiến tôi giật mình. Không ai nghe, mưa dầy như bức tường. Ngoài hành lang người ta la tên tôi cáu giận. Tôi hơi tỉnh hỏi :

— Kêu tôi phải không ?

— Tên anh là gì ?

— Trí. Huỳnh minh Trí.

Mình và một người nữa đỡ diu tôi đến bên cửa sắt, Tên chà lai hỏi :

— Đau ?

— Tôi là Huỳnh minh Trí.

Tôi ráng bước một mình vào hành lang, người thiếu nữ lạ mặt không còn ở đây. Tôi đi trong cơn sốt hăm hập. Sân mưa mù mịt với những bóng xe đậu im. Hè xi măng bên đường mương nước chảy ồ ồ và những cửa sổ mở của các phòng việc. Điện thấp ban ngày trong hành lang. Tôi ngồi bẹp dưới chân tường không biết bao nhiêu lâu.

— Dậy mày. Giả bộ hoài,

— Huỳnh minh Trí ? Không nói gì mày ? Muốn ra Bắc hả ? Đồ chó đẻ. Lần này tao tha cho về. Không lơ học, lộn xộn lần nữa bắn chết bỏ. Tôi chỉ còn nhớ thấp thoáng người ta đã đẩy tôi vào trong một văn phòng. Một cái miệng đầy răng

vàng khé hời, la lối và tát trái giữa mặt tôi. Ngón tay áp úp đeo chiếc cà rá vàng tây đã rạch một đường sọc bên mép tôi. Tiếng chuông điện thoại, tiếng ghế sô. Một người đi vô phòng : ông Pháp lưng phùng trong bộ tây trắng. Ông ký giấy bảo lãnh cho tôi. Ông nói : con ngu quá con ơi. Mày chỉ làm khổ má mày thôi. Má tôi đội áo mưa đón bên đường. Lúc ấy lòng kiêu hãnh xụp đổ, tôi bải hoải yếu ớt chỉ muốn chết.

Mấy tháng sau, tôi tình cờ lại gặp Diệp trên chuyến xe lô xuống Sài Gòn. Tôi ngồi cạnh nàng bên người tài xế mà không hay, một cánh tay bị ép vào vai Diệp. Tôi nhìn nghiêng người thiếu nữ ngờ ngợ, đường mũi thẳng, môi dưới trễ, tóc bay xòa trên nền gió ngược bên ngoài. Đồng ruộng, vườn tược, sông lạch trôi mau sau khuôn mặt ngửa như buổi ban mai đang ngược lên cao. Hồi này, tôi đang bị nhốt trong hoài nghi và bất lực. Tôi không biết phải làm gì, đi đâu, ở đâu cho đúng. Ngày tháng trụy hoại trong hoang mang. Đám người di cư nghèo nàn rách rưới, thả rông trong các đường phố Sài Gòn với mắt nhìn và dáng điệu khiêu khích của những kẻ cùng đường nhắc nhở tôi nhớ lại những buổi đối thoại với Minh trong nhà giam. Không còn Minh, tôi phải nói một mình. Những cuộc độc thoại bao giờ cũng đáng sợ như một cối đầy ải. Mãi đến khi xe ngừng lại dưới chân một dốc cầu, Diệp chợt quay nhìn tôi. Tôi đã hỏi :

— Phải cô đã bị bắt vô Catinat không ?

Diệp dương mắt ngạc nhiên, tôi e mình lầm, rồi khẽ gật mỉm cười.

— Tại sao cô bị bắt ?

— Giống như anh vậy.

— Thiệt hả. Cô còn ý định đó không ?

Diệp lắc đầu, tóc nàng bay phất, vài sợi nhỏ quất ngang mi mắt tôi. Cây cầu gỗ rùng rùng khi xe lăn qua. Một bên đầu cầu, cái bốt bỏ hoang, cây leo bám quanh các kẽ gạch, nhìn xuống con rạch chảy giữa những bụi cây xanh. Dưới chân dốc cầu bên kia, ngôi trường sơ học một lớp ngày nào với hai ba chục đứa nhỏ và một cô giáo áo tím chỉ còn là một khoảng nền đất giữa đám cỏ sùng nước. Diệp đi qua cuộc mạo hiểm một cách ngây thơ như dạo chơi, không còn dấu vết nào ở nàng. Bây giờ Diệp lo học hành thi cử, sửa soạn vào đời bằng lối khác Còn tôi, cuộc phiêu lưu nửa chừng biến tôi thành một mớ những ước muốn, toan tính cụt hổng. Một ý thức trôi dạt trong hư ngụy.

(còn tiếp)

THẨM TẠ

Kính gửi tất cả các vị ân nhân của chúng tôi

T. T.

... nước rút, cát bồi, nhà trôi, ruộng lũng
kẻ mất con, người mất cháu, ông bà...
kề sao hết, ời nổi sầu động vũng
được sống còn bằng tình nghĩa phương xa

bát gạo, áo quần... tấm lòng thăm hỏi
nuôi mển yêu nhau tình ý đậm đà
chúng tôi thấp sáng hồn nâng tiếng nói
niềm tri ân lên nét chữ thật thà

trên điêu tàn mùa xuân dừng bước lạ
với vạn tình người tìm đến nuôi nhau
thiếu tất cả nhưng đủ đầy tất cả
vì thương yêu vừa tới đã xanh màu

xin gửi vào đây vô vàn chân thật
gói mển thương bọc yêu dấu trao về
thấp sáng lên nghìn linh hồn đã mất
niềm tri ân xanh mát lá tình quê

ời những tấm lòng bao dung gửi đến
ời những yêu thương gói chặt hồn nhau
chúng tôi cúi hôn lên từng nỗi hên
điều ghen ngào len lén xuống môi đau

hồn cảm động nâng niu nghìn nghĩa cử
nghe mển thương len vào mỗi món quà
chúng tôi mớm chân thành qua nét chữ
gửi vô vàn cảm tạ theo tình xa.

THÀNH TÔN

(thăm nạn)

TRUYỆN 2 KỶ :

Doãn - Dân

CHỖ CỦA HUỆ

SỰ phân-vân, lưỡng-lự làm tôi đứng lại ở ngoài đầu hẻm. Chiếc ngõ nhỏ, tối, sâu hun-hút nằm im-lìm trước mặt. Trời vừa mưa xong. Mặt đường và những mái nhà lụp-xụp nằm hai bên đầu hẻm còn ướt. Tôi trông thấy những hạt nước mưa trong vắt, đọng lại dần-dần ở đầu mái gianh của căn nhà gần nhất, lâu-lâu lại rỏ xuống một giọt. Chiếc ngõ chắc-chắn phải bần lâm. Nếu vào nhà Huệ bây giờ, tôi sẽ phải đi qua một khoảng đường lầy-lội, vòng vèo và âm-u. Tôi hình dung phớt qua một vài vũng bùn lớn nhất trong hẻm; chiếc ván gỗ, mỏng-manh, bề ngang chỉ vừa một gang tay, bắc qua cái rãnh lớn ở phía cuối ngõ. Tôi nghĩ đến những thứ đó như đề kêu gọi sự e-ngại của mình, kiếm một cái cớ để khỏi phải vào nhà Huệ. Thực ra, tôi nhớ Huệ và mong gặp nàng, nhưng tôi không muốn vào đây. Tôi muốn chúng tôi gặp nhau ở một chỗ khác.

Vài ba người con gái trang điểm xong, đã bắt đầu ra ngoài mặt đường. Trên tay mỗi người đều có một chiếc thuốc đang cháy dở. Những đốm lửa đỏ, lập lòe trong bóng tối. Rồi lập-lòe mỗi lúc một nhiều ở sâu trong ngõ. Tôi nhìn vào đó. Đốm lửa ấy đã kêu-gọi, níu-kéo tôi một lần, hai lần rồi mãi-mãi. Tôi nghĩ đến Huệ rồi chặc lưỡi, đi vào hẻm.

Qua chiếc cầu gỗ, len giữa hai dãy nhà lá, đi một quãng nữa, tôi đến một cái sân đất, nhỏ, chừng ba thước vuông. Trời tối làm rêu trên mặt sân biến thành màu tím sẫm. Nhà Huệ ở bên kia sân, chỉ còn cách tôi vài bước. Cửa đóng im-ìm. Lúc nào cửa nhà nàng cũng đóng. Một vệt sáng vòng khè của ngọn đèn dầu từ trong nhà nàng lách qua kẽ ván, nằm dài trên mặt sân, bò đến chân tôi. Aôi đến bên cửa, cất

tiếng gọi. Cánh cửa gỗ hơi hé ra, chừa một khoảng trống chỉ vừa cho một người vào. Huệ đứng ở chỗ trống đó. Nhận ra tôi, nàng khẽ nói :

— Anh.

Tôi hỏi :

— Em ở nhà một mình ?

Huệ khẽ gật :

— Chả một mình thì với ai. Lần nào cũng hỏi. Bực mình.

Nàng mở rộng cửa hơn một chút. Tôi bước vào nhà. Huệ lại đóng cửa lại. Tôi ngồi xuống chiếc ghế độc nhất bên chiếc bàn nhỏ kê sát vách. Trên mặt bàn, ngọn đèn Hoa Kỳ cháy chập-chờn. Đối diện tôi, chỉ cách một bước đi là chiếc giường có trải nệm trắng. Chiếc giường cũng kê sát vách. Như vậy, giường nàng và giường của cô gái nhà bên cạnh chỉ cách nhau có một lớp vách ván, đã nứt ra nhiều kẽ hở. Phía đầu giường, bên trên, lơ-lửng một cái màn gió bằng vải hoa lòe-loẹt. Chiếc màn gió này, chỉ khi nào cần che kín giường, Huệ mới căng ra. Vì bây giờ mới là chập tối nên tấm drap trên mặt giường còn trắng và trắng. Hai cái gối đặt ngay ngắn ở đầu giường, chờ-đợi. Huệ ngồi ghé xuống mép giường, đối diện tôi. Tôi đảo mắt nhìn những đồ vật quen thuộc. Và tôi lại bắt gặp cảm-giác bực-bội, khó chịu. Lần nào đến Huệ, nhìn cái nệm trắng, đôi gối thêu hoa sắc sỡ đó, tôi cũng cảm thấy khó chịu. Có lúc nỗi khó chịu trở thành đau-dớn. Tôi yêu Huệ nhưng tôi không thể yêu những thứ đó của Huệ. Nó làm tôi muốn xé nát người Huệ và muốn giết nàng. Đã có lần tôi bảo :

— Nếu đến đây mà gặp thằng đàn ông nào trong này, chắc tôi giết cả hai đứa.

Huệ nhìn tôi lặng thinh, hơi nhếch miệng cười, nụ cười vừa như khinh thường, vừa như chấp-nhận. Tôi nhìn thân hình cao, gầy của Huệ và tôi biết tôi có thể làm thế thật. Sau lần ấy, câu nói đó ám-ảnh tôi mỗi khi tôi đến Huệ. Tôi vẫn nằm trên cái giường của Huệ, vẫn đặt đầu trên cái gối Huệ đề sẵn đấy mà vẫn thù ghét những thứ đó. Tôi thù ghét tất cả mọi thứ gắn liền với Huệ. Tôi thù ghét cả thể xác nàng. Nhưng tôi vẫn cần nàng. Và tôi không thể hiểu được tại sao tôi cần nàng, tại sao tôi yêu nàng. Tôi càng ghét Huệ, càng cần, càng yêu hơn. Nhiều khi, tôi muốn băm-vằm, xé nát thân thể nàng ngay cả trong lúc tôi âu-yếm, vuốt-ve nàng. Điều này làm tôi đau-khổ. Tôi vừa thương mình vừa thương Huệ. Niềm thương xót dần- vật, day dứt tôi. Chỉ khi nào ra nàng, không có mặt nàng bên cạnh, tôi mới được sống với nàng những giây phút êm--dềm, thanh-thản. Những lúc như thế, tôi quên được Huệ làm gì, Huệ sống bằng gì. Tôi không nghĩ đến việc làm của nàng mỗi đêm. Chỉ những lúc đó, những lúc nằm một mình trên cái ghế bố, trong xó tối của căn bếp nhà bà Nghị, không biết nhớ ai, tôi mới sống được với Huệ một cách hoàn-toàn thanh-thản. Tôi muốn suốt đời được nâng-niu, ôm ấp niềm thanh thản đó, được sống với Huệ cách đó. Nhưng chính những phút sống như thế làm tôi nhớ Huệ điên cuồng. Tôi nằm mơ đến nàng và tôi thèm được

trông thấy đôi mắt to, đen, trong vắt của nàng, Tôi thêm được nhìn thấy nét mặt, làn da trắng xanh, dáng người cao, mảnh-dẻ của nàng. Và tôi thêm tuốt hết mọi cái ở nàng. Những lúc như thế, tôi thấy tôi say mê nàng thật sự. Tôi không tin rằng đã có những khi tôi thù ghét Huệ. Vậy là tôi lại hăm-hở đi tìm gặp nàng.

Rồi sau những phút vui cuồng dại, mọi nỗi chán-chường, mọi ý nghĩ khinh ghét lại trở về đầu óc tôi, hết những lần trước. Chỉ đến lúc ở nhà Huệ bước chân ra về, những cảm nghĩ đó mới tan biến đi để lại nơi tôi một nỗi tự khinh, tự hờ. Tôi khinh ghét tôi hơn cả khinh ghét Huệ. Tôi khinh ghét tôi như khinh ghét một kẻ hèn mạt nhất ở đời. Và hơn mọi lúc nào, tôi cảm thấy thương Huệ. Trên đường về, một mình lang thang trên những con lộ về khuya, vắng-vẻ, yên-tĩnh, gió thổi nhẹ-nhàng. tôi âm-thầm nghiền-ngẫm tình thương của tôi đối với Huệ. Tôi nghĩ đến nàng trong nỗi khoái lạc cuồng dại vừa qua và tôi cảm thấy đau-khò, hối hận, như thể chính tôi là người đã làm hại cuộc đời của Huệ. Niềm ân-hận này, lâu dần làm tôi oán Trị. Chính hắn đã đưa tôi đến với Huệ. Chính hắn đã dẫn tôi vào cái hẻm u-tối này. Lần đầu tiên gặp Huệ, tôi đề ý đến nàng vì thái độ hờ-hững, lạnh nhạt của nàng.

Bữa đó, sau khi đẩy tôi vào nhà Huệ, Trị lui sang nhà khác. Huệ không nói lời nào để tiếp tôi. Và hình như nàng cũng không nhìn tôi. Đợi tôi vào hẳn trong nhà, nàng gài cửa lại, kéo tấm màn gió, rồi lẳng-lặng trèo lên giường, bỏ hết mọi thứ trên người, nhắm mắt nằm im, mặc tôi muốn làm gì thì làm. Tôi khó chịu vì thái độ đó. Tuy vậy, tôi cũng làm theo Huệ rồi ngả lưng cạnh nàng. Mùi đất ẩm và mùi nước hoa rẻ tiền phảng phất khắp căn nhà hẹp. Hình như có cả mùi cống rãnh thoảng qua chỗ chúng tôi nằm. Tự nhiên tôi sờ tay lên mặt tấm drap. Làn vải ẩm và hơi dính-dính làm tôi khẽ rùng mình. Tôi toan ngồi dậy thì bỗng từ bên kia vách ván phát ra tiếng kêu "kót-két" nho-nhỏ, thưa-thớt, rồi đồn-dập, rồi lại thưa thớt. Tôi đoán Trị đang ở bên đó. Tôi quay mặt vào trong, nhìn những kẻ hở gạch ngang bức vách. Ánh đèn ở bên kia nhuộm vàng những kẻ hở đó. Chỉ cần xích lại chút nữa, ghé mắt nhìn qua là tôi trông thấy tuốt hết mọi sự. Tôi bỗng mỉm cười vu-vơ trong bóng tối. Và tôi quên mất mùi hôi hám cùng tấm drap ẩm. Tôi hỏi băng quơ :

— Ai ở bên này đó ?

Người con gái vẫn nằm im. Nàng phác một cử chỉ thúc-dục, nóng nảy. Tôi cảm thấy khó chịu thật sự, tôi nhòm người lên, định tỏ nỗi khó chịu cho nàng biết. Nhưng khi nhìn nét mặt nàng, tự-nhiên tôi không nói gì được. Trong ánh sáng mờ-mờ của ngọn đèn dầu từ bên kia tấm màn gió, hắt sang, nét mặt người con gái nằm trước mắt tôi thật bình-thản, vẻ bình thản gần như ngoan-ngoãn, dịu-dàng và cam chịu. Da nàng ánh lên một màu phơn-phớt hồng. Hai mắt nhắm hờ-hững. Đôi môi ngậm kín, hai bên mép hơi hếch lên, trông vừa kênh kiêu vừa có vẻ quý phái. Đầu nàng hơi nghiêng về một bên. Mái tóc đen, xõa ra, buông lơi, phủ kín cổ và

nửa bên má. Tôi ngồi ngắm nét mặt người con gái lạ và tôi không thể nghĩ rằng nàng đang nằm đây là để đợi chờ, hứng-chịu một việc làm tục-tẩn, bần-thiêu. Chỉ như một người đang ngủ say vậy thôi. Tự nhiên, tôi đặt nhẹ một tay lên má nàng, dịu giọng hỏi :

— Em tên gì ?

Người con gái giơ tay, khẽ đẩy tay tôi ra, vẫn nằm yên, nói :

— Huệ.

Câu trả lời cộc lốc của nàng làm tôi hơi-hơi thích thú. Tôi hỏi lần-thần :

— Huệ à ? Quê em ở đâu ?

Đôi mày Huệ hơi nhíu lại, nhưng trở về bình thường ngay. Tôi thấy mình ngây thơ, ngớ ngẩn. Không thấy Huệ nói gì, tôi lại hỏi :

— Em ở đây lâu chưa ?

Tôi muốn hỏi nàng làm nghề này lâu chưa, nhưng không dám nói rõ. Lần này, Huệ tỏ ra ngạc nhiên rõ ràng. Nàng quay hẳn lại, mở mắt nhìn tôi :

— Anh này kỳ quá !

Tôi cười và thấy mình « kỳ » thật. Tôi nói chừa :

— Hỏi để làm quen mà.

Huệ bĩu môi :

— Làm quen ! Quen để làm gì ?

Nàng nhìn thân thể nàng rồi nhìn thân thể tôi, nói :

— Thế này còn chưa đủ quen sao ? Ở đây, không cần làm quen với nhau bằng lời nói.

Tôi lại cười ngớ ngẩn. Và tôi im lặng « làm quen » theo cách của nàng...

Lúc ra về, Trị hỏi :

— Được không ?

— Cái gì được ?

— Con bé Huệ đó.

Tôi không nói. Tôi không muốn đã ra đến ngoài mà còn nói những chuyện đó. Trị bảo :

— Em khá đấy chứ.

Tôi quay nhìn Trị. Không hiểu Trị muốn dùng tiếng « khá » để ám chỉ gì. Nhưng trong thâm tâm, tôi cũng thấy Trị nói đúng. Và chính tôi cũng không biết tại sao lại đúng và đúng ở điểm nào. Rồi vì đồng ý với Trị như vậy nên sau đó ít lâu, tôi lại đến Huệ. Tôi đến lần nữa, rồi lần nữa, lần nữa... Những

lần sau này, nàng đã hết lạnh nhạt với tôi. Nàng đã cho tôi biết quê hương nàng. Huệ cũng cho tôi biết năm nay nàng hai mươi hai tuổi. Một lần, nàng tâm sự với tôi về mối tình đầu của nàng. Cách đây sáu năm, nàng yêu một người. Hắn có chiếc xe mercedes. Mỗi chiều hắn đều đến trường đón nàng rồi đưa nàng ra xa lộ dạy lái. Hắn hứa khi nào Huệ lái được, hắn sẽ « biếu » nàng chiếc xe đó. Nhưng khi nàng biết lái, thay vì « biếu » Huệ chiếc xe, hắn lại « biếu » nàng một đứa con trong bụng. Rồi cả hắn lẫn chiếc xe cùng biến mất. Huệ không dám thú thực với mẹ, phải trốn đi và sống lang thang cho đến bây giờ. Kể xong chuyện đó, Huệ cười chua chát :

— Khi đàn ông dạy các cô gái lái xe là luôn luôn như vậy. Em cũng chẳng trách. Ngu thì ráng chịu.

Từ nãy, tôi lặng thinh nghe Huệ nói. Câu chuyện của nàng làm tôi buồn. Tôi muốn an ủi Huệ nhưng không biết nói thế nào. Một lúc lâu sau, tôi hỏi :

— Con em bây giờ ở đâu.

— Chết rồi. Em cũng mong nó chết. Sống để nhìn mẹ nó thế này...

Huệ không nói hết. Tôi ngược mắt nhìn nàng. Nét mặt Huệ chưa bao giờ có dáng buồn đến thế. Đôi mắt nàng nhìn vu vơ vào khoảng không, long lanh như sắp khóc. Bỗng dưng, tôi cũng muốn khóc. Bầu không khí chung quanh chúng tôi vụt trở nên nặng nề. Tôi cứ ngồi nhìn Huệ như vậy và không biết phải nói ra sao để diễn tả những ý nghĩ của tôi về Huệ. Đột nhiên, Huệ quay nhìn tôi, đôi mắt nàng nhìn tôi, nói :

— Những người như em, nói chuyện về mình, dù nó nói thật cũng chẳng ai tin. Anh tin em không ?

Tôi vội nói :

— Tin chứ. Anh tin em lắm chứ.

— Nhỡ em bịa ra thì sao ?

— Em nói dối anh cũng tin.

— Thật không ? Tại sao ?

— Tại anh yêu em.

Đó là lần đầu tiên tôi nói tôi yêu Huệ. Tôi yêu Huệ thật sự. Và tôi cảm động về lời nói của mình. Chẳng hiểu nét mặt tôi lúc đó thế nào mà nàng bỗng nhìn tôi chăm chú. Ánh mắt Huệ như ngạc nhiên, sửng sốt. Rồi đột nhiên, Huệ ôm chầm lấy tôi. Nàng vò tóc tôi rối rít, hỏi :

— Thật không ? Anh yêu em thật không ?

Tôi không nói, ôm chặt Huệ vào lòng, áp má nàng lên vai tôi. Đã nhiều lần tôi ôm Huệ, nhưng chưa bao giờ tôi cảm thấy sung sướng như lần này. Không một ý nghĩ vẩn đục nào gợn lên trong óc tôi. Niềm sung sướng của tôi trong

sạch và thanh thoát như của một đứa trẻ thơ đón nhận tình thương của mẹ. Đã lâu lắm mới có một người đàn bà ôm tôi cách đó. Rồi đột nhiên tôi nhớ đến mẹ tôi. Chỉ có một lần mẹ tôi ôm tôi thế này, Lỗi tôi còn bé, lúc bà gần chết. Tôi chỉ giữ được bằng đó về bà.

Không biết bao lâu sau, Huệ buông tôi ra. Nàng nhìn tôi. Ánh mắt nàng lướt thoáng qua khuôn mặt tôi. Và nàng hỏi, giọng hơi ngạc nhiên :

— Anh làm sao thế ?

Tôi cúi đầu, giơ tay ôm trán, không trả lời. Huệ quỳ một chân xuống trước mặt tôi, áp hai tay lên má tôi. Tôi để mặc nàng. Huệ nghiêng đầu nhìn tôi, hỏi, giọng ấm và dịu dàng :

— Anh sao thế ?

— Em làm anh nhớ mẹ anh.

Im lặng. Lát sau, Huệ hỏi :

— Bây giờ mẹ anh đâu ?

Tôi nói :

— Anh không còn ai hết. Từ lâu, anh chỉ có một mình.

Những ngón tay Huệ vuốt nhẹ nhẹ trên da mặt tôi. Tôi cảm thấy rõ ràng một cảm giác ấm ấm, từ những ngón tay nhỏ, mềm của Huệ truyền vào cơ thể tôi. Nàng nói :

— Bây giờ có em.

Huệ đưa tay lên vuốt tóc tôi. Không nhìn mặt nàng nhưng tôi biết, nàng cũng đang cảm động. Vài phút sau, tiếng Huệ thật nhỏ :

— Chắc em không xứng với tình yêu của anh đâu.

— Anh không cần chuyện đó. Chỉ cần tình yêu của em Yêu anh không ?

— Không biết.

— Sao lại không biết ?

— Cứ chờ rồi xem. Em không thích nói trước điều gì, sợ không làm được như lời mình hứa.

Những lời của Huệ lan ra vang lên và ngân nga trong tâm trí tôi như một bản đàn. Tôi ngồi im đó và thấy bầu trời chung quanh chúng tôi tựa như đang nở ra, trong sáng như một buổi mai đẹp.

Hôm đó, ở nhà Huệ ra, tôi vừa vui, vừa buồn, vừa sung sướng, vừa đau khổ. Tôi nghĩ nhiều về tôi, về Huệ và tôi có cảm tưởng, mình chợt được, chợt mất một cái gì. Về đến nhà, tôi thấy Trị đang ngồi trên ghế bố đợi tôi. Tôi nói cho hắn biết chuyện giữa tôi và Huệ. Tôi bảo sẽ lấy nàng. Hắn hỏi :

— Mày yêu nó thật à ?

— Thật.

Trị nhìn tôi im lặng. Một lát, hăn bảo :

— Đừng nói chuyện ấy với tao.

Lời nói của Trị làm tôi khó chịu. Tôi nói :

— Mày biết là tao chỉ có mình mày ?

Trị thản nhiên cúi đọc tờ quảng cáo tường cải lương, hăn vừa nhặt được ngoài đường, như không nghe lời tôi hỏi. Tôi đến giăng tờ giấy trên tay hăn, nhắc lại lời nói đó. Trị bỗng nhìn trừng trừng vào mắt tôi :

— Mày biết nó là con điểm chứ ?

Tôi tím mặt. Thằng bạn độc nhất của tôi nói về người yêu của tôi vậy đó. Tôi nói như quát :

— Nó là con điểm. Nó cũng là người. Tao yêu nó.

Trị hơi nghiêm mặt :

— Tao không ngăn mày đừng yêu nó, nhưng đừng nói chuyện đó với tao.

— Nói với mày ! Mày làm gì chứ ? Hử ? Nó là điểm thì mình là gì ? Một con điểm không được yêu cả những thằng mồ côi, thất thểu, ngu dốt nữa sao ?

Nét mặt Trị hơi tái đi và đanh lại. Hăn cúi nhìn xuống mũi giày đang đi nhẹ trên nền nhà. Mỗi khi có điều gì làm hăn bức mình, hăn vẫn vậy. Tôi hiểu là lâu lắm hăn mới lại nói. Nhưng Trị bỗng đòi nét mặt, bảo :

— Tao cố đợi để cho mày biết có nơi cần mướn một người đứng bán hàng, lương tháng một nghìn. Nếu muốn, sáng mai đi với tao.

Tôi không nhìn Trị. Nếu lúc khác thì tôi đã mừng rỡ khi hay tin đó. Nhưng bây giờ tôi không cần. Tôi bảo Trị như vậy. Hăn bắt tay tôi. Trước khi đi hăn nói :

— Thằng đàn ông nào cũng khổ vì di vãng không đẹp của đàn bà. Tao không muốn trông thấy mày khổ vì di vãng của con Huệ.

Tôi không nói gì. Và cũng không nhìn theo hăn.

Buổi tối hôm đó, ăn cơm xong, tôi không kèm lũ con bà Nghị làm mấy bài tính cộng, trừ, nhân, chia như mọi tối, trèo lên ghế bố định ngủ thật sớm. Nhưng tình yêu của tôi và Huệ làm tôi không ngủ được. Có một tình cảm hết sức lạ lùng, khó tả, nao nức trong lòng. Tôi nghĩ mung lung và tôi nghĩ đến những lời của Trị. Tôi nghĩ nhiều hơn về câu nói cuối cùng của hăn : « Tao không muốn trông thấy mày đau khổ vì di vãng con Huệ ». Câu nói đó làm tôi ghét hăn nhưng cũng làm tôi nghĩ nhiều về Huệ ; nghĩ mông lung, thêu dệt, tưởng tượng thật nhiều về di vãng của nàng. Và bỗng dưng, tôi cảm thấy đau khổ.

Tôi nằm im trong xó tối của căn bếp nhà bà Nghị, để mặc cho nỗi đau khổ mỗi lúc mỗi dâng lên, tràn ngập lòng mình. Từ nỗi đau khổ ấy, tôi lan man nhớ tới sự mồ côi, đơn độc của tôi. Đã hai mươi mấy năm rồi, tôi ra đời, bây giờ tôi mới cảm thấy một cách rõ ràng, thấm thía thế nào là lẻ loi, cô độc. Tình yêu của Huệ và di vãng của nàng làm nỗi xót xa, tủi cực trong lòng tôi thức dậy.

Thao thức trong nỗi khổ đau, quần quai đó, tôi tự hiểu, bắt đầu từ giờ phút này, tôi không thể nào sống xa được Huệ. Tôi yêu nàng, tôi cần nàng và tôi sẽ oán hận nàng, nhưng nhất định tôi không thể nào sống xa nàng được.

Đêm hôm ấy, tôi chết lịm đi trong mối tình đầu, vừa chớm nảy ra với một người con gái.

..

— Tối nay, anh đến chắc để trả lời em chuyện đó ?

Tiếng nói của Huệ làm tôi thoát ra khỏi những ý nghĩ mung lung, riêng biệt. Tôi quay nhìn nàng. Ánh sáng vàng vọt của ngọn đèn dầu, nhuộm một nửa khuôn mặt Huệ. Tiếng nói của nàng trầm và có vẻ dục dề. Tôi chưa nhớ ra nàng muốn hỏi tôi chuyện gì. Nàng tiếp :

— Nếu thật tình yêu em thì anh đừng ngại. Em cũng biết như thế thì bất cho anh. Nhưng mình yêu nhau thật tình thì chả có gì đáng ngại hết. Anh tin em...

Tôi đã nhớ ra điều nàng muốn nói. Huệ muốn nhắc lại chuyện lần trước, nàng đề nghị tôi đến đây sống với nàng. Từ hơn một tuần nay, tôi đã suy nghĩ rất nhiều về chuyện đó và cho đến bây giờ, tôi cũng chưa biết quyết định ra sao. Nhiều lúc, tôi muốn rời bỏ cuộc đời ngày hai buổi, đạp chiếc xe cũ kỹ đi cất hàng về cho bà may quần áo trẻ con, đem ra chợ bán. Buổi tối, sau bữa ăn, kèm cho mấy đứa con bà làm dăm bài toán, viết vài bài chính tả. Sáng hôm sau, dậy thật sớm, tập thể thao bằng cách ra giếng, kéo dây chum nước .. Ông Nghị mất đi, để lại cho bà mọi việc trong nhà và bà nhường lại cho tôi. Bà chỉ làm một công việc chính là nuôi một lũ con bà và tôi, một người xa lạ. Dù tôi rất biết ơn bà, nhưng thật lòng, đã từ lâu, tôi cảm thấy chán ngán cuộc đời đều đều, buồn nản ở trong nhà bà. Tôi nghĩ đến những đêm nằm thao thức âm thầm chống chọi với nỗi cô độc xót xa của mình. Tuy sống ở đó nhưng không lúc nào tôi quên nghĩ là mình bơ vơ, lạc lõng. Cảm tưởng ấy, đôi khi vùng lên mãnh liệt, dẫn vật, vò xé tâm hồn tôi làm tôi khắc khoải, ghen ngào. Trước kia, gặp những lúc như thế, tôi tìm đến Trị. Bây giờ, tôi tìm Huệ. Tôi tìm nàng và tôi trút tất mọi đau khổ, bơ vơ lên cuộc đời nàng. Và tôi cảm thấy say mê một cách hèn hạ trong việc trút bỏ đó. Chính vì cảm tưởng này mà tôi phân vân, lưỡng lự trước lời đề nghị của Huệ. Tôi muốn từ bỏ cuộc sống gần như nô lệ ở nhà bà Nghị, để lại đây sống chung với Huệ. Nhưng không hiểu sao, mỗi khi ý muốn ấy gợn lên, tự nhiên tôi lại nghĩ

là, hình như, nếu tôi đến Huệ thì không phải vì tôi yêu nàng đến độ không thể xa nàng mà chỉ vì tôi muốn lợi dụng nàng. Còn một điều nữa là, nếu đến Huệ, tôi sẽ ngồi không để nàng nuôi tôi. Nàng nuôi tôi bằng cái nghề đó. Liệu tôi có chịu nổi không? Tôi có thể ngồi nhìn người yêu của tôi nằm trong tay kẻ khác để lấy tiền nuôi tôi không? Có lẽ chính những ý nghĩ thầm kín này làm sự đến nhà Huệ của tôi chỉ dụt dề, lấp ló, ở trong lòng mà không thoát hẳn ra thành quyết định.

Trong nỗi phân vân ấy, tôi bảo Huệ :

— Em cứ để anh suy nghĩ thêm ít lâu nữa.

Huệ cúi nhìn hai bàn tay đan nhau. Mái tóc nàng xòa ra, rủ xuống đôi vai che lấp khuôn mặt. Nàng ngàng nhìn tôi, định nói, nhưng cơn ho làm nàng không nói được. Huệ ấp một tay lên ngực để nén tiếng ho. Tôi đến ngồi xuống mép giường, cạnh nàng, nói :

— Em cho anh ba ngày nữa, anh sẽ trả lời em dứt khoát.

— Em nói từ mười ngày nay rồi. Có gì làm anh suy nghĩ đến thế đâu.

Suy nghĩ một lát, tôi nói :

— Em với anh thì không sao. Nhưng còn mọi người ở đây. Họ sẽ nghĩ sao về chúng mình?

— Anh đừng lo điều đó. Ở đây, có ai còn gì tốt đẹp nữa đâu để mà moi móc, chê cười người khác.

Giọng nàng có vẻ xót xa và hơi mĩa mai khi nói vậy. Tôi nghĩ : « Ở một nơi, dù xấu xa, hèn hạ đến đâu, cũng vẫn có thể tìm ra một điều tốt đẹp. Chỗ của em tốt đẹp hơn mọi chỗ khác ở điếm ấy ». Nghĩ thế và tôi nhìn Huệ. Tôi bắt gặp đôi mắt van nài, dò hỏi. Tôi muốn bảo nàng : « Em không biết được những gì bắt anh phải suy nghĩ đâu. Em làm sao biết được. Anh cũng muốn ở với em. Nhưng như thế có ngày anh sẽ giết em. Giết em vì việc em làm ». Tôi im lặng. Tưởng tôi còn ngại, Huệ nói :

— Kể ra, anh phân vân là phải, nhưng em đã nói rồi, đừng ngại anh ạ... Em muốn nói chuyện này, chỉ sợ anh cười ..

— Sao anh lại cười em.

Huệ cười, tiếp :

— Em đã đề dành được một món tiền. Nếu anh đến đây, trong thời gian đợi anh có việc làm, em sẽ không làm gì cả. Em sẽ..

Đột nhiên Huệ im bật. Nàng nhìn tôi rất nhanh rồi quay nhìn nơi khác. Trong một giây, tôi vụt hiểu sự im bật của nàng. Sự « không làm gì cả » Huệ vừa nói, như đâm vào lòng tôi một nhát dao. Tôi quay nhìn Huệ. Em sẽ không làm gì cả. Rồi sẽ có lúc em làm gì. Em « làm gì » và anh ra sao? Tự nhiên tôi

nhìn khắp người Huệ. Tôi liên tưởng rất nhanh đến hình ảnh thân thể nàng không còn gì che, nằm dài lơ lửng trên cái giường này, không để cho tôi, mà cho những kẻ khác. Đầu óc tôi thoáng tưởng tượng, theo dết ra trăm điều về Huệ. Những hình ảnh xấu xa quay cuồng, hỗn độn. Người tôi nóng ran trong những hình ảnh đó. Đột nhiên, tôi muốn đập phá một cái gì. Và tôi muốn xé hết mọi thứ trên người Huệ.

Với ý muốn ấy, tôi nắm cánh tay Huệ, kéo xích lại gần. Huệ nhìn tôi :

— Anh trả lời em đi.

— Không nói chuyện đó nữa.

Tôi kéo ngã hẳn người Huệ vào lòng. Nàng nói :

— Đừng anh, kỳ quá.

— Sao lại kỳ ?

— Lúc khác thì không. Nhưng bây giờ, mình đang nói chuyện tương lai mà.

— Tương lai cũng có chuyện này.

Huệ vừa gạt tay tôi vừa cười « khanh khách ». Tiếng cười của nàng làm tôi khó chịu. Người tôi nóng thêm. Tôi túm ngực áo nàng. Huệ ngửa mặt nhìn tôi. Thốt nhiên nàng nín cười, hỏi :

— Anh sao thế ?

— Không.

— Giận em à ? Sao lại giận em ?

— Không.

— Không mà mặt anh thế kia. Em có làm gì lỗi đâu ?

Tôi im lặng.

— Buông em ra, em nói chuyện này cho mà nghe. Chiều em một chút đi anh.

Như một con quay, đã quay rồi thì không tự ngừng lại được, tôi giật mạnh tay. Hàng cúc bấm trên áo Huệ tung ra : ngực nàng căng, tròn nổi bông lên. Ngay lúc đó, tôi lơ mơ nghĩ rằng việc tôi đang làm đây không phải do lòng ham muốn, nhưng do tự ái ; do sự trả thù (trả thù cái gì thì tôi không biết).

Mặt Huệ bỗng tái xanh. Nàng hốt hoảng nhìn tôi và sự kinh ngạc làm nàng không kịp phản ứng. Giọng nàng như van xin :

— Đừng anh. Đừng tàn nhẫn với em, anh.

Lòng tôi buốt nhói. Anh không muốn tàn nhẫn với em. Nhưng anh muốn em là của anh, hoàn toàn là của anh. Ý nghĩ ấy thúc đẩy tôi tiến tới và lấn át lương tâm cùng tình thương của tôi. Tôi tiến tới và tiến tới nữa...

Sau đó, tôi nằm bất động cạnh nàng. Bên tai tôi, tiếng Huệ khóc ầm ức, nghẹn ngào ở trong cổ họng. Thình thoảng, có những tiếng ho ngắt ngang như những trạm nghỉ tạm thời của cơn khóc. Cả tiếng ho, cả tiếng khóc cùng không bật hẳn ra ngoài, chỉ âm thầm, tăm tức, nhưng dằng dai như tiếng than van của niềm tủi hờ. Tôi nhắm mắt lại và không muốn nghe tiếng khóc đó. Tôi không muốn nghe, muốn thấy gì nữa. Chỉ muốn, ngay lúc này, có một khẩu súng để

chấm dứt tiếng khóc của Huệ và chấm dứt sự căm nín của tôi. Từ tận cùng của tiềm thức tôi, mơ hồ văng lên tiếng nói : « Máy chỉ là một thằng hèn. Một thằng đều ».



Ngay buổi sáng hôm sau, tôi dọn đến nhà Huệ. Tôi không phân vân, lưỡng lự, suy nghĩ tới lui. Tôi cũng không cho Trị biết. Từ hôm cãi nhau với hắn, tôi không gặp hắn. Tôi nhớ Trị nhưng không muốn nghe hắn nói về người yêu của tôi. Nếu biết tôi lấy Huệ, chắc hắn từ tôi. Nhưng tôi không làm thế nào khác được. Tôi cần hắn, nhưng tôi cần Huệ hơn. Bởi vậy, tôi đến với nàng mà không hỏi ý kiến hắn. Cũng không cả hỏi ý kiến tôi. Tôi cũng không cần biết nguyên nhân nào đã thúc đẩy tôi quyết định mau chóng như vậy. Chỉ biết, sau cái việc tôi làm buổi tối hôm trước, suốt đêm không ngủ được, trần trọc trong xó tối, tôi tự nhủ, tôi phải đến với Huệ. Tôi phải ở với nàng. Tôi phải... tôi phải... Tôi không thể bỏ nàng. Tôi không thể cứ mãi là một thằng hèn, một thằng đều. Rồi tôi sẽ có việc làm. Tôi sẽ nuôi Huệ và chúng tôi sẽ sống với nhau như hết thảy mọi cặp vợ chồng... Vậy là tôi đến Huệ.

Suốt trong thời gian đầu, chúng tôi sống với nhau thật là hạnh phúc. Chúng tôi có thừa thì giờ để nhìn nhau ; để truyền trò, tâm sự với nhau và để làm tất cả mọi chuyện mà chúng tôi muốn. Suốt ngày Huệ ở bên tôi và tôi cũng không muốn rời nàng. Chúng tôi bàn tính nhiều chuyện tốt đẹp cho tương lai. Có lần trong một phút được kích thích bởi sự tốt đẹp của tương lai do chính chúng tôi tưởng tượng, vẽ vờ ra, Huệ khuyên tôi nên mua sách về học. Nàng bảo, tôi đã có bằng Tiểu học rồi thì từ đó đến lúc đi thi trung học cũng chóng. Rồi thi Tú Tài lại càng chóng hơn. Và theo lời nàng thì cho đến lúc tôi đỗ xong Cử Nhân, thời gian cũng chẳng lâu lắm bao nhiêu. Tôi ngồi nghe nàng nói và thấy mình thật là quan trọng lớn lao trong cuộc đời nàng. Đáng vẻ ngây thơ, hồn nhiên của nàng trong lúc diễn tả những niềm mơ ước làm tôi có cảm tưởng, nàng chỉ là một cô gái mới lớn, mới yêu, mới bước ra đời. Trong những lúc đó, tôi quên được mọi chuyện về Huệ. Tôi sung sướng như một kẻ đột nhiên bắt được hạnh phúc ở đời. Và cũng trong những lúc vui vẻ đó, tôi bỗng hiểu rằng, sở dĩ, con người dù sống trong một hoàn cảnh khốn cùng, khổ cực đến đâu cũng vẫn chịu được là vì, người ta luôn luôn hy vọng ở tương lai, luôn luôn hy vọng ngày mai sẽ khác ngày hôm nay, sẽ đẹp đẽ, tươi sáng hơn. Như vậy, tuy sống với hiện tại, nhưng thực ra người ta luôn luôn sống trước thực tại, hơi chồm tới tương lai, thứ tương lai tự mình vẽ vờ, tô điểm tùy theo niềm mơ ước riêng tư của mỗi người. Riêng tôi và Huệ, trong thời gian mới chung sống với nhau, chúng tôi ôm ấp thật nhiều mơ ước. Chúng tôi sống bằng những ước mơ đó. Niềm hạnh phúc bé nhỏ của chúng tôi cậy nhờ vào những niềm vui xa vời, tưởng tượng đó ở lại với chúng tôi. Huệ kể cho tôi nghe tất cả những hình ảnh đẹp đẽ, văng vẳng trong vòm tâm tư thầm kín của nàng. Nàng chỉ nói với tôi những điều đó. Nhưng tôi

biết, Huệ còn ước mơ một điều nữa — chỉ một điều thôi — quan trọng hơn nhiều. Đó là nàng thiết tha mong muốn được trở lại cương vị một người bàn bà bình thường, một người vợ bình thường như mọi người vợ khác. Niềm mơ ước này phảng phất trong từng lời nói, từng dáng điệu, cử chỉ, cách ăn mặc, trang điểm của nàng. Hàng ngày, Huệ đi chợ, làm cơm, giặt quần áo và làm tất cả mọi việc lặt vặt khác trong nhà một cách bằng lòng, vui vẻ. Đôi khi, tôi muốn giúp Huệ nhưng nàng có vẻ không vui. Nàng cho rằng những việc đó phải để dành riêng cho đàn bà, nhất là người đàn bà đã làm vợ. Chính vì cố gắng, nhiệt tình trong việc xóa bỏ mặc cảm tội lỗi về cuộc sống đã qua của mình như vậy, nên Huệ chiều chuộng tôi hết lòng. Nàng ngoan ngoãn dịu dàng hơn cả một người vợ dịu dàng. Nàng chịu đựng tôi hơn cả khả năng của một người vợ phải chịu đựng chồng. Tất cả những đức tính của Huệ làm tôi nghĩ, nàng là một người vợ thật hoàn toàn.

Lẽ ra, tôi đã vô cùng sung sướng trong khi tận hưởng sự vẹn toàn đó của Huệ, nếu tôi không âm thầm ôm ấp một niềm mơ ước Vãng. Tôi cũng mơ ước. Và niềm mơ ước của tôi lại cũng giống như của Huệ : tôi cũng ước mong xóa bỏ được cuộc sống đã qua của nàng. Tôi tin rằng Huệ không thể nào thiết tha, nồng nhiệt với ý muốn ấy bằng tôi. Bởi vì dù nàng có đau khổ, hối hận về cái đi vãng của nàng đến đâu thì nàng cũng còn có thể tìm ra một cơ để tự an ủi. Nàng còn có quyền nghĩ rằng, dù muốn, dù không, chính nàng đã tạo nên cái đi vãng đó. Còn tôi. Tôi không tạo ra nó. Tôi không có quyền gì về nó. Lúc nó xảy ra không có mặt tôi. Vậy mà giờ đây tôi phải chấp nhận nó, phải sống với nó và phải âm thầm chịu đựng nó. Tôi càng yêu Huệ thiết tha, say đắm bao nhiêu, tôi càng bị cái đi vãng của nàng ám ảnh vô xé bấy nhiêu. Tôi không thể xa được Huệ cho nên tôi cũng không thể bỏ được đi vãng của nàng. Trước kia, hồi chưa đến đây với Huệ, tuy cũng đau khổ, nhưng tôi thấy nỗi đau khổ của tôi hồi đó khác hẳn bây giờ, Hình như bây giờ tôi đã có Huệ ; nàng đã thuộc hẳn về tôi ; tôi có quyền về hết mọi chuyện của nàng, nên nỗi đau khổ cũng theo nàng mà thuộc hẳn về tôi. Đôi lúc, tôi có cảm tưởng như trong con người tôi có hai kẻ khác nhau : Một kẻ cứ việc vui cười, vô tư thường thức hạnh phúc bên Huệ. Còn kẻ kia cứ nằm trong vùng u tối để mà ngấm ngấm đau khổ về nàng. Như vậy, Huệ vừa đem đến cho tôi mọi nguồn vui sống vừa gây cho tôi mọi nỗi chán chường. Những lúc thật đắm say, sung sướng bên Huệ, tôi vẫn mơ hồ cảm thấy đi vãng của nàng thấp thoáng, len lỏi đâu đây. Nó không hiện ra rõ ràng ở một chỗ nào, trong một lúc nào nhất định. Nhưng nó bàng bạc ở khắp mọi nơi và trong mọi lúc. Hình như nó nằm trong từng hơi thở của Huệ và từng giọt máu của tôi. Tuy nó không ngăn được tôi cảm thấy sung sướng, nhưng nó như một trở ngại trong việc thường thức sung sướng của tôi. Tôi sống trong hạnh phúc như khi ta mang một đôi giày mới, có một hạt cát lọt vào. Tuy hạt cát không ngăn được ta cảm thấy thích thú vì có được đôi giày mới, nhưng nó cũng làm ta bực bội trong mỗi bước đi.

Nỗi khổ tâm của tôi càng tăng lên khi tôi nhận thấy, tôi không thể nói điều đó với Tri. Tôi càng không thể tâm sự với nàng. Tôi toàn quyền kể lể, than van về tất cả mọi nỗi đau đớn đắng cay ở cuộc đời này, với Huệ. Nhưng điều tôi cần nói ra nhất, cần được chia sẻ nhất lại là điều tôi không bao giờ và không thể nói ra, dù chỉ một lời. Như thế, đáng lẽ Huệ là một nguồn an ủi lớn lao nhất đối với tôi; đáng lẽ nàng là người gần gũi nhất, cần hiểu tôi nhất thì trong trường hợp này, chính nàng lại là người làm tôi đau khổ nhất và cách xa tôi nhiều nhất.

Với tâm trạng hỗn độn, phiền nhiễu và phức tạp đó, tôi sống bên Huệ. Để lẩn trốn tâm trạng này, suốt ngày tôi quần quýt bên nàng. Quần quýt bên nàng để nghe nàng nói, thấy nàng vui và để khỏi phải suy nghĩ vẩn vơ về nhiều điều khác. Tôi dùng thời gian của cả một ngày để chỉ ở bên Huệ. Tôi sợ nhất những lúc vắng nàng, phải ở nhà một mình, hay những đêm khuya. Trong bóng tối, người ta có thể nghĩ được những điều thật hay, nhưng cũng có thể nghĩ ra những điều cực dở. Đầu óc tôi chẳng có gì hay để mà suy nghĩ vào những lúc ấy. Cho nên nhiều đêm, đã khuya mà không ngủ được, tôi nằm suy nghĩ vẩn vơ về những điều thật dở, thật tầm thường, đôi khi hèn hạ. Bên cạnh tôi, Huệ vẫn nằm ngâm mình trong giấc ngủ. Ngọn đèn Hoa kỳ đặt trên mặt bàn, leo lét cháy hắt sang phía chúng tôi một lớp ánh sáng mỏng, mờ gần như không có. Tôi nằm ngắm Huệ và nghĩ mung lung trong thứ ánh sáng đó. Tôi nghe thấy từng hơi thở của nàng, nhẹ nhàng, đều đặn. Lớp áo mỏng trên ngực nàng cũng lên, xuống một cách nhẹ nhàng đều đặn. Thỉnh thoảng, Huệ trở mình và húng hắng ho. Lắm đêm, cơn ho làm nàng tỉnh ngủ, mở mắt ra nhìn. Thấy tôi còn thức, nàng khẽ hỏi :

— Anh chưa ngủ à ?

Tôi không trả lời : Huệ lại nhắm mắt, mỉm cười vu vơ, nằm xích lại bên tôi, quàng tay qua người tôi rồi lại tiếp tục ngủ, để mặc mình tôi với những ý nghĩ mung lung, đầy đặc. Cũng có những đêm cơn ho kéo dài khiến Huệ không ngủ lại được một cách dễ dàng. Lúc ho, hai tay nàng ôm chặt ngực, người co rúm như một con mèo, trông thật khổ sở. Một đêm, nhón nàng như thế, không chịu được tôi hỏi :

— Sao em ho luôn vậy ?

Huệ nhìn tôi, cười chảy cả nước mắt, không trả lời. Tôi lại hỏi :

— Em ho lâu châu ?

Huệ gật đầu. Bàn tay nàng đặt trên ngực, vuốt xuôi xuống. Tôi đặt tay lên má nàng.

— Sao không uống thuốc ? Để thế nguy hiểm.

— Em uống nhiều rồi nhưng không khỏi.

— Thế thì phải đi chiếu điện.

— Em cũng chiếu điện rồi.

Tôi nhìn đôi mắt Huệ :

— Có sao không ?

Huệ nắm lấy bàn tay tôi trên má nàng. Nét mặt nàng hơi nghiêm và có vẻ buồn. Đôi mắt Huệ long lanh sáng. Một lát, nàng nói :

— Em bị nám phôi. Nám cả hai bên nhưng em mặc kệ.

Người tôi như bị điện giật, tiếng nói buột ra :

— Em bị nám phôi ? Chết thật, Sao không cho anh biết ? Em liều. Em liều quá. Phải chữa ngay đi mới được.

Huệ vẫn bình tĩnh. Nàng mỉm cười, hỏi, giọng như trêu cợt :

— Anh lo cho em hay cho anh ?

Câu hỏi của nàng làm tôi khó chịu. Tôi nghiêm nét mặt :

— Em không được nói thế. Anh yêu em đến có thể chết cho em được. Anh sợ gì...

Huệ bật vội miệng tôi :

— Em xin lỗi. Em đùa. Người ta mới đùa có một tí tẹo thế mà cũng giận.

Nàng rúc đầu vào cổ tôi, cười. Tôi vẫn nghiêm giọng, bảo :

— Nhưng em phải chữa đi.

— Chữa gì ?

— Phôi em đó.

Huệ vẫn cười khúc khích. Lát sau, thấy nàng nằm im, tôi định hỏi, nàng quay ra, hỏi :

— Em đùa anh đấy. Đừng lo.

— Lại đùa gì nữa ?

— Em đâu có làm sao. Em trêu anh xem anh yêu em nhiều đến thế nào.

Lời nói của nàng vẫn chưa làm tôi yên lòng. Tôi muốn hỏi lại. Tôi áp một tay lên tóc nàng, suy nghĩ, lựa lời để hỏi làm sao khiến Huệ không chối được, nếu nàng bị lao thật. Mùi hương từ tóc và từ da thịt nàng tỏa ra làm những ý nghĩ của tôi lạc đi, không chịu để tôi điều khiển. Cuối cùng, khi tôi tìm ra một điều để hỏi, lay người Huệ thì nàng đã ngủ mất từ lúc nào. Tôi khẽ ôm Huệ vào lòng, vuốt nhẹ nhẹ mái tóc nàng.

Rồi trong cái im vắng của một đêm trường, tôi bỗng nghe lòng mình buồn bã và tôi nghe thấy tâm hồn tôi lặng lẽ thờ dài.

Được hơn một tháng, sau ngày đến Huệ, tôi bắt đầu đi kiếm việc làm. Số tiền Huệ để dành cũng chẳng còn được bao nhiêu. Và lại, dù thế nào thì tôi cũng phải có một việc làm. Tôi không thể sống mãi bằng đồng tiền của Huệ. Tôi phải nuôi Huệ. Tôi phải mang Huệ ra khỏi ngõ này. Ở đây, tuy mọi người chung quanh, không ai để ý, dòm ngó chúng tôi, nhưng tôi không muốn chúng tôi cứ mãi chui rúc ở cái xóm này. Tôi không muốn Huệ cứ mãi sống trong cái khung cảnh mà từ cái cột nhà, từ bức tường lở-lói, từ tấm ván có nhiều kẻ hở, thầy đều nhắc nhở, gọi ra cho nàng và tôi, cuộc sống đã qua của nàng. Tôi muốn chúng tôi phải thay đổi, bằng cách đem Huệ ra khỏi nơi đây. Đi đâu cũng được nhưng phải ra khỏi nơi đây.

Ngày-ngày, tôi lang-thang, len-lỏi đến các bến xe, dò hỏi để kiếm một chỗ ngồi bán vé hay một chân « lơ » xe. Mỗi chiều, tôi ghé qua một vài sạp báo, xem nhờ ở mục « rao-vật », hy vọng tìm ra một nơi cần người trông coi sổ sách, hoặc đứng bán hàng, hoặc đi đưa hàng, cất hàng như ở nhà bà Nghị, hoặc bất cứ việc gì, miễn sao mỗi tháng có được ít tiền đủ nuôi chúng tôi sống. Mỗi ngày tôi đều đi như vậy và mỗi ngày tôi đều trở về với sự buồn-bã, chán chường. Không có nơi nào cần tôi cả. Cũng có một vài lần, xem trên báo, thấy có nơi cần người đi lấy quảng cáo, khi tôi đến nơi thì đã có người đến trước rồi. Cũng có chỗ tôi đến kịp, nhưng công việc lại quá khả năng của tôi, người ta không nhận. Lần khác, có nơi bằng lòng cho tôi giữ việc trông coi sổ-sách nhưng với điều kiện phải đưa cho họ vài chục ngàn tiền thế chân. Và những chỗ khác, kết quả cũng đều tương-tự.

Mỗi buổi chiều, khi về đến nhà, nhìn thấy Huệ, tôi vừa thương vừa ngượng với nàng. Huệ không bao giờ hỏi kết quả cuộc đi của tôi ra sao. Nàng cũng không bao giờ tỏ ra buồn-rầu, chán-nản. Nàng coi sự đi tìm việc của tôi chỉ như những cuộc đi chơi vậy thôi. Có hôm, thấy tôi không dấu được vẻ lo-lắng, chính nàng lại an-ủi, khuyến-khích tôi. Nàng cố tạo bầu không khí vô-tư, vui-vẻ. Trong câu chuyện, nàng hay chêm vào vài câu khôi-hài để tôi cùng vui với nàng.

Một lần, sau suốt một ngày đi bộ dưới nắng, về đến nhà, tôi nằm vật ngay ra giường Huệ đến bên tôi, ân-cần hỏi :

— Anh mệt lắm phải không ?

Tôi nói dối :

— Cũng không mệt lắm.

— Lại còn không mệt. Tội nghiệp ! Ngày nào cũng phải đi bộ hàng bao nhiêu cây số.

Nàng ngồi xuống, cởi giày cho tôi. Tôi lười biếng, im-lặng để mặc nàng làm việc đó. Tưởng tôi lại buồn như mọi ngày, Huệ cười :

— Nghị cũng tài anh nhỉ. Nghị con người ta đi bộ mà có thể mòn chân được thì chân anh chắc phải mòn đến đầu gối rồi.

Đang mệt nghe Huệ nói thế tôi cũng phải bật lên cười. Và lòng tôi buốt nhói như vừa có người cầm dao đâm thấu da thịt mình. Tôi kéo Huệ lại gần, lấy giọng đứng đắn, bảo :

— Em đừng dẫu anh. Em lo lắm phải không ?

Huệ lắc đầu. Tôi tìm thấy trong cái lắc đầu đó, trong đôi mắt nhìn tôi đó, một mối buồn thăm thẳm của sự thất vọng nào nề. Đột nhiên, tôi muốn khóc. Đề trấn tĩnh lòng mình, tôi hỏi :

— Em lo từ lâu rồi phải không ? Sao không cho anh hay ?

Huệ không trả lời, lẳng lặng quay nhìn đi nơi khác. Không trông thấy rõ mặt nàng, nhưng tôi biết mặt nàng hiện có những gì. Lúc quay đầu lại, Huệ không đề tôi thấy nàng, gục nhanh lên vai tôi. Tôi thăm hiểu, đó là câu trả lời của nàng. Tự nhiên tôi không biết phải làm gì nữa.

Trời đem bóng tối vào phủ kín chúng tôi lúc nào không hay. Chẳng hiểu bao lâu sau, tôi cất tiếng gọi :

— Huệ.

— Dạ.

— Anh ân hận là đã đến đây để làm em khổ,

— Đừng nói thế. Nếu yêu em, anh không nên nói thế, em tủi thân.

— Thật mà.

— Anh thừa biết là trước khi anh đến đây, em sống nhọc nhãi thế nào.

— Bây giờ cũng có hơn gì. Anh thương em.

— Đừng thương em. Yêu em thôi.

— Không được. Cả hai thứ cùng đến, anh biết làm sao ?

— Bỏ bớt một thứ đi.

— Bỏ đi. Bỏ tình thương đi ngay cả lúc nhìn em chết đói được sao? Huệ à.

— Dạ.

— Mình còn bao nhiêu ?

— Anh hỏi làm gì chuyện đó.

— Anh phải biết. Còn bao nhiêu, Huệ ?

— Đủ tiêu ba ngày nữa là cùng.

Một mối buồn rơi vào lòng tôi rồi nằm im trong đó. Tôi đặt tay lên vai Huệ. Tôi thấy người nàng hơi rung cùng với đôi vai. Trong thoáng chốc, đầu óc tôi rối bời. Tôi dương to mắt nhìn ra ngoài cửa. Không thấy gì cả, chỉ thấy bóng tối mịt mù. Đầu Huệ vẫn gục trên vai tôi. Tiếng khóc nàng còn đó. Tôi phải làm gì đây ? Tôi tự hiểu, nếu cứ ngồi thế này, rồi tôi cũng sẽ khóc. Tôi sẽ khóc và Huệ mất nơi nương tựa. Không. Không thể được. Tôi phải làm Huệ

tin tưởng nơi tôi, phải cho nàng thấy là tôi thừa sức đề bảo vệ nàng, ít ra cũng trên phương diện tinh thần.

Trong nỗi buồn thấm thía hòa với tình thương cùng chút hăng say, tôi đã bảo Huệ, như bảo chính mình :

— Em cứ yên tâm. Có biết bao nhiêu công việc trên thế gian này, chẳng lẽ không có việc gì đề cho anh sao. Mình chưa tìm ra đó thôi. Mọi sự rồi sẽ qua đi. Buồn khổ rồi cũng sẽ phải qua đi.

— Em không buồn khổ. Chỉ thương anh thôi.

Tôi cười :

— Đừng thương anh. Yêu anh thôi. Bỏ bớt một thứ đi.

Huệ cúi vai tôi thật đau và nàng bật cười ở trong cổ tôi. Tiếng cười của nàng như một bài ca làm tôi phấn khởi. Tôi vui vẻ nói :

— Thương gì mà không cho ăn. Bỏ đói từ trước đến giờ.

Huệ bỗng đứng bật dậy :

— Chết thật. Ẽm quên mất, cứ ngỡ mình ăn cơm rồi.

Nàng mò mẫm đi thắp đèn, xấp cơm. Lúc ngồi vào bàn ăn, tôi tự nhủ :
« Phải kiếm cho ra một việc làm mới được ».

DOÃN DÂN

(còn tiếp)

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

SINH HOẠT

Ý-thức-hệ với Văn-nghệ

Theo ông tổng thư kí hội Bút-Việt thì không gì giới thiệu diễn giả hơn là gần bốn chục tác phẩm ra đời trong mười năm nay — những tác phẩm thuộc loại « *Học làm người* » — và số tác phẩm này cho độc giả thấy tâm huyết của diễn giả : ông Hoàng-Xuân-Việt, đối với vấn đề rèn luyện con người thành những phần tử tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Nay ông ra mắt thính giả để rọi ánh sáng cho một đề tài từng làm băn khoăn cuộc sống, thì hẳn những người có mặt hôm nay (1) sẽ vui lòng theo dõi diễn giả trên con đường gay go này.

Rồi diễn giả nhập đề mặc dầu vì khắp đô thành bị cúp điện sáng hôm ấy, nên máy vi âm thành vô dụng, với giọng nói rõ, to, với hai tay thường làm làm cử chỉ.

Diễn giả xin thính giả chờ xem buổi nói chuyện hôm nay là một cuộc

diễn thuyết, vì ông chỉ muốn thảo luận về một vấn đề mà ông nghiên ngẫm từ lâu và đã phổ biến rải rác trong các tác phẩm của ông. Rồi ông cho biết ngay ba phần chánh của cuộc nói chuyện :

I. Đặt vấn đề : định nghĩa hai danh từ ý thức hệ và văn nghệ, tương quan của ý thức hệ và văn nghệ.

II. Giới thiệu ý thức hệ nhân xã.

III. Áp dụng ý thức hệ nhân xã vào văn nghệ ; sử dụng văn nghệ để cổ võ cho ý thức hệ nhân xã.

..

Danh từ thường có nhiều nghĩa. Đề khởi bị hiểu lầm, diễn giả thấy cần «chánh danh» hai danh từ : ý thức hệ và văn nghệ.

Ý thức hệ, theo ông hiểu ở đây, là : hệ thống ý tưởng chức sức mạnh xã

(1) Chủ nhật 14-3-65, tại thính đường trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ.

đầy đến hành động mà ta cho là hay đẹp nhất và dùng để dẫn đạo tư tưởng, ngôn từ, hành vi, nếp sống của ta.

Còn *Văn nghệ*, được hiểu là: văn chương và nghệ thuật.

Đến đây, ông nhắc đến cuộc thảo luận năm rồi giữa sáu nhà văn ở Pháp do báo *Clarté* tổ chức, trong đó có Sartre, ông nhắc lại việc Sartre chia người viết văn làm hai hạng (1). *écrivain* mà ông định là nhà *sáng văn*, và *écrivain* mà ông định nghĩa là nhà *dụng văn*, ông lại còn thêm hạng thứ ba, là *écriviste* tức là hạng mà theo ông vừa sáng tác những giá trị văn chương, vừa dùng văn chương làm lợi khí tuyên truyền, tranh đấu.

Văn nghệ sĩ cần có ý thức hệ để phục vụ con người và xã hội cho đúng mức; ý thức hệ cần có văn nghệ sĩ để được khai thác, để được phổ truyền. Mỗi tương quan giữa ý thức hệ và văn nghệ vốn là gắn bó.

Vậy ý thức hệ mà văn nghệ cần để làm tròn sứ mệnh của mình là ý thức hệ nào đây? Bởi ý thức hệ thì có nhiều.

Rồi diễn giả giới thiệu ý thức hệ của mình tìm được: đó là ý thức hệ *nhân xã* mà nếu phải dịch ra ngoại ngữ thì: *Homosocialismus* (La-Tinh), *Homosocialisme* (Pháp) *Homosocialism* (Anh) và để tránh giả khởi hiểu lầm, ông nói ngay rằng thuyết nhân xã của ông không phải là thuyết nhân vị của Mounier, Marcel, hoặc thuyết nhân vị của họ Ngô đưa ra, lại càng không phải chủ nghĩa tư bản của thế giới tự do nhập với chủ nghĩa xã hội của thế giới Cộng sản. Sau đó, ông phân tích bản chất

của thuyết nhân xã, từ nhận định những thực thể với chứng minh (con người vốn hướng ki, hướng vật, hướng tha, hướng thượng) đến đặc tính của con người và đặc tính của xã hội để sau cùng đến ý thức hệ nhân xã.

Ý thức hệ này mong muốn khai triển mọi mặt của cá nhân tính và xã hội tính để phục vụ cả con người lẫn xã hội, nên mới lấy tên là ý thức hệ nhân xã. Thuyết nhân xã có những chủ trương chánh yếu sau đây:

1. Nhân quan: Con người gồm có phần tinh thần (trí tuệ, ý chí) và phần bản năng (cảm giác, tình cảm).

2. Nhân sinh quan: Cuộc đời có ý nghĩa, và nhằm hai hướng: hiện thế và siêu thế,

Do đó, đời người có ba loại nhiệm vụ tối thiểu: đối ki, đối tha và đối thượng.

3. Vũ trụ quan: Vũ trụ được sáng tạo và có mục đích.

Khai triển vũ trụ để phục vụ nhân sinh và đề cao uy danh Tạo hóa.

4. Luân lí quan: Nhắm ba điểm.

- yêu Tạo hóa (hướng thượng, hướng vật).
- sống đạo đức (hướng ki)
- thực thi bác ái, công bằng (hướng tha).

5. Nhận thức quan:

Phương pháp nhận thức là *Lí nghiệm tín*, tức nhờ *Lí luận*, *Thực*

(1) Theo bài sinh hoạt của Trảng-Thiên đăng ở *Bách-Khoa* số 180 thì người ấy lại là Roland Barthes. — L.T.S.

nghiệm và Tin tưởng mà tìm chân lí, nói một cách khác, là nhờ triết học, khoa học và đức tin.

Văn nghệ, muốn phục vụ con người và xã hội, tưởng không thể không áp dụng ý thức hệ nhân xã, để tranh đấu cho xác thể cường tráng, trí tuệ sáng suốt, ý chí anh dũng, ngũ quan tinh nhuệ, lương tâm cương trực, tình cảm cao thượng, xã giao bất thiệp. về mặt cá nhân, và về phần xã hội : tự do tối thiểu và tự do thượng tầng, bình đẳng công bằng pháp trị, bớt bị bóc lột, thoát mọi hình thức nô lệ, thụ hưởng các tiện nghi văn minh, nâng cao trình độ văn hóa và thưởng thức lạc thú tinh thần, hòa bình chân chính giữa các dân tộc.

Phiếm luận về văn chương Việt-Nam (1)

Cái thói bàn phiếm — bàn những chuyện không thiết thực diễn giả được người bạn xấu số là Phan-Văn-Hùm mớm cho, ba mươi lăm năm về trước, khi cả hai bị cảnh sát Pháp rượt chạy sang Bỉ, trốn trong một cái buồng ở Bruxelles đề ngày ngày "hai đứa chia nhau một bánh mì". Và từ đó, trong suốt mười ba năm trời, những lúc chung sống ở ngoài đời cũng như ở trong tù, "những cuộc nói chuyện không đề nhứt định, không trụ vào một tác giả, một tác phẩm một thuyết hay một ý nào" đã giúp đôi bạn Hồ-Phan này "đi ngoài lề của các tư tưởng thông thường".

Vì lẽ đó, diễn giả xin kể lại vài chuyện phiếm cho thính giả "nghe chơi, nghe đề tạm quên những rộn rịp thường bữa" và xin phép người nghe "đặt buổi

Diễn giả cho rằng "con người và xã hội tối cần ý thức hệ nhân xã để phát triển toàn diện, mà muốn phổ truyền nhân xã thuyết hữu hiệu, không phương tiện nào bén nhọn bằng văn nghệ. Ông mong rằng tiếng gọi đàn của ông sẽ được văn nghệ sĩ hưởng ứng để làm cho "ý thức hệ nhân xã được biết, được hiểu, được mến và được thực hiện từ mọi việc công đến mọi nếp sống tư".

Và diễn giả hi vọng rằng thuyết nhân xã sẽ là "khí giới đặc lực khai thác tinh hoa ba nền văn minh cột trụ của nhơn loại là : văn minh La Hi, văn minh Nhật Nhi Mãn và văn minh Đông Phương để phong phú hóa nền văn minh Việt Nam.

NGUYỄN-NGU-Í thuật

chuyện phiếm này dưới sự chứng giám của tác giả "Ngồi tù khảm lòn".

Tuy nay ở trong một hoàn cảnh có thể tra cứu lại để lập luận cho minh xác, nhưng diễn giả vẫn cứ nói phiếm như thường vì vốn có tật lười biếng nặng, lại có tánh hể thấy cái gì hay, đẹp thì lại muốn chia cho bạn bè hưởng với. Cho nên mở giả thuyết tìm được, xin đem công bố dưới hình thức phiếm luận để các bạn nào thích — nhất là bạn trẻ — thì suy tư thêm, sưu tầm tài liệu để chứng minh, hầu trở nên nhà học giả, theo nghĩa đẹp, còn diễn giả có bị chê là học giả, theo nghĩa xấu,

(1) Bạn nào muốn biết đầy đủ, xin xem tuần báo HÒA-ĐỒNG, từ số 12 trở đi.

cũng vẫn chưa sao. May mà những phiếm luận nêu ra giúp được đề tài cho sinh viên Văn khoa lập luận án, thì diễn giả chỉ xin một điều, là được cho hay lúc trình bày luận án, đề diễn giả đến « nghe chơi ».

Và diễn giả lần lượt phiếm luận về năm đề tài.

I. — Về ngôn ngữ Việt

Có một ngôn ngữ Việt chăng ?

Ai từng thấy đồng bào Thượng nói tiếng khác ta thì cũng nghĩ : ta có một ngôn ngữ riêng, ai đọc sách ta biết nhà Hồng Bàng có hai lần cử sứ sang Tàu dâng rùa, dâng trĩ, khi sứ nói chuyện với vua, quan Tàu, phải trải qua ba lần thông dịch mới hiểu nhau được.

Như thế, chưa thể bảo rằng hai thứ tiếng căn bản khác nhau. Thuở nhỏ, diễn giả đã không hiểu tiếng người ở Quảng-Bình, chỉ vì giọng nói khác nhau. Nhỏ như nước ta còn có hiện tượng đó, huống hồ gì rộng mênh mông như nước Tàu. Người khách trú ở Chợ-Lớn, thường nói chuyện với nhau bằng tiếng... Việt !

« Vậy, sự cần nhờ qua kẻ thông dịch viên, vào đời vua Nghiêu và vua Thành-Vương nhà Châu, có phải là bằng chứng rằng hai ngôn ngữ khác nhau trong căn bản hay chỉ khác giọng nói mà thôi ?

Tiếng Pháp, tiếng Í-Đại-Lợi, tiếng I-Pha-Nho do tiếng La-Mã biến ra. Tiếng Việt ta có phải Tàu biến ra, hay là một thứ tiếng có căn bản khác ? Đếm trong một cuốn tự điển Việt, thì có hơn sáu chục phần trăm là tiếng Hán-Việt, tức là gốc chữ Hán, đọc với giọng

riêng. Một phần lớn số tiếng còn lại là tiếng Hán-Việt đọc trại ra, tỉ như *tâm* biến thành *tim*. Nên có phải do đó mà kết luận rằng tiếng Việt do tiếng Tàu mà ra, như tiếng Pháp do tiếng La-Mã biến ra chăng ?

Đến đây, diễn giả đi tìm nguồn gốc giọng Hán-Việt. Đã lâu diễn giả có đọc một bài khảo luận, so sánh giọng Hán-Việt của ta với tất cả giọng thổ ngữ Trung-Hoa, rồi kết luận : giống gần hết giọng nói địa phương của một quận bên Tàu, nằm giữa lưu vực hai sông Hồng-Hà và Dương-Tử.

Kết luận trên đây khiến diễn giả đưa ra một giả thuyết rằng : thời Tàu đô hộ ta, mà có loạn, một số người tránh loạn, muốn di cư. Có vị thái thú tuyển mộ một số thầy đồ qua đất Việt, đứng vào cái vùng nói trên. Do đó giọng đọc Hán-Việt của ta ngày nay là giọng nói của các ông đồ Tàu thời xưa di truyền lại.

Diễn giả xin phép đánh một cái vòng to lớn nữa, vượt phạm vi văn chương, ngôn ngữ, lặn qua miếng đất lịch sử. Hồi nhỏ, học sử, được dạy rằng dân tộc ta trong cuộc Nam tiến đã diệt chủng dân Chăm, rồi dân Miên. Diễn giả đã tủi hổ vì ông cha mình tỏ ra khát máu, giết cả triệu người trong lúc không chiến tranh. Lớn lên, xét lại, mới thấy điều trên là sản phẩm những sử gia mà diễn giả xin lỗi thính giả mà bạo lời cho họ, « hoàn toàn dốt nát mà không chịu khảo cứu ». Một chứng cứ : một số hẻo lánh của người Miên ở gần quê tác giả, không ai di cư, không ai bị giết, nhưng sau bốn, năm thế hệ, người Miên chỉ nói tiếng Việt mà thôi. Diễn giả thấy diễn trước mắt mình hiện tượng đồng hóa

bằng ngôn ngữ, chứ không có hiện tượng diệt chủng.

Đánh một cái vòng to rộng nữa trong không gian, ông lần lượt « xâm phạm » địa hạt sở trường của các bạn ông : ngôn ngữ học của Lê-Ngọc-Trụ, văn phạm hay ngữ pháp của Phạm-Duy Khiêm, Trương-Văn-Chinh, Nguyễn-Hiến Lê và triết học của Nguyễn Đăng Thục.

Tiếng La Mã đồng hóa các thổ ngữ 1. Pháp, 1, tiếng Hán tiêu hóa các thổ ngữ Mãn, Mông, Hồi, Tạng, tiếng Anh ở Hoa Kỳ nuốt các tiếng các sắc dân châu Âu. Hiện tượng « tiếng nuốt tiếng » này, đưa đến kết luận : « khi hai thứ tiếng gặp gỡ nhau, thì tiếng nào có sinh lực dồi dào hơn sẽ đồng hóa tiếng kém sinh lực ». Số đông thắng số ít, đã đành nhưng có những trường hợp nghịch lại, như người Việt ta ở Nam-Vang vốn thiểu số, mà dần dần tiếng Việt lấn át tiếng Miên ; theo diễn giả, thì « tiếng nào có một văn phạm giản dị và hợp lí hơn là tiếng ấy có ưu thế thắng ».

Tiếng La-Tinh vì văn phạm rắc rối quá mà thành tử ngữ. Tiếng Đức giàu hơn tiếng Anh mà sang Hoa-Kì thua tiếng Anh là vì văn phạm Anh giản dị hơn văn phạm Đức.

Rồi so sánh văn phạm ta với văn phạm Tàu, diễn giả thấy chúng giống nhau đến chín phần mười và cũng giản dị cả. Song nghịch nhau ở căn bản : Tàu thì tiếng chỉ định bao giờ cũng đứng trước tiếng bị chỉ định, Việt thì nghịch hẳn, Tàu nói *bạch mã*, ta nói *ngựa trắng*. Tại sao ? Vì nếp suy tư của ta nghịch hẳn của Tàu. Ta thấy phần khái quát

trước phần riêng tư. Điều này dẫn đến một nền tin tưởng khác nhau.

Trước khi sang vấn đề khác, diễn giả xin « xỏ xâu » tất cả phẩm luận trên đây :

« Nhờ có một nếp tư tưởng tự nhiên và giản dị, ta có một văn phạm giản dị và hợp lí. Nhờ văn phạm này, ta đồng hóa bằng ngôn ngữ dân tộc Chăm và Thủy-Chân-Lạp, tiêu hóa những danh từ Hán - Việt do các ông đồ Tàu đem sang. Việc tiêu hóa này có thể mượn hình dung con trăn nhỏ nuốt con nai to. Tiếng Hán - Việt tuy nhiều hơn tiếng thuần Việt, song văn phạm ta hợp lí hơn văn phạm Tàu, mà suốt ngàn năm bị đô hộ, tiếng ta không mất như tiếng Chăm và tiếng Chân-Lạp ở miền Nam, mà càng du nhập thêm tiếng Hán - Việt, tiếng ta càng giàu thêm, nhưng không mất bản chất là một thứ tiếng hoàn toàn độc lập ».

II. Về văn chương sau lũy tre xanh

Diễn giả bác bỏ thành ngữ « văn chương bình dân » thường được dùng trong văn học sử. Ông quan sát trong làng mình, thấy vài người đặt thơ, vè, câu hát và câu đố, nhưng họ không phải là người bình dân, bởi học lực họ khá cao. Mà suốt ngàn năm Bắc thuộc và sau đó mấy trăm năm, dân ở thôn quê — sau những lũy tre xanh — phần đông thiếu học, không dùng chữ Hán được, mà chỉ « xài rông tiếng Việt » ; vài ông thầy thuốc, quan về hưu... về sống sau lũy tre xanh, cũng phải nôm na mánh què, và sáng tác loại văn chương sau lũy tre xanh nó chiếm phần quan trọng

trong đời sống dân gian, vì trước đây, thành thị ít và nhỏ, không như bây giờ.

Nghiên cứu nền văn chương này, chưa ai so sánh loại nào trọng, loại nào khinh, loại nào xưa nhất, loại nào mới xuất hiện. Diễn giả quả quyết loại xưa nhất và phổ cập nhất trong dân gian là loại *hát ru em*; và loại hát ừ ở này chiếm vai trò quan trọng nhất. Vì khi loài người tách rời loài thú, bằng ngôn ngữ, thì xuất hiện sự « cần dùng ừ ở một cái gì cho trẻ con êm tai mà ngủ, và n'la nào hễ có con nít nhỏ, là thấy ru em cất lên hằng ngày

Vậy thể ca dao nào cũ nhất và phổ thông nhất? Diễn giả nhận rằng từ Bắc vào Nam, điệu ru có khác, song thường dùng thể lục bát, vì nhạc điệu thể thơ này êm tai người Việt hơn hết, « cho nên câu thơ lục bát có thể là câu thơ xưa nhất và tinh thuần Việt nhất ».

Với cái « chìa khóa » này, diễn giả mở vài bí mật trong văn học sử nước nhà.

Từ nhà Đinh đến đầu thế kỉ XX, « hình như các tác giả thi nhau mà sáng tác bằng thơ lục bát, và áng văn nào viết theo thể ấy dễ thâm nhập trong dân chúng hơn là viết theo thể khác »

Một điều lạ lùng, là tiểu thuyết của hai nước Tàu và Pháp viết bằng văn xuôi, còn ở nước ta, trước thế kỉ XX, hầu hết lại viết bằng thơ lục bát. Dem nhận xét này mà bàn với một người bạn là Hoàng-Xuân-Hãn, thì ông Hãn cũng công nhận và cho biết là một người trong văn phái Hồng-Sơn, ở đầu thế kỉ XIX, toan dịch những truyện Tàu nổi tiếng ra tiếng Việt, theo thể lục bát. Ông này là

Lí-Văn-Phức; chính ông Hãn còn giữ được ít tờ của một bản dịch *Tam-Quốc Chí* bằng thơ lục bát và in bằng gỗ. Ông cũng đem chuyện tiểu thuyết bằng thơ lục bát nói với Triều-Sơn; nhà văn trẻ này nhận đó là một điểm son của văn chương Việt, và viết một bộ tiểu thuyết bằng thơ lục bát, « tả một cô gái Việt trong thời loạn của ta, chịu tất cả đắng cay và đau khổ, mà vẫn giữ một tâm hồn dân tộc ». Diễn giả có đọc qua. Triều-Sơn mắt, chẳng biết bản thảo về ai. Ai giữ được, nên in ra trong buổi văn gia ta chỉ viết tiểu thuyết bằng văn xuôi để trình bày một áng văn « của một văn sĩ có tư tưởng mới mà bọc trong bộ áo cũ ».

Sang một ý khác. Tiểu thuyết ta viết bằng thơ lục bát dễ ngâm dễ thuộc. Ở Pháp khá lâu, diễn giả chưa gặp một người Pháp nào thuộc lòng quyển tiểu thuyết trứ danh của họ là bộ. « *Les misérables* »; còn ở ta, thuộc lòng *Truyện Kiều* hay *Lục-Vân Tiên* là việc thường thấy. Nếu khắp thế giới, không có nước nào mà dân thuộc nằm lòng tiểu thuyết của họ như nước ta, thì đó cũng nên kể là « một kì quan trong văn hóa ».

Nhờ vậy, mà tai trời ách nước có hủy hết sách vở (như trường hợp nhà Minh đốt, thâu hết sách nước ta, rồi đem về Tàu), dân gian cũng còn nhớ đôi áng văn, để rồi cho chúng hồi sinh.

III Về văn tự

Một thắc mắc

Trước thời Tàu đô hộ, ta có một văn tự riêng không?

Dương-Quảng-Hàm cho là không thể giải quyết được.

Nguyễn-Đồng-Chi lập thuyết ta đã có một thứ chữ riêng,

Diễn giả nghĩ vấn đề trên chưa có tầm quan trọng. Nếu sau, ta khai quật phát giác ra đồ đồng, đồ gốm, xương thú, có ghi những dấu mà ta nghĩ là văn-tự, chừng ấy sẽ tranh biện, còn giờ thì hãy bàn phẩm về chữ Nôm của ta.

Một câu hỏi :

Ai đặt ra chữ Nôm ?

Dương-Quảng-Hàm cho rằng do các bậc học giả ta đề làm thơ, văn.

Diễn giả thị kiến rằng thuở đầu cuộc Bắc-thuộc, quan cai trị Tàu bắt buộc phải ghi vào sổ bộ tên người, tên làng, tên vật, tên cây v.v... Những tên này toàn là tiếng Nam. Đề ghi, quan Tàu mượn chữ Hán, nhái theo âm, đề ghi vào sổ bộ. Rồi dần dần, được hệ thống kia. Theo diễn giả, kẻ sáng chế ra chữ Nôm không phải là người Việt, mà là các quan cai trị Tàu hợp tác với thơ lại bản xứ. Có thể, ta mới cắt nghĩa được sự xuất hiện hai chữ Bồ-Cái đề chỉ Phùng-Hưng, cuối thế kỉ thứ VIII.

Đến đây, diễn giả cho biết một bạn nay đã quá cố, bác sĩ Nguyễn-Văn-Quan, có ghé nước Nhật, năm 1935, một gia đình quý phái có biểu một quyền tự điển Nôm-Hán (Kê những chữ Nôm ra, rồi cắt nghĩa bằng chữ Hán), cuốn sách rất xưa này do tổ tiên mấy mươi đời sang Tàu du học -- có lẽ vào đời nhà Đường -- đem về. Bác sĩ Quan có đưa cho Phan-Văn-Hùm xem, Phan-Văn-Hùm nói lại với diễn giả, cả hai dịch tổ chức một cuộc triển lãm, rồi mời học giả khảo cứu đề so sánh chữ Nôm ấy với chữ Nôm

bây giờ. Nhưng họ Phan họ Hồ vào tù, tiếp đến bao biến cố lịch sử và nạn lửa binh, Phan-Văn-Hùm bị thủ tiêu, bác sĩ Quan từ già cỗi đời, nay chẳng rõ gia đình bác sĩ ở đâu và còn giữ sách nọ chẳng ? Diễn giả mong bộ Giáo dục và Văn hóa đề ý đến việc này.

IV Về vài áng văn dài và xưa mà nay còn sót lại.

Áng văn nào xưa nhất ?

Bằng chứng trả lời là truyện *Trinh Từ*, ở thế kỉ XIV, vào cuối đời Trần. Diễn giả nhắc lại một phẩm luận của Phan-Văn-Hùm nói với mình, năm 1930, lúc ở Bỉ: Phan-Văn-Hùm cho đó là quyền *Trê Cốc*, phải sáng tác vào đầu nhà Trần, vì tác giả lập tâm công kích việc Thủ-Độ ép Thái-Tông bỏ Chiêu-Thánh, lấy người chị vợ (mà cũng là chị dâu) đã có thai. Công kích triều đình phải ần danh, lại nói khéo thế nào cho người đọc hiểu lóng được, mà triều đình không thể khép tội.

Trước Phan-Văn-Hùm, có Bùi-Huy-Bích thời Tây-Son cho rằng tác giả *Trê Cốc* là một vị gia khách nhà đức Liễu-Dương đời Trần sau Phan-Văn-Hùm, có học giả Bùi-Kì tán đồng phần nào phẩm luận này. Vậy nếu lập luận của ba người này mà đúng thì cái thuyết cho Hàn-Thuyên là người bắt đầu dùng chữ Nôm làm thi phú bị đánh đổ.

Đến đây, diễn giả xin đánh bạo mà nói phẩm hơn ba người trên mà cho rằng áng văn dài còn sót và xưa nhất ra đời nhà Đinh, tức là cuối thế kỉ thứ X, chứ không phải là đầu thế kỉ XIII,

V. Một chuyện cổ tích Việt đi vòng khắp thế giới.

Đó là chuyện *Con Tấm con Cám*, mà chúng ta không ai là không biết. Những tiểu tiết trong truyện (như bánh trôi bèo, tằm trầu) chứng tỏ rằng chuyện này hoàn toàn Việt. Bản in nay có khác nhau nhưng cốt truyện đều giống nhau, và nói chuyện xảy vào đời nhà Đinh.

Diễn giả không cho là chuyện có thật mà là chuyện bịa. Ông cho rằng lúc ấy kẻ ác đầy đây, luân thường chẳng có mấy, Đinh - Tiên - Hoàng phải dùng chính sách cứng rắn, nhưng thế chưa đủ, cần phải dùng văn chương mà tuyên truyền đạo đức, dạy làm lành, lánh dữ : con Cám ở bậc chót nấc thang xã hội mà nhờ lòng tốt, làm lành, mà làm mẫu nghi thiên hạ, còn kẻ độc ác, thì bị trừng phạt nặng nề. Nhờ phương tiện chánh quyền đem đi phổ cập khắp nơi mà sau đó vượt biên giới. Một ông vua nhà Tống ra lệnh gom góp chuyện hay trong nước mà làm một bộ sách tập thể với tên *Thái bình quảng kí*. Chuyện con Tấm con Cám được chọn, và nhờ phương tiện triều đình, mà được phổ cập ở nước Tàu, lối trăm năm sau khi nó xuất hiện ở nước Việt. Rồi gần ba trăm năm sau, Marco Polo sang Trung Hoa, dưới đời nhà Nguyên. Sau, về Âu-Châu, đoàn tùy tùng đem chuyện ấy thuật lại ; ba trăm năm sau nữa Des Perrieros chép nó lại trong quyển *Nouvelles récréations et joyeux devis* ; trăm năm sau, Perrault dựa vào cốt truyện đó mà sáng tác ra *Cendrillon*, tiểu tiết có sửa lại cho có màu sắc Tây phương. *Cendrillon* được dịch ra nhiều thứ tiếng rồi phim màu đưa nó đi khắp cả hoàn cầu.

Diễn giả nhớ lại hồi còn ở Côn-Đảo, trả lời cho một cuộc phỏng vấn của Bách-Khoa, có nói sơ qua điều này, người phụ trách cuộc phỏng vấn góp ý cho rằng đó là chuyện tình cờ giống nhau, chớ không thể bảo chuyện con Tấm con Cám là nguồn gốc chuyện *Cendrillon*. Nay diễn giả chỉ phăng có cái mối : từ nước Việt ta sang Biện-Kinh, còn từ đó sang Âu cho đến Perrault ở Pháp, thì xin đề cho bạn sinh viên nào hăng hái ra công, lấy đó làm một luận đề, chắc chắn sẽ đem lại nhiều thú vị, làm sáng tỏ bao nhiêu vấn đề.

Diễn giả hé một niềm tâm sự mong được thấy thi sĩ ta sáng tác một truyện con Tấm con Cám cho hay đề lưu truyền Tổ nối lòng mình cho Tú-Mỡ, năm 1946, ở Hà-Nội, diễn giả được biết Tú-Mỡ có viết xong một tập thơ *Con Tấm con Cám* và khởi đầu in, nhưng rồi binh lửa xảy ra. . . Diễn giả mong trong hàng thích giả, có người sẽ được Nàng Thơ dẫn dắt mà thành công trong việc này, để trẻ em nước nhà có một quyển sách đẹp, với thơ hay, hình ngộ.

Đề kết luận, diễn giả xin nói mấy lời với anh chị em sinh viên :

« Đối với những phẩm luận này, các bạn sinh viên nên có một trong hai thái độ sau đây. Nếu các bạn đầy sinh lực, giàu hăng hái, ứ nhựa hành động, thì các bạn chia nhau mỗi người một phẩm luận mà làm đề tài đề nghiên cứu một cách rất chính xác và rất khoa học. Rồi dùng các thành tích khoa học ấy mà dùng một lượt, tấn

công những huyền thoại mà hiện nay người ta đang cho lưu hành trong nhà trường, dưới nhãn hiệu là thuyết chính thống. Các bạn sẽ làm một cuộc thay đổi lớn trong lịch sử văn học của nước nhà.

« Còn trái lại, nếu các bạn, tuy là trẻ tuổi mà tâm hồn đã già như tôi, đã làm một đám Lăn-Nhân như tôi, thì tôi thành thật khuyên các bạn mau mau bắt chước một nhà hiền triết ở phương Đông, mà đi rửa lỗ tai. Rửa bảy lần, để gột cho sạch các phiếm luận đã vừa nghe. Bằng không vậy chúng còn vương vấn các bạn, các bạn đi thi mà lỗ viết ra trong bài, các bạn sẽ lãnh điểm rất nhỏ. Các bạn có thi trượt, xin chớ trách tôi sao không mách trước ».

Và khi diễn giả bước xuống diễn đàn cũng như lúc lần ra sân trường Quốc-Gia Âm-Nhạc và Kịch Nghệ trưa ngày 21 tháng 3 ấy, thì nhiều bạn trẻ đã vây lấy, người hỏi, người nhìn, người xin chữ kí trên các tập báo mà người đã gởi gắm ít nhiều tình ý: Phải chăng vì hai lần diễn thuyết trước (1) đã không thành, vào giờ chót? Phải chăng vì lời giới thiệu của thi sĩ Vũ-Hoàng Chương, vị chủ tịch của Trung tâm Văn-Bút Việt-Nam, mà tài gieo vần nếu chẳng khiến cho giới trẻ lấy đó làm khuôn thước, thì thái độ kẻ sĩ thời Phật giáo bị Diệm-Nhu đàn áp đã làm mọi người cảm phục. Vì lời giới thiệu ấy rất mực văn chương mà cũng rất mực chân thành... Người tường thuật buổi nói chuyện này xin ghi lại đoạn đầu :

(1) Xét về biện pháp Trung-lập chế và Tại sao tôi dùng sấm kí trong việc sáng tác văn chương và tư tưởng.

« Trung-tâm Văn-Bút Việt-Nam vừa giao cho tôi một công việc, tuy không cần thiết lắm mà lại hóa ra thiên nan vạn nan. Đó là giới thiệu diễn giả Hồ-Hữu-Tường cùng quý vị thỉnh giả.

s Thật thế, Hồ tiên sinh đã tiếng tăm vang dậy qua mọi tầng lớp, mọi lãnh vực, từ ba mươi mấy năm nay nhất là ở Sài-Gòn 1965 của chúng ta; cần chỉ đến người giới thiệu !

« Một mặt khác, văn nghiệp tiên sinh cũng như thân thể tiên sinh hiện đang trở thành một « huyền thoại » trong đó sôi nổi lên những vô ngôn của « sấm kí », tràn ngập lên những vô hà hữu của « thị kiến », và cũng lắng đọng lại biết bao nhiêu vạn biến nhi bất biến của « trầm tư »... Một huyền thoại ngay giữa thời vệ tinh phi đạn, huyền thoại Hồ-Hữu-Tường, làm sao tôi có đủ sức giới thiệu với quý vị cho được !

« Nhưng, kể từ năm 1946, tôi hạnh ngộ tiên sinh ở Hà-Nội, 6 chữ « Tương lai Văn-Hóa Việt-Nam » thường vẫn theo đuổi tôi như một ám ảnh kì thú, ẩn hiện trên sáu chiều vũ trụ mang mang. Suốt hai chục năm sau, tôi luôn luôn dọn sẵn tâm hồn để may ra thông cảm với tiên sinh giữa khoảng những dòng chữ in rải rác đây đó, mong cảm giữ được chút nào bóng trắng trên mặt nước, vẽ hoa trong đáy gương...

« Buồn thay ! Nhân gian có nhiều cát bụi quá, nhiều biên giới quá ! Kề cả cát bụi thời cuộc và biên giới lao lung...

« Đỗ Phủ xưa từng nung Lí-Bạch. Tôi thì tình chưa đủ thân với tiên sinh, chỉ không đủ cao để theo kịp tiên sinh, nên chẳng dám ngoa ngôn rằng mình cũng có mộng ấy. Rừng xanh ả tối đi về, tiên sinh hẳn phải có những nhịp cầu khác; và nói riêng đất Sài-Đô này, tiên sinh cũng thiếu gì bạn đồng tâm !

« May sao ! Cái phải tới đã tới ».

NGUYỄN-NGU-Í kể

TRONG GIA-ĐÌNH ÊM-ẤM
HAY TRÊN ĐƯỜNG XA
KHÁT MỆT



Chỉ có



NƯỚC-NGỌT "CON-CỌP"

Chai "HÒA TIỀN"!

CAPSTAN

MEDIUM



W.D.&H.O.WILLS.
BRISTOL & LONDON

Chủ nhiệm | Sáng lập : HUYNH VĂN LANG
Quản nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU

Tòa soạn | 160 Phan đình Phùng Saigon
Đ.T. 25.539 - H.T. 339

In tại nhà in TƯƠNG LAI
133 Võ Tánh Saigon

GIÁ : 10 \$
CÔNG SỞ : 15 \$